**120 câu hỏi đáp pháp luật và 13 tiểu phẩm pháp luật về công chứng, chứng thực, lý lịch tư pháp, hộ tịch**

*Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Thông tư 01/2020/TT-BTP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.*

**1. Xin hỏi, Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận không?**

Chứng thực bản sao từ bản chính là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

Bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấncó thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chứng nhận.

**2. Xin hỏi, Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền chứng thực chữ ký của người dịch không?**

Chứng thực chữ ký là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.

Chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch.

**3. Tôi dự định mua chiếc xe máy Vespa của người chị họ. Xin hỏi, tôi có thể đến Ủy ban nhân dân xã chứng thực hợp đồng mua bán xe không?**

Chứng thực hợp đồng, giao dịch là việc cơ quan có thẩm quyền chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Hợp đồng, giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ chứng minh về thời gian, địa điểm các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.

Xe máy là tài sản thuộc nhóm động sản, vì vậy, ông/bà có thể đến Ủy ban nhân dân xã chứng thực hợp đồng mua bán xe với người chị họ.

**4. Để thuận lợi trong canh tác, tôi và anh trai muốn đổi đất trồng lúa cho nhau, (hiện cả hai thửa đất này anh em tôi đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có diện tích sử dụng như nhau, cùng tại xã B). Tôi xin hỏi, chúng tôi có thể đề nghị Ủy ban nhân dân xã thực hiện chứng thực giao dịch này không?**

Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước giao trong hạn mức; đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; đất nhận chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho, nhận thừa kế thì có quyền chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp trong cùng một xã, phường, thị trấn với hộ gia đình, cá nhân khác.

Tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Theo đó, nếu đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định nêu trên, ông/bà có thể đổi đất canh tác cho nhau và thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Ủy ban nhân dân xã.

**5. Vợ chồng ông bà Trần Thanh T và Bùi Thị C cùng chết trong một tai nạn giao thông, không có di chúc để lại. Sau khi lo tang lễ cho cha mẹ chu toàn, các con ông bà T đã cùng nhau họp thống nhất phân chia di sản cha mẹ để lại. Các con ông bà T muốn biết, họ có thể đề nghị cơ quan nào chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế?**

Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, Phòng Tư pháp có thẩm quyền chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.

Điểm h Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

Như vậy, sẽ có 02 trường hợp sau xảy ra:

- Thứ nhất, nếu di sản chỉ gồm có động sản (ô tô, xe máy, tiền, vàng, giấy tờ có giá…) thì các con ông bà T có thể đến Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản.

- Thứ hai, nếu di sản gồm có động sản và bất động sản hoặc chỉ có bất động sản (quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà) thì các con ông bà T có thể đến Ủy ban nhân dân xã để chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản.

**6. Tôi xin hỏi, cơ quan nào có thẩm quyền chứng thực văn bản từ chối nhận di sản?**

Vấn đề bạn hỏi được quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan có thẩm quyền chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.

**7. Đề nghị cho biết, công chức Tư pháp – hộ tịch có thẩm quyền ký chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã không?**

Không.

Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**8. Tôi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B, quận C, thành phố H. Gần 5 năm nay, tôi đến nhà con trai út ở xã N, huyện P, tỉnh M để trông nom nhà cửa, con cái cho cháu đi làm. Xin hỏi, tôi muốn di chúc để lại tài sản cho các con thì có thể ra Ủy ban nhân dân xã N chứng thực di chúc không?**

Có.

Tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, chứng thực di chúc quy định tại Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP không phụ thuộc vào nơi cư trú của người yêu cầu chứng thực.

**9. Tôi hiện đăng ký thường trú tại phường A, quận B, thành phố N. Tôi có mảnh đất ở tại phường C, quận H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay tôi muốn tặng cho quyền sử dụng mảnh đất này cho con trai tôi thì tôi có thể đến Ủy ban nhân dân phường A để chứng thực hợp đồng tặng cho?**

Tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà.

Theo đó, ông/ bà cần đến Ủy ban nhân dân phường C để chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai mình.

**10. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao?**

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì, trường hợp pháp luật quy định nộp bản sao thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận bản sao, không được yêu cầu bản sao có chứng thực nhưng có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính, trừ trường hợp có căn cứ về việc bản sao giả mạo, bất hợp pháp thì yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc tiến hành xác minh, nếu thấy cần thiết.

**11. Xin cho biết, thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là bao lâu?**

Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; trừ các trường hợp: (i) gia hạn thời gian chứng thực bản sao từ bản chính; (ii) theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch; (iii) chứng thực giao dịch, hợp đồng.

**12. Đề nghị cho biết, người yêu cầu chứng thực có quyền và nghĩa vụ gì?**

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Người yêu cầu chứng thực có quyền yêu cầu chứng thực tại bất kỳ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào thuận tiện nhất, trừ trường hợp chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất, chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà. Trong trường hợp bị từ chối chứng thực thì có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức từ chối giải thích rõ lý do bằng văn bản hoặc khiếu nại theo quy định của pháp luật.

- Người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ, văn bản mà mình yêu cầu chứng thực hoặc xuất trình khi làm thủ tục chứng thực theo quy định.

**13. Người thực hiện chứng thực có quyền và nghĩa vụ nào?**

Người thực hiện chứng thực là Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; công chứng viên của Phòng công chứng, Văn phòng công chứng; viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự của Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và Cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 9 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định về nghĩa vụ, quyền của người thực hiện chứng thực, gồm:

- Bảo đảm trung thực, chính xác, khách quan khi thực hiện chứng thực.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chứng thực của mình.

- Không được chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi.

- Từ chối chứng thực trong các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao, trường hợp không được chứng thực chữ ký hoặc trường hợp giấy tờ, văn bản không được dịch để chứng thực chữ ký của người dịch.

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin cần thiết để xác minh tính hợp pháp của giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực.

- Lập biên bản tạm giữ, chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với giấy tờ, văn bản yêu cầu chứng thực được cấp sai thẩm quyền, giả mạo hoặc có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.

- Hướng dẫn người yêu cầu chứng thực bổ sung hồ sơ, nếu hồ sơ chứng thực chưa đầy đủ hoặc hướng dẫn nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền chứng thực, nếu nộp hồ sơ không đúng cơ quan có thẩm quyền.

Trong trường hợp từ chối chứng thực, người thực hiện chứng thực phải giải thích rõ lý do bằng văn bản cho người yêu cầu chứng thực.

**14. Bà nội tôi vừa qua bị tai biến liệt nửa người không thể đi lại được. Bà tôi muốn lập di chúc chia tài sản cho các con, cháu. Vậy, tôi có thể đề nghị Ủy ban nhân dân xã cử người đến nhà chứng thực di chúc của bà mình không?**

Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, việc chứng thực được thực hiện tại trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực, trừ trường hợp chứng thực di chúc, chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký mà người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.

Đối chiếu trường hợp ông/bà nêu, gia đình có thể đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử người đến nhà để chứng thực di chúc của bà.

Khi thực hiện chứng thực, người chứng thực sẽ phải ghi rõ thời gian (giờ, phút) chứng thực.

**15. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về tiếng nói và chữ viết dùng trong chứng thực hợp đồng, giao dịch?**

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, tiếng nói và chữ viết dùng trong chứng thực hợp đồng, giao dịch là tiếng Việt.

Trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch.

**16. Xin hỏi, mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch** **được quy định như thế nào?**

Lời chứng là nội dung bắt buộc của Văn bản chứng thực.

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, mẫu Lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch như sau:

Ngày ………… tháng ………. năm …………. (Bằng chữ ………………)

Tại ………………………………………………………………… (4).[Tôi (5) ……………………………………………..,](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/Nghi-dinh-23-2015-ND-CP-cap-chung-thuc-ban-sao-tu-ban-chinh-chung-thuc-chu-ky-266857.aspx#bookmark1) là (6) ………………………

Chứng thực

- Hợp đồng ……………………………… (7) được giao kết giữa:

Bên A: Ông/bà: ………………………………………………………

Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (3) số…………………..

Bên B: Ông/bà: ………………………………………………………

Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu (3) số…………………..

- Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch đã cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng, giao dịch.

- Tại thời điểm chứng thực, các bên tham gia hợp đồng, giao dịch minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã ký/điểm chỉ (9) vào hợp đồng, giao dịch này trước mặt tôi.

Hợp đồng này được lập thành ……… bản chính (mỗi bản chính gồm ……. tờ,.... trang), cấp cho:

+ …………………. bản chính;

+ …………………. bản chính;

Lưu tại Phòng Tư pháp /UBND xã, phường, thị trấn (8) 01 (một) bản chính.

Số chứng thực …………. quyển số ……….. (1) - SCT/HĐ,GD

Ngày ………… tháng ………. năm ………….

Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (2)

**18. Xin hỏi, pháp luật quy định như thế nào về việc lưu trữ sổ, văn bản, giấy tờ chứng thực?**

Vấn đề ông/bà quan tâm được quy định tại Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP như sau:

- Sổ chứng thực là tài liệu lưu trữ của Nhà nước, được bảo quản, lưu trữ vĩnh viễn tại trụ sở cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

- Đối với việc chứng thực chữ ký và chứng thực chữ ký người dịch, cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực phải lưu một bản giấy tờ, văn bản đã chứng thực; thời hạn lưu trữ là 02 (hai) năm. Trong trường hợp chứng thực chữ ký của người tiến hành giám định trong văn bản kết luận giám định tư pháp, chứng thực bản sao từ bản chính thì không lưu trữ.

- Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu một bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ; thời hạn lưu trữ là 20 (hai mươi) năm.

- Cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không được thu lệ phí, chi phí khác đối với văn bản chứng thực lưu trữ nêu trên; có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ sổ chứng thực và văn bản chứng thực.

- Việc tiêu hủy văn bản chứng thực khi hết thời hạn lưu trữ được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**19. Xin cho biết, người nào có quyền yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc?**

Bản sao là bản chụp từ bản chính hoặc bản đánh máy có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.

Sổ gốc là sổ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền lập ra khi thực hiện việc cấp bản chính theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung đầy đủ, chính xác như bản chính mà cơ quan, tổ chức đó đã cấp.

Bản sao được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tại Điều 16 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, cá nhân có quyền yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc, gồm:

- Cá nhân được cấp bản chính.

- Người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân được cấp bản chính.

- Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết.

**20. Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc được quy định như thế nào?**

Tại Điều 16 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc phải xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng để người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra.

Trong trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân được cấp bản chính, cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người được cấp bản chính đã chết, thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.

Cơ quan, tổ chức căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao cho người yêu cầu; nội dung bản sao phải ghi theo đúng nội dung đã ghi trong sổ gốc. Trường hợp không còn lưu trữ được sổ gốc hoặc trong sổ gốc không có thông tin về nội dung yêu cầu cấp bản sao thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu.

Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi yêu cầu qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng hoặc giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính, 01 (một) phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao.

**21. Xin cho hỏi, pháp luật quy định những giấy tờ, văn bản nào được xem là bản chính để chứng thực bản sao?**

Chứng thực bản sao từ bản chính là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính. Bản chính là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại; những giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao từ bản chính, gồm:

- Bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

- Bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**22. Đề nghị cho biết, trách nhiệm của người yêu cầu chứng thực bản sao và người thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính?**

Vấn đề ông/bà hỏi được quy định tại Điều 19 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Theo đó, người yêu cầu chứng thực bản sao phải chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp lệ, hợp pháp của bản chính giấy tờ, văn bản dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao; không được yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao.

Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao đúng với bản chính.

**23. Xin hỏi, thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính được thực hiện như thế nào?**

Điều 20 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định về thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính:

Bước 1. Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực.

Trong trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trước khi yêu cầu chứng thực bản sao; trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại.

Bước 2. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp.

Bước 3. Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp không được dùng là cơ sở để chứng thực bản sao thì thực hiện chứng thực như sau:

a) Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định;

b) Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.

Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực.

**24. Do tôi đề nghị chứng thực nhiều giấy tờ quan trọng, trong đó có cả bản dịch tiếng nước ngoài nên bộ phận tiếp nhận hồ sơ đã viết giấy hẹn tôi sau 02 ngày quay lại để nhận kết quả. Xin hỏi, việc không trả kết quả chứng thực ngay trong ngày làm việc này có đúng không? Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?**

Vấn đề ông/bà hỏi được quy định tại Điều 21 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định thì có thể gia hạn thời gian chứng thực bản sao từ bản chính. Thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

**25. Những bản chính giấy tờ, văn bản nào không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao?**

Điều 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định những bản chính giấy tờ, văn bản sau đây không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao:

- Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ.

- Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung.

- Bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp.

- Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.

- Bản chính do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trước khi yêu cầu chứng thực bản sao.

- Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**26. Đề nghị cho biết trách nhiệm của người yêu cầu chứng thực chữ ký và người thực hiện chứng thực chữ ký được quy định như thế nào?**

Chứng thực chữ ký là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực. Chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì, người yêu cầu chứng thực chữ ký phải chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản mà mình ký để yêu cầu chứng thực chữ ký; không được yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân và giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch.

Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về tính xác thực về chữ ký của người yêu cầu chứng thực trong giấy tờ, văn bản.

**27. Thủ tục chứng thực chữ ký được thực hiện như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì thủ tục chứng thực chữ ký được thực hiện như sau:

Bước 1. Người yêu cầu chứng thực chữ ký của mình phải xuất trình các giấy tờ sau đây:

a) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ ký.

Bước 2. Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định nêu trên, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp không được chứng thực chữ ký thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký trước mặt và thực hiện chứng thực như sau:

a) Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định;

b) Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.

Đối với giấy tờ, văn bản có từ (02) hai trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Bước 3. Đối với trường hợp chứng thực chữ ký tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện quy định nêu trên thì đề nghị người yêu cầu chứng thực ký vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực.

Thủ tục chứng thực chữ ký quy định nêu trên cũng được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Chứng thực chữ ký của nhiều người trong cùng một giấy tờ, văn bản;

b) Chứng thực chữ ký của người khai lý lịch cá nhân;

c) Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập theo quy định của pháp luật;

d) Chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản.

**28. Những trường hợp nào không được chứng thực chữ ký?**

Điều 23 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định những trường hợp không được chứng thực chữ ký, gồm:

- Tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực chữ ký không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

- Người yêu cầu chứng thực chữ ký xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu không còn giá trị sử dụng hoặc giả mạo.

- Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.

- Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác.

**29.** **Xin cho biết, phạm vi chứng thực hợp đồng, giao dịch?**

Điều 34 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định về phạm vi chứng thực hợp đồng, giao dịch như sau:

- Hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định phải chứng thực.

- Hợp đồng, giao dịch mà pháp luật không quy định phải chứng thực nhưng cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu chứng thực.

**30. Trách nhiệm của người yêu cầu chứng thực hợp đồng, giao dịch và người thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch được quy định như thế nào?**

Tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; tính hợp lệ, hợp pháp của các giấy tờ pháp luật quy định.

Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội.

**31. Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch được thực hiện như thế nào?**

Theo Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch được thực hiện như sau:

Bước 1. Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:

a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch;

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực;

c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.

Bản sao giấy tờ quy định nêu trên được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Bước 2. Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu hồ sơ đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.

Bước 3. Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt.

Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch.

Bước 4. Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Trường hợp phải phiên dịch thì người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang hợp đồng với tư cách là người phiên dịch.

**32. Đề nghị cho biết, thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch là bao lâu?**

Điều 37 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

**33. Việc chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện như thế nào?**

Điều 38 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể chứng thực tại bất kỳ cơ quan có thẩm quyền chứng thực nào; cơ quan đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã chứng thực trước đây về nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc để ghi chú vào sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch.

**34.** **Xin cho biết, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về chứng thực?**

Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị định này;

b) Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về chứng thực;

c) Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;

d) Lưu trữ sổ chứng thực, Văn bản chứng thực;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

e) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d và e nêu trên. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo mẫu chữ ký khi ký chứng thực cho Sở Tư pháp.

*Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành*

**35. Đề nghị cho biết công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng bị nghiêm cấm thực hiện những hành vi nào?**

Điều 7 Luật Công chứng năm 2014 quy định nghiêm cấm công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng thực hiện các hành vi sau đây:

- Tiết lộ thông tin về nội dung công chứng, trừ trường hợp được người yêu cầu công chứng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác; sử dụng thông tin về nội dung công chứng để xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức;

- Thực hiện công chứng trong trường hợp mục đích và nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung bản dịch vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội; xúi giục, tạo điều kiện cho người tham gia hợp đồng, giao dịch thực hiện giao dịch giả tạo hoặc hành vi gian dối khác;

- Công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi;

- Từ chối yêu cầu công chứng mà không có lý do chính đáng; sách nhiễu, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng;

- Nhận, đòi hỏi tiền hoặc lợi ích khác từ người yêu cầu công chứng ngoài phí công chứng, thù lao công chứng và chi phí khác đã được xác định, thỏa thuận; nhận, đòi hỏi tiền hoặc lợi ích khác từ người thứ ba để thực hiện hoặc không thực hiện việc công chứng gây thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức có liên quan;

- Ép buộc người khác sử dụng dịch vụ của mình; cấu kết, thông đồng với người yêu cầu công chứng và những người có liên quan làm sai lệch nội dung của văn bản công chứng, hồ sơ công chứng;

- Gây áp lực, đe dọa hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội để giành lợi thế cho mình hoặc cho tổ chức mình trong việc hành nghề công chứng;

- Quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng về công chứng viên và tổ chức mình;

- Tổ chức hành nghề công chứng mở chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ sở, địa điểm giao dịch khác ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng; thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài phạm vi hoạt động đã đăng ký;

- Công chứng viên đồng thời hành nghề tại hai tổ chức hành nghề công chứng trở lên hoặc kiêm nhiệm công việc thường xuyên khác;

- Công chứng viên tham gia quản lý doanh nghiệp ngoài tổ chức hành nghề công chứng; thực hiện hoạt động môi giới, đại lý; tham gia chia lợi nhuận trong hợp đồng, giao dịch mà mình nhận công chứng;

- Vi phạm pháp luật, vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.

**36. Đề nghị cho biết trong trường hợp người yêu cầu công chứng không biết chữ, không biết ký thì có được điểm chỉ vào văn bản công chứng không? Việc ký, điểm chỉ trong văn bản công chứng được quy định như thế nào?**

Điều 48 Luật Công chứng năm 2014 quy định: Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên.

- Trong trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác đã đăng ký chữ ký mẫu tại tổ chức hành nghề công chứng thì người đó có thể ký trước vào hợp đồng; công chứng viên phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện việc công chứng.

- Việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký. Khi điểm chỉ, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch sử dụng ngón trỏ phải; nếu không điểm chỉ được bằng ngón trỏ phải thì điểm chỉ bằng ngón trỏ trái; trường hợp không thể điểm chỉ bằng hai ngón trỏ đó thì điểm chỉ bằng ngón khác và phải ghi rõ việc điểm chỉ đó bằng ngón nào, của bàn tay nào.

- Việc điểm chỉ cũng có thể thực hiện đồng thời với việc ký trong các trường hợp:

+ Công chứng di chúc;

+ Theo đề nghị của người yêu cầu công chứng;

+ Công chứng viên thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi cho người yêu cầu công chứng.

Như vậy việc người yêu cầu công chứng không biết viết, không biết chữ thì pháp luật công chứng cho phép được điểm chỉ vào văn bản công chứng.

**37. Tôi năm nay 55 tuổi và muốn trở thành công chứng viên vậy theo quy định của Luật Công chứng hiện hành, tiêu chuẩncông chứng viên là gì, có giới hạn độ tuổi không?**

Theo Điều 8 Luật Công chứng 2014 quy định tiêu chuẩn công chứng viên như sau: Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét, bổ nhiệm công chứng viên:

(i) Có bằng cử nhân luật;

(ii) Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật;

(iii) Tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng quy định (phải đào tạo 12 tháng) hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng theo quy định là phải bồi dưỡng 3 tháng

(iv) Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;

(v) Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng”

Pháp luật công chứng không quy định về độ tuổi bổ nhiệm công chứng viên. Như vậy, anh/chị vẫn có thể trở thành công chứng viên khi đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện như trên.

**38. Đề nghị cho biết người được đào tạo hành nghề công chứng tại nước ngoài có được công nhận tương đương tại Việt Nam không? Trình tự và thủ tục công nhận tương đương được quy định như thế nào**

Tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng, quy định về các trường hợp người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài được công nhận tương đương trong các trường hợp sau:

Có văn bằng đào tạo nghề công chứng được cấp bởi cơ sở đào tạo ở nước ngoài thuộc phạm vi áp dụng của Hiệp định về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng hoặc Điều ước quốc tế có liên quan đến văn bằng mà Việt Nam là thành viên;

Có văn bằng đào tạo nghề công chứng được cấp bởi cơ sở đào tạo ở nước ngoài mà chương trình đào tạo nghề công chứng đã được cơ quan kiểm định chất lượng của nước đó công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp văn bằng.

Như vậy, một người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài sẽ được công nhận tại Việt Nam nếu thuộc một trong 2 trường hợp nêu trên.

***Trình tự và thủ tục công nhận được quy định như sau:***

Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 8 Thông tư 01/2021/TT-BTP thì người đề nghị công nhận tương đương văn bằng đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tư pháp.

 Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- Giấy đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghề công chứng (mẫu TP-CC-01);

- Bản sao văn bằng và bản sao kết quả đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài đã được hợp pháp hóa lãnh sự, được dịch ra tiếng Việt và bản dịch tiếng Việt phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

**39. Đề nghị cho biết công chứng viên hợp danh của một văn phòng công chứng chết thì con của công chứng viên đó có thể trở thành công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng đó hay không?**

 Căn cứ Khoản 2 Điều 27 Luật Công chứng 2014 quy định trường hợp công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế của công chứng viên hợp danh được hưởng phần giá trị tài sản tại Văn phòng công chứng sau khi đã trừ đi phần nợ thuộc trách nhiệm của công chứng viên đó. Người thừa kế có thể trở thành công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng nếu là công chứng viên và được các công chứng viên hợp danh còn lại chấp thuận.

Như vậy, người thừa kế là con của Công chứng viên đó vẫn có thể trở thành công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng nếu là người con này là công chứng viên và được các công chứng viên hợp danh còn lại chấp thuận.

**40. Đề nghị cho biết, tôi đã đi công chứng hợp đồng mua bán đất tại Phòng công chứng. Nay tôi muốn Phòng công chứng cấp bản sao công chứng hợp đồng mua bán đất đó được không?**

Điều 65 Luật Công chứng về việc cấp bản sao văn bản công chứng thì việc cấp bản sao văn bản công chứng được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp được quy định;

- Theo yêu cầu của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng.

Việc cấp bản sao văn bản công chứng do tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ bản chính văn bản công chứng đó thực hiện.

Căn cứ quy định nêu trên, người yêu cầu công chứng có quyền được xin cấp bản sao văn bản công chứng.

**41. Bà nội tôi đã già yếu bị liệt nửa người, không thể đi lại được, nay bà muốn viết di chúc để lại tài sản cho các con. Vậy cho hỏi bà tôi có thể mời công chứng viên tới nhà để công chứng di chúc của bà được không?**

Căn cứ Điều 44 Luật Công chứng 2014 quy định về địa điểm công chứng như sau:

Việc công chứng phải được thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng, trừ các trường hợp việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu, không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.

 Như vậy, đối chiếu quy định nêu trên thì người già yếu, không thể đi lại được, thì công chứng viên có thể tới nhà để công chứng.

**42.  Đề nghị cho biết, công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản được thực hiện ở đâu? Một bất động sản có thể được thế chấp để bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ được không?**

Điều 54 Luật Công chứng năm 2014 quy định: Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản phải được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có bất động sản.

Trường hợp một bất động sản đã được thế chấp để bảo đảm cho một nghĩa vụ và hợp đồng thế chấp đã được công chứng mà sau đó được tiếp tục thế chấp để bảo đảm cho một nghĩa vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép thì các hợp đồng thế chấp tiếp theo phải được công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng hợp đồng thế chấp lần đầu. Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc giải thể thì công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng hợp đồng thế chấp tiếp theo đó.

**43. Tôi đang sinh sống và làm việc tại Hà Nội và có 01 ngôi nhà ở quê tại Hải Dương. Nay tôi muốn công chứng di chúc ngôi nhà đó cho con trai tôi. Vậy tôi có phải bắt buộc về Hải Dương để công chứng di chúc không?**

Căn cứ theo Điều 42 Luật Công chứng năm 2014 quy định “Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng chỉ được công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ trường hợp công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất động sản và văn bản ủy quyền liên quan đến việc thực hiện các quyền đối với bất động sản”.

 Như vậy, đối với công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản, văn bản ủy quyền thì không bị giới hạn bởi địa giới hành chính.

**44. Hợp đồng mua bán nhà ở giữa tôi và anh B đã được công chứng tại Văn phòng công chứng, nhưng do có sự cố không mong muốn, 2 bên chúng tôi đã thoả thuận, thống nhất huỷ không thực hiện hợp đồng này nữa. Vậy đề nghị cho biết, pháp luật có cho phép huỷ bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng không?**

Điều Khoản 1, Điều 51 Luật Công chứng 2014 quy định: Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó.

Như vậy pháp luật cho phép được huỷ bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứngkhi các bên cùng thoả thuận, thống nhất, cam kết bằng văn bản huỷ hợp đồng.

**45. Tôi muốn sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản nhưng văn phòng công chứng nơi tôi đã công chứng hợp đồng thế chấp đó đã chấm dứt hoạt động, vậy tôi phải đến đâu để sửa đổi, bổ sung hợp đồng đó?**

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 51 Luật Công chứng 2014: thì việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng đó và do công chứng viên tiến hành. Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc giải thể thì công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.

**46. Đề nghị cho biết, công chứng viên bị tạm đình chỉ hành nghề trong các trường hợp nào? Thời gian tạm đình chỉ tối đa là bao lâu?**

Theo quy định tại Điều 14 Luật Công chứng năm 2014 thìSở Tư pháp nơi công chứng viên đăng ký hành nghề quyết định tạm đình chỉ hành nghề của công chứng viên trong các trường hợp sau đây:

(i) Công chứng viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

(ii) Công chứng viên đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Thời gian tạm đình chỉ hành nghề công chứng tối đa là 12 tháng.

Quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng phải được gửi cho công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng nơi công chứng viên làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Bộ Tư pháp.

**47. Ông A muốn công chứng bản di chúc phân chia tài sản cho các con nhưng ông bị ốm, không thể đi lại được. Xin hỏi trong trường hợp này, ông A có thể ủy quyền cho người khác đến Phòng công chứng để yêu cầu công chứng bản di chúc trên được không?**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 56 Luật Công chứng 2014 thì người lập di chúc phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc, không ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc.

Như vậy theo quy định của pháp luật thì ông A không thể ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc của mình được mà phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc. Trường hợp ông A già yếu không thể đi lại được thì có thể yêu cầu công chứng viên đến nhà riêng để công chứng di chúc.

**48. Đề nghị cho biết, di chúc đã được công chứng có được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc không?**

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 56 Luật Công chứng thì di chúc đã được công chứng nhưng sau đó người lập di chúc muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể yêu cầu bất kỳ công chứng viên nào công chứng việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ đó. Trường hợp di chúc trước đó đang được lưu giữ tại một tổ chức hành nghề công chứng thì người lập di chúc phải thông báo cho tổ chức hành nghề công chứng đang lưu giữ di chúc biết việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đó”

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên thì di chúc đã được công chứng có được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc.

**49. Đề nghị cho biết việc thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được quy định như thế nào trong Luật Công chứng năm 2014?**

Theo Điều 23 Luật Công chứng 2014 quy định việc thành lập và đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng như sau:

- Các công chứng viên thành lập Văn phòng công chứng phải có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng gồm đơn đề nghị thành lập và đề án thành lập Văn phòng công chứng, trong đó nêu rõ sự cần thiết thành lập, dự kiến về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện; bản sao quyết định bổ nhiệm công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cho phép thành lập, Văn phòng công chứng phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đã ra quyết định cho phép thành lập.

Nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng bao gồm tên gọi của Văn phòng công chứng, họ tên Trưởng Văn phòng công chứng, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng, danh sách công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng và danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng của Văn phòng công chứng (nếu có).

- Hồ sơ đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng gồm đơn đăng ký hoạt động, giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập và hồ sơ đăng ký hành nghề của các công chứng viên hợp danh, công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng công chứng (nếu có).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Văn phòng công chứng được hoạt động công chứng kể từ ngày Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động.

**50. Đề nghị cho biết việc công chứng văn bản thoả thuận phân chia di sản được Luật công chứng năm 2014 quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 57 Luật Công chứng 2014 thì những người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc mà trong di chúc không xác định rõ phần di sản được hưởng của từng người thì có quyền yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản, người được hưởng di sản có thể tặng cho toàn bộ hoặc một phần di sản mà mình được hưởng cho người thừa kế khác.

- Trường hợp di sản là quyền sử dụng đất hoặc tài sản pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì trong hồ sơ yêu cầu công chứng phải có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản của người để lại di sản đó.

Trường hợp thừa kế theo pháp luật, thì trong hồ sơ yêu cầu công chứng phải có giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế. Trường hợp thừa kế theo di chúc, trong hồ sơ yêu cầu công chứng phải có bản sao di chúc.

- Công chứng viên phải kiểm tra để xác định người để lại di sản đúng là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và những người yêu cầu công chứng đúng là người được hưởng di sản; nếu thấy chưa rõ hoặc có căn cứ cho rằng việc để lại di sản và hưởng di sản là không đúng pháp luật thì từ chối yêu cầu công chứng hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định.

Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản trước khi thực hiện việc công chứng.

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã được công chứng là một trong các căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản.

**51. Đề nghị cho biết theo quy định của pháp luật hiện hành thì người lập di chúc có thể yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng lưu giữ di chúc của mình không?**

Theo quy đinh tại Điều 60 Luật Công chứng năm 2014 thì người lập di chúc có thể yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nhận lưu giữ di chúc của mình. Việc lưu giữ di chúc được thực hiện như sau:

- Người lập di chúc có thể yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng nhận lưu giữ di chúc của mình. Khi nhận lưu giữ di chúc, công chứng viên phải niêm phong bản di chúc trước mặt người lập di chúc, ghi giấy nhận lưu giữ và giao cho người lập di chúc.

- Đối với di chúc đã được tổ chức hành nghề công chứng nhận lưu giữ nhưng sau đó tổ chức này chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc giải thể thì trước khi chấm dứt hoạt động, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc giải thể, tổ chức hành nghề công chứng phải thỏa thuận với người lập di chúc về việc chuyển cho tổ chức hành nghề công chứng khác lưu giữ di chúc. Trường hợp không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì di chúc và phí lưu giữ di chúc phải được trả lại cho người lập di chúc.

- Việc công bố di chúc lưu giữ tại tổ chức hành nghề công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

*Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

**52. Hiện nay, tôi thấy nhiều cơ quan, đơn vị tuyển dụng yêu cầu người lao động phải cung cấp lý lịch tư pháp để nộp hồ sơ xin việc thay cho sơ yếu lý lịch xin cấp tại Ủy ban nhân dân xã phường. Nên tôi muốn biết rõ hơn về lý lịch tư pháp và Phiếu lý lịch tư pháp là gì?**

Theo khoản 1 và khoản 4 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 thì:

- Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

- Thông tin lý lịch tư pháp về án tích là thông tin về cá nhân người bị kết án; tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí; ngày, tháng, năm tuyên án, Toà án đã tuyên bản án, số của bản án đã tuyên; tình trạng thi hành án.

- Phiếu lý lịch tư pháp là phiếu do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp có giá trị chứng minh cá nhân có hay không có án tích, bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

**53. Hiện nay có mấy loại Phiếu lý lịch tư pháp? Tôi ở Thành phố X có ý định đăng ký làm ở bộ phận giao hàng của công ty vận tải Grab, phía công ty có yêu cầu phiếu lý lịch tư pháp của tôi. Vậy tôi phải xin phiếu lý lịch tư pháp nào?**

Theo Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009, hiện nay, phiếu lý lịch tư pháp gồm 02 loại: Phiếu Lý lịch tư pháp số 1 và số 2.

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 cấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức gồm:

+ Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình;

+ Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, phiếu này cũng cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về lý lịch tư pháp của mình.

Như vậy, trường hợp người lao động muốn đăng ký xin việc làm bộ phận giao hàng của công ty vận tải Grab phải xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1.

**54.** **Mục đích quản lý lý lịch tư pháp là gì?**

Theo Điều 3 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009, mục đích quản lý lý lịch tư pháp nhằm:

- Đáp ứng yêu cầu cần chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

- Ghi nhận việc xoá án tích, tạo điều kiện cho người đã bị kết án tái hoà nhập cộng đồng.

- Hỗ trợ hoạt động tố tụng hình sự và thống kê tư pháp hình sự.

- Hỗ trợ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

**55. Những đối tượng nào bị quản lý lý lịch tư pháp?**

Theo Điều 5 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 về đối tượng quản lý lý lịch tư pháp bao gồm:

- Công dân Việt Nam bị kết án bằng bản án hình sự đãcó hiệu lực pháp luật của Toà án Việt Nam, Toà án nước ngoài mà trích lục bản án hoặc trích lục án tích của người bị kết án được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp theo điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Người nước ngoài bị Toà án Việt Nam kết án bằng bản án hình sựđã có hiệu lực pháp luật.

- Công dân Việt Nam, người nước ngoài bị Toà án Việt Nam cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong quyết định tuyên bố phá sản đã có hiệu lực pháp luật.

**56. Đề nghị cho biết, cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp?**

Trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp được quy định tại Điều 6 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009:

Toà án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đầy đủ, chính xác, đúng trình tự, thủ tục cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo quy định của Luật và các quy định khác của pháp luật.

**57. Ông Lucas quốc tịch Pháp (56 tuổi) là bác sĩ của bệnh viện quốc tế đang cư trú tại Việt Nam. Gần đây, ông có ý định liên kết với một số bác sĩ, y tác mở phòng khám chuyên khoa riêng nên có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hay không?**

Trường hợp ông Lucas có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy địn tại Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 về quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp gồm:

- Công dân Việt Nam,người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình.

- Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

**58. Những hành vi nào bị cấm liên quan đến lý lịch tư pháp quốc gia?**

Điều 8 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định các các hành vi bị cấm bao gồm:

- Khai thác, sử dụng trái phép, làm sai lệch, hủy hoại dữ liệu lý lịch tư pháp.

- Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp sai sự thật.

- Giả mạo giấy tờ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Tẩy xoá, sửa chữa, giả mạo Phiếu lý lịch tư pháp.

- Cấp Phiếu lý lịch tư pháp có nội dung sai sự thật, trái thẩm quyền, không đúng đối tượng.

- Sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp của người khác trái pháp luật, xâm phạm bí mật đời tư của cá nhân.

**59. Xin hỏi lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp là bao nhiêu?**

Theo Điều 10 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định về lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp như sau:

- Cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải nộp lệ phí.

- Mức lệ phí, việc quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo quy định của pháp luật.

**60. Trường hợp nào được miễn phí cấp lý lịch tư pháp?**

Ngày 11/11/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Mức thu phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp thực hiện như sau:

- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người;

- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người.

Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu lý lịch tư pháp trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi tổ chức thu phí được thu thêm 5.000 đồng/Phiếu để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định những đối tượng được miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật Trẻ em; người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; người khuyết tật theo quy định tại Luật Người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11//2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

**61. Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có những nhiệm vụ gì?**

Theo Điều 12 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định nhiệm vụ của Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia trong quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bao gồm:

- Xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước.

- Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp.

- Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và Sở Tư pháp cung cấp.

- Tiếp nhận Lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp cung cấp.

- Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp*.*

- Lập Lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền.

- Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của người nước ngoài bị Toà án Việt Nam kết án theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về việc quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi cả nước.

**62. Nguồn thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác lập từ các nguồn nào?**

Theo Điều 15 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định về nguồn thông tin lý lịch tư pháp về án tích như sau:

Thông tin lý lịch tư pháp về án tích được xác lập từ các nguồn sau đây:

- Bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và bản án hình sự phúc thẩm;

- Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự;

- Quyết định thi hành án hình sự;

- Quyết định miễn chấp hành hình phạt;

- Quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt;

- Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù;

- Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù;

- Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước;

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù; văn bản thông báo kết quả thi hành hình phạt trục xuất;

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo và các hình phạt bổ sung;

- Quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án; quyết định đình chỉ thi hành án; giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án trong trường hợp người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình;

- Quyết định ân giảm hình phạt tử hình;

- Giấy chứng nhận đặc xá, đại xá;

- Quyết định xóa án tích;

- Giấy chứng nhận đương nhiên được xóa án tích;

- Trích lục bản án hoặc trích lục án tích của công dân Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự hoặc theo nguyên tắc có đi có lại;

- Quyết định của Toà án Việt Nam về việc dẫn độ để thi hành án tại Việt Nam;quyết định của Tòa án Việt Nam về việc tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn, giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành hình phạt tù;

- Thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ người bị kết án, quyết định chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

**63. Xin hỏi, sau khi nộp Hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp quốc gia, công dân nhận lại thông tin bằng hình thức nào?**

Theo Điều 25 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định về hình thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích như sau:

Thông tin lý lịch tư pháp về án tích được gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc mạng Internet, mạng máy tính.

**64. Phiếu lý lịch tư pháp số 1 gồm những nội dung gì?**

Theo Điều 42 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định về nội dung Phiếu lý lịch tư pháp số 1 gồm:

- Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Tình trạng án tích:

+ Đối với người không bị kết án thì ghi “không có án tích”. Trường hợp người bị kết án chưa đủ điều kiện được xóa án tích thì ghi “có án tích”, tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung;

+ Đối với người được xoá án tích và thông tin về việc xoá án tích đã được cập nhật vào Lý lịch tư pháp thì ghi “không có án tích”;

+ Đối với người được đại xá và thông tin về việc đại xá đã được cập nhật vào Lý lịch tư pháp thì ghi “không có án tích”.

- Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

+ Đối với người không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì ghi “không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”;

+ Đối với người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì ghi chức vụ bị cấm đảm nhiệm, thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức không có yêu cầu thì nội dung quy định tại nêu trên sẽ không ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp.

**65. Anh Nguyễn Văn A lên thành phố làm xe ôm từ lâu nhưng thu nhập bấp bênh, không ổn định. Do vậy anh muốn đăng ký chạy xe công nghệ của công ty Grab để tăng thu nhập và bảo đảm nguồn thu ổn định, phía công ty có yêu cầu phiếu lý lịch tư pháp của anh. Vậy anh phải xin phiếu lý lịch tư pháp ở đâu?**

Trường hợp của anh A sẽ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp nơi thường trú hoặc tạm trú.

Vì theo thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định tại Điều 44 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 như sau:

- Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

+ Công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú;

+ Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam.

- Sở Tư pháp thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

+ Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước;

+ Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài;

+ Người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

- Giám đốc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp và chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp.

Trong trường hợp cần thiết, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp có trách nhiệm xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích khi cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải được ghi vào sổ cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

**66. Xin hỏi, thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp là bao nhiêu lâu?**

Theo Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định về thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp như sau:

- Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.

Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài theo quy định, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.

- Trường hợp khẩn cấp theo quy định thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

**67. Xin hỏi, có ý kiến cho rằng trong mọi trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đều được chấp nhận đúng hay sai? Trong trường hợp, Phiếu lý lịch tư pháp quốc gia được cấp có nội dung không chính xác thì việc đính chính Phiếu này được pháp luật quy định như thế nào?**

Ý kiến trên là sai vì theo Điều 49 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 về từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì:

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có quyền từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp sau đây:

- Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp không thuộc thẩm quyền;

- Người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người khác mà không đủ điều kiện quy định;

- Giấy tờ kèm theo Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không đầy đủ hoặc giả mạo.

Trường hợp từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

Đối với việc Phiếu lý lịch tư pháp quốc gia được cấp có nội dung không chính xác thì theo Điều 50 Luật Lý lịch tư pháp năm 20009 quy định về việc bổ sung, đính chính, thu hồi, hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp như sau:

Cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm bổ sung, đính chính, thu hồi, hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp trong trường hợp Phiếu lý lịch tư pháp được cấp có nội dung không chính xác hoặc trái pháp luật.

**68. Qua báo dài, tôi được biết, để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa phương thức cấp Phiếu Lý lịch tư pháp, đồng thời để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, giảm bớt gánh nặng, chi phí của người dân, chi phí xã hội trong thực hiện thủ tục này. Hiện nay, người dân có thể làm lý lịch tư pháp online, xin hỏi pháp luật quy định về nội dung này như thế nào?**

Hiện nay, người dân có thể đăng ký lý lịch tư pháp online (trực tuyến). Có 03 cách làm Lý lịch tư pháp, bao gồm làm lý lịch tư pháp trực tiếp tại cơ quan cấp Lý lịch tư pháp, làm lý lịch tư pháp online và làm Lý lịch tư pháp qua bưu điện. Với hình thức làm lịch tư pháp online, người dân sẽ thực hiện đăng ký xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp online, sau đó nộp hồ sơ và nhận kết quả ngay tại nhà (nhân viên bưu chính sẽ đến địa chỉ đăng ký để thu hồ sơ và trả kết quả).

Trước đây, Bộ Tư pháp là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này đã hướng dẫn người dân có thể làm thủ tục xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến tại địa chỉ: <https://lltptructuyen.moj.gov.vn/home>. Còn từ ngày 01/10/2022, việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đã được tỉnh/thành phố chuyển về Cổng Dịch vụ công của địa phương. Để làm lý lịch tư pháp online, người dân cần thực hiện 03 bước như sau: Đăng ký lý lịch tư pháp trực tuyến; nộp hồ sơ yêu cầu qua bưu điện và nhận kết quả cấp Phiếu Lý lịch tư pháp qua bưu điện.

Người dân cần chọn đúng đối tượng nộp hồ sơ, sau đó, hệ thống sẽ yêu cầu khai báo nơi thường trú hoặc tạm trú. Nhấn mũi tên để tiếp tục; sau đó nhấn vào ô Nhập Tờ khai, hệ thống tự động nhảy về trang Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và làm theo hướng dẫn.

Tại mục Hồ sơ đính kèm, người dân cần chụp ảnh/scan các giấy tờ để tải lên làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ như Chứng minh nhân dân.. Sau khi tiến hành cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cơ quan có thẩm quyền sẽ gửi kết quả theo địa chỉ đăng ký hoặc người đăng ký đến nhận trực tiếp.

Sau cùng, người dân có thể không cần trực tiếp đi lấy kết quả. Ở mục Dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, người dân lựa chọn đơn vị chuyển phát hoặc không sử dụng.

*Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.*

1. Đề nghị cho biết rõ hơn về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung?

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến:

* Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là Cơ sở dữ liệu được lập trên cơ sở tin học hóa công tác đăng ký hộ tịch, nhằm lưu giữ thông tin hộ tịch của cá nhân được đăng ký theo quy định pháp luật, bằng thiết bị số, trong môi trường mạng, thông qua Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

- Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung là nền tảng của Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, bao gồm phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch và các phần mềm ứng dụng, dịch vụ do Bộ Tư pháp xây dựng, thiết kế, cung cấp cho các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch để đăng ký hộ tịch, xây dựng, cập nhật, số hóa, chuẩn hóa và quản lý các dữ liệu hộ tịch, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung được kết nối với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh; thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công cấp tỉnh để hỗ trợ tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết và kết quả giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện thông qua phương thức đăng ký trực tuyến.

1. Cơ quan nào là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử?

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử bao gồm cơ quan đăng ký hộ tịch, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Sở Tư pháp), Phòng Tư pháp các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Phòng Tư pháp).

1. Xin hỏi, thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử gồm những thông tin nào?

Theo quy định tại khoản 1 [Điều 3 Nghị định 87/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Nghi-dinh-87-2020-ND-CP-quy-dinh-Co-so-du-lieu-ho-tich-dien-tu-dang-ky-ho-tich-truc-tuyen-449041.aspx?anchor=dieu_4) quy định về nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; đăng ký hộ tịch trực tuyến thì thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử bao gồm:

- Các thông tin hộ tịch của cá nhân được xác lập khi đăng ký khai sinh: họ tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; nơi sinh; dân tộc, quốc tịch, quê quán, số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch, quê quán, nơi cư trú, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của cha, mẹ của người được đăng ký khai sinh; họ tên, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh, mối quan hệ với người được khai sinh; số đăng ký, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký, tên cơ quan đăng ký khai sinh; họ tên, chức vụ của người ký Giấy khai sinh;

- Các thông tin hộ tịch của cá nhân là công dân Việt Nam được xác lập khi ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (sau đây gọi là ghi chú khai sinh): họ tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; nơi sinh; dân tộc, quốc tịch, quê quán, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của người được ghi chú khai sinh; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch, quê quán, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của cha, mẹ của người được ghi chú khai sinh; tên loại giấy tờ, số, ngày, tháng, năm cấp, tên cơ quan, tên quốc gia cấp giấy tờ hộ tịch là cơ sở ghi chú khai sinh; thông tin về người đi đăng ký khai sinh; họ tên, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của người yêu cầu ghi chú khai sinh; số đăng ký, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký, tên cơ quan thực hiện ghi chú khai sinh; họ tên, chức vụ của người ký Trích lục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh;

- Các thông tin hộ tịch khác của cá nhân được đăng ký theo quy định pháp luật tiếp tục được cập nhật vào thông tin hộ tịch của cá nhân đã được xác lập theo quy định trên, gồm: thông tin về việc đăng ký kết hôn; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; khai tử; ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

- Bản quét hoặc bản chụp trang sổ hộ tịch tương ứng đối với thông tin hộ tịch được số hóa, chuẩn hóa.

1. **Việc đăng ký hộ tịch trực tuyến phải đảm bảo thực hiện theo nguyên tắc gì?**

Căn cứ theo [Điều 4 Nghị định 87/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Nghi-dinh-87-2020-ND-CP-quy-dinh-Co-so-du-lieu-ho-tich-dien-tu-dang-ky-ho-tich-truc-tuyen-449041.aspx?anchor=dieu_4) quy định về nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; đăng ký hộ tịch trực tuyến như sau:

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác; duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

- Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

- Việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; đăng ký hộ tịch trực tuyến phải tuân thủ Luật Hộ tịch, các văn bản quy định chi tiết thi hành; các quy định pháp luật về kiến trúc Chính phủ điện từ Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Theo đó việc đăng ký hộ tịch trực tuyến phải tuân thủ Luật Hộ tịch, các văn bản quy định chi tiết thi hành; các quy định pháp luật về kiến trúc Chính phủ điện từ Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

1. **Đề nghị cho biết, những hành vi nào không được làm liên quan đến cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến?**

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến về những hành vi không được làm bao gồm:

- cấp thông tin không đúng sự thật khi đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Truy cập trái phép vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; làm sai lệch thông tin, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái pháp luật trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; khai thác, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không đúng quy định, xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

- Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin hoặc cản trở quá trình vận hành, duy trì ổn định, liên tục của Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

1. **Đề nghị cho biết, cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch nhận được giấy tờ hộ tịch hoặc nhận được thông tin thông qua hệ thống điện tử về việc biến động thông tin hộ tịch cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch trong trường hợp thông tin hộ tịch có biến động chưa được cập nhật thông qua Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung trong thời hạn bao lâu?**

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến về khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch nhận được giấy tờ hộ tịch hoặc nhận được thông tin thông qua hệ thống điện tử về việc biến động thông tin hộ tịch cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch trong trường hợp thông tin hộ tịch có biến động chưa được cập nhật thông qua Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, ghi chú thông tin hộ tịch có biến động vào sổ hộ tịch tương ứng ngay trong ngày làm việc. Trường hợp nhận được giấy tờ hộ tịch hoặc thông tin sau 15h00 thì thực hiện trong ngày làm việc tiếp theo.

1. **Xin hỏi, việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về hộ tịch được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến về khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì:

- Cơ quan đăng ký hộ tịch khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để đăng ký hộ tịch theo thẩm quyền; cấp bản sao trích lục hộ tịch; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; thống kê số liệu đăng ký hộ tịch và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước khác trong lĩnh vực hộ tịch theo quy định pháp luật.

- Bộ Tư pháp khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch đối với tất cả các trường hợp có thông tin hộ tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; triển khai việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với các cơ sở dữ liệu khác của bộ, ngành, địa phương; thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước khác trong lĩnh vực hộ tịch theo quy định pháp luật.

- Bộ Ngoại giao khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch đối với các trường hợp đã đăng ký hộ tịch tại Cơ quan đại diện; thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước khác trong lĩnh vực hộ tịch theo quy định pháp luật.

- Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch đối với các trường hợp đã đăng ký hộ tịch tại các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn hoặc người có yêu cầu đang cư trú trên địa bàn; thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước khác trong lĩnh vực hộ tịch trên địa bàn theo quy định pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức có yêu cầu cung cấp thông tin hộ tịch từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để phục vụ quản lý nhà nước thì gửi yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định trên.

- Cá nhân có yêu cầu khai thác thông tin hộ tịch của mình trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì gửi yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch tới cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có thẩm quyền.

1. **Quy trình kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến về khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì

- Khi thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh cho công dân Việt Nam, thông tin khi đăng ký khai sinh[[1]](#footnote-1) được Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử chuyển sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ cấp số định danh cá nhân, trả kết quả cho Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và lưu thông tin công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thông tin chỉ được lưu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi không bị trùng lặp.

- Sau khi thực hiện xong các việc đăng ký hộ tịch làm thay đổi thông tin khai sinh của cá nhân, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử sẽ chuyển các thông tin theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 10 của Nghị định này[[2]](#footnote-2) cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cập nhật.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định này[[3]](#footnote-3) cho Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch từ Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

1. **Trường hợp tiếp nhận, giải quyết yêu cầu liên thông trực tuyến các thủ tục: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí thì sẽ xử lý như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì tường hợp tiếp nhận, giải quyết yêu cầu liên thông trực tuyến các thủ tục: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí, sau khi hoàn thành việc đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, cơ quan đăng ký hộ tịch chuyển bản điện tử Giấy khai sinh, Trích lục khai tử kèm hồ sơ điện tử tương ứng thông qua chức năng tiện ích cung cấp trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký cư trú, cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ bảo hiểm y tế, giải quyết chế độ tử tuất, hỗ trợ chi phí mai táng, hưởng mai táng phí để giải quyết theo quy định.

1. **Tôi muốn nộp hồ sơ đăng ký trực tuyến lần đầu. Xin hỏi, việc nộp hồ sơ trực tuyến được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì:

- Người có yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh để đăng ký tài khoản, xác thực người dùng theo hướng dẫn. Sau khi đăng nhập tài khoản thành công, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác, đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện từ các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật.

- Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ hoặc truy cập để hoàn thiện hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan đăng ký hộ tịch.

Người có yêu cầu đăng ký hộ tịch có trách nhiệm lưu giữ, bảo đảm bí mật mã số hồ sơ thủ tục hành chính.

Đồng thời, khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến quy định:

- Bản chụp các giấy tờ phải gửi kèm theo hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

Trường hợp người yêu cầu không cung cấp đầy đủ bản chụp các giấy tờ cần thiết theo quy định hoặc bản chụp được gửi kèm theo hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến không đáp ứng yêu cầu tại khoản này, thì cơ quan đăng ký hộ tịch thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm theo trong hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng các bản điện tử này.

Trường hợp người yêu cầu đã cung cấp số định danh cá nhân thì không phải gửi kèm theo bản chụp giấy tờ tuỳ thân, giấy tờ chứng minh nơi cư trú trong hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến. Cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở số định danh cá nhân do người yêu cầu cung cấp.

1. **Tôi muốn đề nghị cấp bản sao trích lục kết hôn, nhưng tôi không nhớ số Giấy chứng nhận kết hôn, ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn. Vậy, để cơ quan đăng ký hộ tịch có cơ sở tra cứu, tôi có thể cung cấp thông tin khác không?**

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì:

- Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết gồm: tên giấy tờ hộ tịch; số, ngày, tháng, năm đăng ký, cơ quan đã đăng ký việc hộ tịch.

- Trường hợp không cung cấp được đầy đủ các thông tin nêu trên, thì người yêu cầu phải cung cấp được thông tin cơ bản trong giấy tờ hộ tịch đã đăng ký để có cơ sở tra cứu.

Ví dụ:

+ Đề nghị cấp bản sao Trích lục kết hôn nhưng không cung cấp được số Giấy chứng nhận kết hôn, ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn thì phải cung cấp được các thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của vợ và chồng.

+ Đề nghị cấp bản sao Giấy khai sinh nhưng không cung cấp được số Giấy khai sinh, ngày, tháng, năm đăng ký khai sinh thì phải cung cấp được họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của người được khai sinh; họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cha, mẹ người được khai sinh.

- Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.

Như vậy, đối với trường hợp của bạn đề nghị cấp bản sao Trích lục kết hôn nhưng không cung cấp được số Giấy chứng nhận kết hôn, ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn thì phải cung cấp được các thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của vợ và chồng để có cơ sở tra cứu.

1. **Vừa rồi, tôi và chồng cũ nộp đơn đề nghị ly hôn và đã nhận được quyết định của Tòa án. Vậy, xin hỏi, tôi có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác nhận thông tin về nội dung đăng ký hộ tịch đã có sự thay đổi không?**

Theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 8 Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì:

Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch có thẩm quyền theo quy định căn cứ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch cho cá nhân có yêu cầu xác nhận thông tin về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký, nhưng nội dung đăng ký đã có sự thay đổi do được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ví dụ: - Xác nhận thông tin về việc kết hôn mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền đã cho phép thực hiện việc thay đổi họ, chữ đệm, tên, cải chính năm sinh của người vợ hoặc người chồng hoặc hai vợ chồng đã ly hôn.

- Xác nhận thông tin khai sinh của một cá nhân đã được xác định lại dân tộc hoặc được thôi quốc tịch Việt Nam.

Nếu thông tin hộ tịch của cá nhân không có sự thay đổi thì cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch không cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch, hướng dẫn người yêu cầu làm thủ tục cấp bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao trích lục hộ tịch tương ứng, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp văn bản xác nhận để giải quyết vụ việc liên quan đến cá nhân.

Như vậy, bạn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác nhận thông tin về việc đã ly hôn.

1. **A đăng ký khai sinh trực tuyến cho con. Xin hỏi, A có được nhận kết quả là bản điện tử giấy khai cho con gửi qua thư điện tử không?**

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 12 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì:

- Người có yêu cầu đăng ký hộ tịch được nhận kết quả đăng ký hộ tịch theo một trong các phương thức sau đây:

+ Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó;

+ Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;

+ Nhận kết quả là giấy tờ hộ tịch thông qua hệ thống bưu chính;

+ Nhận kết quả là giấy tờ hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Trường hợp nhận kết quả qua hệ thống bưu chính thì phải ghi rõ địa chỉ nhận kết quả, lựa chọn hình thức dịch vụ bưu chính chuyển phát có bảo đảm và phải trả phí dịch vụ cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính khi nhận kết quả.

- Đối với các việc hộ tịch pháp luật quy định người có yêu cầu đăng ký hộ tịch phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch và nhận kết quả bao gồm: khai sinh; kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch; khai tử. Khi đến nhận kết quả tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu đăng ký hộ tịch phải nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.

Đối với các việc hộ tịch mà người có yêu cầu đăng ký hộ tịch không phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch và nhận kết quả, nhưng vẫn phải nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch, bao gồm: xác nhận thông tin hộ tịch; ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh, kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn, giám hộ, nhận cha, mẹ, con, xác định cha, mẹ, con, nuôi con nuôi, thay đổi hộ tịch, khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì người có yêu cầu đăng ký hộ tịch được lựa chọn nhận kết quả theo một trong các phương thức quy định nêu trên nhưng phải thực hiện việc nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu theo quy định trước khi nhận kết quả.

Trường hợp phải nộp bản sao hoặc xuất trình giấy tờ không phải là giấy tờ tùy thân mà người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã có bản sao điện tử giấy tờ hoặc đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì không phải nộp, xuất trình.

Như vậy, đối với trường hợp của A, chỉ được nhận kết quả là Giấy khai sinh cho con theo phương thức nhận tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

1. **Tôi nghe báo đài đưa tin, từ nay có thể sử dụng Giấy khai sinh, Chứng nhận kết hôn bản điện tử. Xin hỏi, giá trị pháp lý của bản điện tử Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn?**

Ngày 04/01/2022, biểu mẫu điện tử của giấy tờ hộ tịch đã chính thức được Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-BTP (áp dụng từ ngày 18/02/2022).

Khoản 2 Điều 9 của Thông tư 01/2022/TT-BTP quy định giá trị pháp lý của bản điện tử Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn có giá trị sử dụng như bản giấy trong các giao dịch, thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến; có giá trị thay thế các giấy tờ hộ tịch bản giấy khi làm thủ tục đăng ký hộ tịch trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Như vậy, theo tinh thần của Thông 01/2022/TT-BTP, thay vì sử dụng Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận bản giấy như trước đây, từ ngày 18/02/2022, người dân có thể sử dụng Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn bản điện tử.

Điều đặc biệt của bản điện tử Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn là có mã Qrcode - mã này là địa chỉ internet dẫn tới dữ liệu, định dạng hình ảnh của giấy tờ hộ tịch tương ứng trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Nghĩa là, khi xuất trình Giấy khai sinh, Giấy chứng nhậný kết hôn bản điện tử, cán bộ làm thủ tục hành chính sẽ quét mã QR trên đó và biết được các thông tin chi tiết của các loại giấy tờ này trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Mã QR cũng giúp kiểm tra tính chính xác và thời hạn sử dụng của các loại giấy tờ này.

Đáng chú ý, tại khoản 6 Điều 12 của Nghị định 87/2020/NĐ-CP, Chính phủ quy định: “...cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chấp nhận, sử dụng, không được yêu cầu cá nhận phải nộp hoặc xuất trình giấy tờ hộ tịch để đối chiếu”.

Tóm lại, Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn bản điện tử được sử dụng thay thế cho bản giấy và không bắt buộc phải xuất trình bản giấy để đối chiếu.

1. **Trách nhiệm thực hiện số hóa Sổ hộ tịch được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 10 Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì:

- Thông tin hộ tịch cần số hóa là thông tin hộ tịch đã được đăng ký trong các Sổ hộ tịch trước thời điểm cơ quan đăng ký hộ tịch sử dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung.

- Trách nhiệm thực hiện số hóa:

+ Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao và Cơ quan đại diện chịu trách nhiệm số hóa các Sổ hộ tịch đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện. Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm về tính chính xác, giá trị pháp lý của thông tin hộ tịch được số hóa từ các Sổ hộ tịch được đăng ký tại Cơ quan đại diện.

+ Sở Tư pháp chịu trách nhiệm trong việc xây dựng Kế hoạch số hóa đối với các Sổ hộ tịch đã được đăng ký, lưu trữ tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm về tính chính xác, giá trị pháp lý của thông tin hộ tịch được số hóa từ các Sổ hộ tịch được đăng ký, lưu trữ thuộc địa bàn quản lý.

+ Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong việc số hoá và bảo đảm tính chính xác*,*giá trị pháp lý của thông tin hộ tịch được số hóa từ các Sổ hộ tịch được đăng ký, lưu trữ thuộc địa bàn quản lý.

- Quy trình số hóa dữ liệu hộ tịch thực hiện theo tài liệu kỹ thuật do Bộ Tư pháp hướng dẫn. Cơ quan chịu trách nhiệm số hóa Sổ hộ tịch phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ trước khi phê duyệt, chính thức cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

- Việc số hóa Sổ hộ tịch phải tuân thủ các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin.

1. **Đề nghị cho biết, việc tạo lập, cập nhật bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 11 Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì:

- Mỗi cá nhân có một bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất và duy nhất trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, tương ứng với số định danh cá nhân; tất cả thông tin hộ tịch của cá nhân được đăng ký hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh đều được cập nhật, lưu vết vào bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử.

- Trường hợp bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân được thiết lập thông qua việc đăng ký khai sinh mới trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung thì bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân được cập nhật tự động.

Trường hợp thiết lập bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân thông qua đăng ký các việc hộ tịch khác không phải đăng ký khai sinh hoặc thông qua việc số hóa Sổ hộ tịch, thì công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm sử dụng các chức năng tiện ích trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua số định danh cá nhân, cập nhật thông tin của công dân vào bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân. Trường hợp chưa có số định danh cá nhân thì căn cứ vào các thông tin cơ bản của cá nhân như số chứng minh nhân dân, họ, chữ đệm, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, họ, chữ đệm, tên, năm sinh của cha, mẹ để xác định số định danh cá nhân, bảo đảm bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân không bị trùng lặp.

- Sau khi cập nhật bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân theo quy định và nhận được số định danh cá nhân, cơ quan đăng ký hộ tịch căn cứ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thực hiện ghi bổ sung số định danh cá nhân vào mục số định danh cá nhân trong Sổ đăng ký khai sinh. Trường hợp Sổ đăng ký khai sinh trước đây không có mục số định danh cá nhân thì ghi vào cột Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh, ghi rõ căn cứ: “bổ sung số định danh cá nhân từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử” và thực hiện ký, đóng dấu; đính kèm bản chụp trang Sổ đăng ký khai sinh tương ứng đã có nội dung ghi bổ sung vào bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử của cá nhân trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

- Trường hợp Giấy khai sinh bản chính của công dân được cấp từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhưng chưa có số định danh cá nhân, công dân có yêu cầu bổ sung thì cơ quan đăng ký hộ tịch căn cứ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc Căn cước công dân hoặc văn bản thông báo số định danh cá nhân được cấp hợp lệ để bổ sung thông tin hộ tịch theo quy định.

**85. Xin hỏi, trường hợp nào được điều chỉnh thông tin hộ tịch của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến thì thông tin hộ tịch của cá nhân đã được đăng ký, lưu chính thức trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thuộc bản ghi dữ liệu hộ tịch điện tử của cá nhân chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

- Cá nhân được cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp phát hiện thông tin của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử có sai lệch với hồ sơ đăng ký hộ tịch, thì cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử cấp trên thông qua chức năng tiện ích trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung và chỉ được điều chỉnh khi cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử cấp trên cho phép.

*Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2022 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.*

**86. Con dâu tôi vừa sinh con, con trai tôi đi làm xa. Hỏi, tôi có thể đi đăng ký khai sinh cho cháu được không và có cần có văn bản ủy quyền không?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì “Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật hộ tịch (sau đây gọi là yêu cầu đăng ký hộ tịch) được uỷ quyền cho người khác thực hiện thay; ***trừ trường hợp đăng ký kết hôn***, đăng ký lại việc kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con thì không được ủy quyền cho người khác thực hiện, nhưng một bên có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền, không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại.

*Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.*

Như vậy, bạn có thể đi đăng ký khai sinh cho cháu ruột và việc ủy quyền phải lập thành văn bản không phải chứng thực.

**87. Anh T có hộ khẩu thường trú tại quê. Đầu năm nay, anh T đến tỉnh N làm công nhân. Sắp tới, anh chuẩn bị kết hôn với chị N cùng làm tại 01 công ty. Tuy nhiên, do không có điều kiện kinh tế để về quê xin Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nên anh T muốn uỷ quyền cho bố đẻ - hiện đang sinh sống tại quê đến Uỷ ban nhân dân xã xin cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho anh có được hay không?**

 Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịchquy định: “Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật hộ tịch (sau đây gọi là yêu cầu đăng ký hộ tịch) ***được uỷ quyền cho người khác*** thực hiện thay; trừ trường hợp đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con thì không được ủy quyền cho người khác thực hiện, nhưng một bên có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền, không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực”. Do đó, anh T có thể ủy quyền cho bố anh đến UBND xã X xin cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho anh. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, tuy nhiên, người được ủy quyền là bố của anh T nên văn bản ủy quyền không phải chứng thực.

**88. Xin hỏi, việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đăng ký hộ tịch được pháp luật quy định như thế nào?**

**Tại Điều 3** Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định:

* Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì người tiếp nhận phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.

- Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

- Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc (sau đây gọi là bản sao) hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu nộp bản sao giấy tờ đó.

Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.

- Khi trả kết quả đăng ký hộ tịch, người trả kết quả có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu đăng ký hộ tịch kiểm tra nội dung giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch.

Nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch thấy nội dung đúng, phù hợp với hồ sơ đăng ký hộ tịch thì ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ hộ tịch theo hướng dẫn của người trả kết quả.

- Khi trả kết quả đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn, cả hai bên nam, nữ phải có mặt; khi trả kết quả đăng ký nhận cha, mẹ, con, cả bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều phải có mặt.

1. **Đề nghị cho biết, trường hợp đăng ký hộ tịch cần xác minh theo quy định mà sau 1 tháng gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời thì sẽ xử lý như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì trường hợp việc đăng ký hộ tịch cần xác minh theo quy định tại khoản 4 Điều 22, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và khoản 4 Điều 9, khoản 1 Điều 12 Thông tư này, sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp tục giải quyết hồ sơ theo quy định. Đối với trường hợp xác minh về tình trạng hôn nhân thì cho phép người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

1. **L và S đã đăng ký kết hôn với nhau. Tuy nhiên, do mâu thuẫn nên hai người đã không sống chung gần 01 năm, 2 anh chị vẫn chưa làm thủ tục ly hôn. Trong thời gian này, chị L có quen biết với anh T. Vừa rồi, L sinh một bé gái, L cho rằng bé gái này không phải là con chung giữa chị và anh S mà là con của chị và anh T. Chị L tới UBND xã để đăng ký khai sinh cho con gái và yêu cầu phần khai về người cha trong giấy khai sinh sẽ ghi thông tin của anh T có được hay không?**

Con gái của chị L được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh S. Theo quy định tại khoản 4, Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: “Trường hợp con do người vợ sinh ra hoặc có thai trong thời kỳ hôn nhân nhưng vợ hoặc chồng không thừa nhận là con chung hoặc người khác muốn nhận con thì do Tòa án nhân dân xác định theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án nhân dân từ chối giải quyết thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con, hồ sơ phải có văn bản từ chối giải quyết của Tòa án và chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này”.

Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 quy định, chứng cứ để chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại khoản 1 Điều 25 và khoản 1 Điều 44 của Luật hộ tịch gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:

*“1. Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.*

*2. Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại khoản 1 Điều này thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con”.*

Điều 5 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 quy định trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật như sau:

*“1. Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.*

*2. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.”*

Như vậy, theo các quy định trên, nếu chị L không thừa nhận đứa trẻ là con chung của chị và anh S thì trước tiên chị phải yêu cầu toà án nhân dân xác định theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án nhân dân từ chối giải quyết thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiếp nhận, giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha hoặc đăng ký nhận cha, con, hồ sơ phải có văn bản từ chối giải quyết của Tòa án và chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con theo quy định nêu trên.

**91. Đề nghị cho biết, nội dung khai sinh được pháp luật quy định như thế nào?**

**Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hộ tịch** **nội** dung đăng ký khai sinh gồm:

- Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch;

- Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú;

- Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh.

**Đồng thời, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123**/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định nội dung khai sinh được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hộ tịch và quy định sau đây:

- Họ, chữ đệm, tên và dân tộc của trẻ em được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được, thì xác định theo tập quán;

- Quốc tịch của trẻ em được xác định theo quy định của pháp luật về quốc tịch;

- Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh được cấp khi đăng ký khai sinh. Thủ tục cấp số định danh cá nhân được thực hiện theo quy định của Luật Căn cước công dân và Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân, trên cơ sở bảo đảm đồng bộ với Luật Hộ tịch và Nghị định này;

- Ngày, tháng, năm sinh được xác định theo Dương lịch. Nơi sinh, giới tính của trẻ em được xác định theo Giấy chứng sinh do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì xác định theo giấy tờ thay Giấy chứng sinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch (Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật).

Đối với trẻ em sinh tại cơ sở y tế thì nơi sinh phải ghi rõ tên của cơ sở y tế và tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh nơi có cơ sở y tế đó; trường hợp trẻ em sinh ngoài cơ sở y tế thì ghi rõ tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh nơi trẻ em sinh ra.

- Quê quán của người được đăng ký khai sinh được xác định theo quê quán của cha hoặc mẹ theo thỏa thuận của cha, mẹ hoặc theo tập quán được ghi trong tờ khai khi đăng ký khai sinh.

**Bên cạnh đó, Điều 6** Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định nội dung khai sinh được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hộ tịch, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

- Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.

- Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.

**92. Chị G và chồng đều là công dân Việt Nam sinh sống và làm việc tại Pháp. Vừa rồi G sinh con tại Pháp, chưa đăng ký khai sinh cho bé, do chị dự định sẽ đưa con về Việt Nam sinh sống cùng ông bà ngoại và làm thủ tục đăng ký khai sinh tại Việt Nam. Chị G muốn biết hồ sơ đăng ký khai sinh cho con mình bao gồm những giấy tờ nào?**

Điều 29 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của trẻ em có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài mà chưa được đăng ký khai sinh.

2. Người yêu cầu đăng ký khai sinh xuất trình giấy tờ chứng minh việc trẻ em cư trú tại Việt Nam và nộp các giấy tờ sau đây:

a) Tờ khai theo mẫu quy định;

b) Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con nếu có;

c) Văn bản thỏa thuận của cha mẹ lựa chọn quốc tịch cho con theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Luật Hộ tịch đối với trường hợp trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, người kia là công dân nước ngoài.

3. Trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em theo thủ tục quy định tại Khoản 5 Điều 15 của Nghị định này.

4. Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, Phòng Tư pháp kiểm tra hồ sơ. Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác và đúng quy định pháp luật thì đăng ký theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 36 của Luật Hộ tịch. Nội dung khai sinh được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này”

Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định:

“1. Hồ sơ đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam, được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số [*123/2015/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/nghi-dinh-123-2015-nd-cp-huong-dan-luat-ho-tich-282304.aspx) và hướng dẫn sau đây:

a) Giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp và cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP gồm: giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam (như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam.

b) Việc xác định quốc tịch Việt Nam cho trẻ em khi đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về quốc tịch.

2. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con khi đăng ký khai sinh, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà trẻ được chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch phù hợp quy định pháp luật của nước đó. Nếu cơ quan có thẩm quyền nước ngoài không xác nhận thì cơ quan đăng ký hộ tịch thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ, nhưng để trống phần ghi về quốc tịch trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh”

Theo những quy định nêu trên, hồ sơ đăng ký khai sinh cho con của chị G bao gồm:

- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định;

- Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con nếu có;

- Giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp và cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP gồm: giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam (như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam.

**93. Gia đình chị N vừa về ở hẳn tại Việt Nam. Nay chị muốn thực hiện việc đăng ký khai sinh cho con gái sinh ra ở nước ngoài mà chưa được đăng ký khai sinh, đã có giấy chứng sinh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài. Chị N và chồng đều có quốc tịch Việt Nam. Xin hỏi, hồ sơ, thủ tục đăng ký khai sinh cho con chị N được pháp luật quy định như thế nào?**

**Theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 123**/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của trẻ em có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài mà chưa được đăng ký khai sinh.

- Người yêu cầu đăng ký khai sinh xuất trình giấy tờ chứng minh việc trẻ em cư trú tại Việt Nam và nộp các giấy tờ sau đây:

+ Tờ khai theo mẫu quy định;

+ Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con nếu có;

+ Văn bản thỏa thuận của cha mẹ lựa chọn quốc tịch cho con theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Luật Hộ tịch đối với trường hợp trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, người kia là công dân nước ngoài.

Bên cạnh đó, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 quy định:

+ Giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp và cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP gồm: giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam (như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam.

+ Việc xác định quốc tịch Việt Nam cho trẻ em khi đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về quốc tịch.

- Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, Phòng Tư pháp kiểm tra hồ sơ. Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác và đúng quy định pháp luật thì đăng ký theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 36 của Luật Hộ tịch (Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định vào Sổ hộ tịch; Công chức làm công tác hộ tịch, người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh).

**94. Xin hỏi, cơ quan nào có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh cho công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2016, chưa đăng ký khai sinh nhưng đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân?**

**Theo quy định tại** Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hiện tại thực hiện việc đăng ký khai sinh cho công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2016, chưa đăng ký khai sinh nhưng đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (bản chính hoặc bản sao hợp lệ) như: giấy tờ tùy thân theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP[[4]](#footnote-4); Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

**95. Tôi đang chuẩn bị hồ sơ đăng ký lại khai sinh. Trong đó, tôi được hướng dẫn chuẩn bị bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của mình hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh của mình. Xin hỏi, các giấy tờ này gồm những giấy tờ nào theo quy định?**

**Khoản 1 Điều 26 Nghị định 123**/2015/NĐ-CP quy định h**ồ sơ đăng ký lại khai sinh gồm các giấy tờ sau đây:**

**- Tờ khai theo mẫu quy định, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã đăng ký khai sinh nhưng người đó không lưu giữ được bản chính Giấy khai sinh;**

**- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh của người đó;**

**- Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì ngoài các giấy tờ trên phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.**

**Đồng thời, Điều 9** Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định:

Giấy tờ, tài liệu là cơ sở đăng ký lại khai sinh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP gồm:

- Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ.

- Bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ quy định trên thì giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh:

- Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

- Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú;

- Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận;

- Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.

Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật theo quy định.

- Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh.

Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.

**96. Trong bản sao Giấy khai sinh của A cấp năm 1985 ghi họ tên cha là Phạm Văn T, sinh năm 1965, quốc tịch Việt Nam. Nhưng hiện nay người cha đã thôi quốc tịch Việt Nam, nhập quốc tịch Pháp, thay đổi họ tên là Jonny Pham. Vậy, khi đăng ký lại khai sinh cho Nguyễn Văn A, phần khai về người cha trong Giấy khai sinh được ghi như thế nào?**

 Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định: “Tại thời điểm đăng ký lại khai sinh, nếu thông tin về cha, mẹ và của bản thân người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có thay đổi so với nội dung giấy tờ tại khoản 1 Điều này, thì người đó có trách nhiệm xuất trình giấy tờ hợp lệ chứng minh việc thay đổi. Nếu việc thay đổi thông tin là phù hợp với quy định pháp luật thì nội dung đăng ký lại khai sinh được xác định theo thông tin thay đổi; nội dung thông tin trước khi thay đổi được ghi vào mặt sau của Giấy khai sinh và mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh…”

Theo đó, khi đăng ký lại khai sinh, phần khai về người cha trong Giấy khai sinh của A được ghi như sau:

“Họ tên cha: Jonny Pham, sinh năm 1965, quốc tịch Pháp”.

“Phần ghi chú những thông tin thay đổi sau này” tại mặt sau của Giấy khai sinh và mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh ghi rõ: Người cha thay đổi họ tên và quốc tịch từ Phạm Văn T, quốc tịch Việt Nam, thành Jonny Pham, quốc tịch Pháp.

**97. Xin hỏi, thủ tục đăng ký khai tử được thực hiện như thế nào? Các nội dung cần xác định khi thực hiện đăng ký khai tử?**

Điều 34 Luật Hộ tịch, Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ và Điều 13 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định về thủ tục đăng ký khai tử như sau:

- Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

Trong đó, Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền sau đây cấp:

+ Đối với người chết tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế cấp Giấy báo tử;

+ Đối với người chết do thi hành án tử hình thì Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình cấp giấy xác nhận việc thi hành án tử hình thay Giấy báo tử;

+ Đối với người bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì Bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án thay Giấy báo tử;

+ Đối với người chết trên phương tiện giao thông, chết do tai nạn, bị giết, chết đột ngột hoặc chết có nghi vấn thì văn bản xác nhận của cơ quan công an hoặc kết quả giám định của Cơ quan giám định pháp y thay Giấy báo tử;

+ Đối với người chết không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d của Khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết có trách nhiệm cấp Giấy báo tử.

Trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử theo quy định trên thì người yêu cầu đăng ký khai tử phải cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai tử không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định hoặc giấy tờ, tài liệu, chứng cứ không hợp lệ, không bảo đảm giá trị chứng minh thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối đăng ký khai tử.

- Ngay sau khi nhận giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc khai tử đúng thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai tử vào Sổ hộ tịch, cùng người đi khai tử ký tên vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người đi khai tử. Công chức tư pháp - hộ tịch khóa thông tin hộ tịch của người chết trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Nội dung khai tử phải bao gồm các thông tin: Họ, chữ đệm, tên, năm sinh của người chết; số định danh cá nhân của người chết, nếu có; nơi chết; nguyên nhân chết; giờ, ngày, tháng, năm chết theo Dương lịch; quốc tịch nếu người chết là người nước ngoài[[5]](#footnote-5).

**98. Hai năm trước chị F có sinh con, lúc đó, F chưa đăng ký kết hôn với ai, trong giấy khai sinh của con chị để trống thông tin về người cha. Hiện nay cha của cháu bé quay về nhận con, hai người đã làm thủ tục đăng ký kết hôn, cha của cháu muốn bổ sung thông tin về người cha vào giấy khai sinh của con thì có phải thực hiện thủ tục nhận cha, con hay không?**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: “Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, đã được đăng ký khai sinh nhưng không có thông tin về người cha, nay vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì không phải làm thủ tục nhận cha, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con”.

Vậy nếu chị F và chồng có văn bản thừa nhận cháu bé là con chung thì không phải làm thủ tục nhận cha, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của cháu.

1. **Đề nghị cho biết, trường hợp nào được cải chính hộ tịch?**

Theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 17 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì việc cải chính hộ tịch chỉ được giải quyết sau khi xác định có sai sót khi đăng ký hộ tịch; không cải chính nội dung trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác.

Sai sót trong đăng ký hộ tịch là sai sót của người đi đăng ký hộ tịch hoặc sai sót của cơ quan đăng ký hộ tịch.

**100. Xin hỏi, việc thay đổi, bổ sung thông tin hộ tịch của con nuôi được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì:

- Sau khi được giải quyết cho làm con nuôi, theo yêu cầu của cha, mẹ nuôi, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi cư trú của con nuôi thực hiện thay đổi hộ tịch theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 46 Luật hộ tịch[[6]](#footnote-6).

- Trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi là trẻ bị bỏ rơi, trẻ chưa xác định được cha, mẹ thì theo yêu cầu của cha, mẹ nuôi, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi cư trú của con nuôi thực hiện bổ sung thông tin của cha, mẹ nuôi vào phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh; mục Ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “cha, mẹ nuôi”.

- Trường hợp con riêng được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi, nếu Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh còn để trống phần khai về cha hoặc mẹ, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi cư trú của con nuôi bổ sung thông tin về cha dượng hoặc mẹ kế vào phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh; mục Ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “cha nuôi” hoặc “mẹ nuôi”.

Nếu Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh có đủ phần khai về cha và mẹ, thì theo yêu cầu của cha nuôi hoặc mẹ nuôi, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi cư trú của con nuôi thực hiện thay đổi phần khai về cha dượng hoặc mẹ kế vào phần khai về cha hoặc mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh; mục Ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “cha nuôi” hoặc “mẹ nuôi”.

**101. G là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Nay G về Việt Nam, muốn bổ sung thông tin hộ tịch. Xin hỏi, cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết việc bổ sung thông tin hộ tịch của G?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc mà việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp thì thẩm quyền giải quyết được xác định như sau:

- Trường hợp người yêu cầu là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc;

- Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người đó thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.

- Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở của Sở Tư pháp đã đăng ký việc hộ tịch trước đây thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.

Sau khi thực hiện việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi thông báo kèm theo bản sao trích lục hộ tịch cho Sở Tư pháp để ghi chú vào Sổ hộ tịch theo quy định.

Như vậy, đối với trường hợp của G, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.

**102. Đề nghị cho biết, pháp luật quy định như thế nào về việc ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền?**

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì:

- Cơ quan đăng ký hộ tịch nhận được thông báo kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định liên quan đến việc thay đổi thông tin hộ tịch của cá nhân có trách nhiệm ghi vào sổ việc thay đổi hộ tịch theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật hộ tịch[[7]](#footnote-7); trường hợp Sổ hộ tịch đã được chuyển lưu tại cơ quan quản lý hộ tịch cấp trên thì gửi thông báo kèm theo bản chụp trích lục bản án, bản sao quyết định tới cơ quan đang lưu trữ Sổ hộ tịch để ghi tiếp vào Sổ hộ tịch.

- Trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch chưa nhận được thông báo kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định, mà người có thông tin hộ tịch thay đổi cung cấp trích lục bản án, bản sao quyết định hợp lệ, đã có hiệu lực pháp luật thì cơ quan đăng ký hộ tịch cũng thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch theo quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời ghi chú nội dung thay đổi vào mặt sau của bản chính giấy tờ hộ tịch. Trường hợp cơ quan thực hiện ghi chú không phải là cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây thì ghi chú nội dung thay đổi vào mặt sau của bản chính giấy tờ hộ tịch, đồng thời gửi bản chụp trích lục bản án, bản sao quyết định đến cơ quan đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.

**103. Xin hỏi, cơ quan nào có có thẩm quyền cấp bản sao trích lục hộ tịch? Việc cấp bản sao trích lục hộ tịch được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì:

- Cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch đang lưu giữ Sổ hộ tịch hoặc quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử có thẩm quyền cấp bản sao trích lục hộ tịch.

Nội dung bản sao trích lục hộ tịch được ghi đúng theo thông tin trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Những thông tin Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không có để ghi vào mẫu bản sao trích lục hộ tịch hiện hành thì để trống.

- Trường hợp Sổ hộ tịch trước đây ghi tuổi thì cơ quan đăng ký hộ tịch xác định năm sinh tương ứng ghi vào mục Ghi chú của Sổ hộ tịch, sau đó cấp bản sao trích lục hộ tịch.

Ví dụ: Sổ đăng ký khai sinh năm 1975 ghi tuổi của cha là 25 tuổi, tuổi của mẹ là 23 tuổi thì xác định năm sinh của cha: 1950, năm sinh của mẹ: 1952.

- Trường hợp thông tin của cá nhân đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc, ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì thông tin trong bản sao Giấy khai sinh, bản sao trích lục hộ tịch là thông tin đã được cập nhật theo nội dung ghi trong mục Ghi chú của Sổ hộ tịch.

Trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn mà trong Sổ đăng ký kết hôn đã ghi chú việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định ly hôn đã có hiệu lực pháp luật, ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì mục Ghi chú trong Trích lục kết hôn bản sao ghi rõ: Đã ly hôn theo Bản án/Quyết định số… ngày…tháng…năm … của Tòa án ….

**104. Anh H và chị T cùng thường trú trên địa bàn cấp xã. Qua thời gian tìm hiểu hai anh chị quyết định đi đến hôn nhân. Nay, anh chị muốn đi đăng ký kết hôn, tuy nhiên anh H bị khuyết tật 1 chân đi lại khó khăn. Xin hỏi, trong trường hợp này, anh H và chị T có thể được đăng ký kết hôn lưu động không?**

**Theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 24 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì các trường hợp đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn lưu động gồm:**

* **Trường hợp trẻ em sinh ra mà cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký khai sinh cho con; cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích khác hoặc những người này không thể đi đăng ký khai sinh cho trẻ thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành đăng ký khai sinh lưu động.**
* **Trường hợp người chết không có người thân thích, người thân thích không sống cùng địa bàn xã hoặc là người già, yếu, khuyết tật không đi đăng ký khai tử được thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành đăng ký khai tử lưu động.**
* **Trường hợp hai bên nam, nữ cùng thường trú trên địa bàn cấp xã mà một hoặc cả hai bên nam, nữ là người khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký kết hôn được thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành đăng ký kết hôn lưu động.**

**Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định tổ chức đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn lưu động.**

**Như vậy, anh H và chị T cùng thường trú trên địa bàn cấp xã mà anh H là người khuyết tật không thể đi đăng ký kết hôn được thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành đăng ký kết hôn lưu động.**

**105. Đề nghị cho biết, thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử lưu động được quy định như thế nào?**

**Theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch:**

**- Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh, khai tử lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các loại mẫu Tờ khai, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.**

**Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh, khai tử theo quy định của Luật hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ. Thời hạn trả kết quả đăng ký khai sinh, khai tử lưu động không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.**

**- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký giấy tờ hộ tịch và ghi nội dung đăng ký vào Sổ hộ tịch tương ứng.**

**- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, công chức tư pháp - hộ tịch đem theo giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; hướng dẫn người dân ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ hộ tịch theo quy định; tại mục Ghi chú trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Đăng ký lưu động”.**

**- Trường hợp người yêu cầu không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Tờ khai. Khi trả kết quả đăng ký hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch phải đọc lại nội dung giấy tờ hộ tịch cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Sổ hộ tịch.**

**106. Cách đây 2 ngày tôi và vợ sắp cưới thực hiện đăng ký kết hôn tại Nhà văn hóa xóm trong đợt đăng ký hộ tịch lưu động do UBND xã tổ chức. Vậy, xin hỏi, đến lịch hẹn nhận** **Giấy chứng nhận kết hôn, chúng tôi sẽ đến địa điểm nào để được nhận?**

Theo quy định tại Điều 26 **Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì:**

- Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động. Tại địa điểm đăng ký lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, xác minh về điều kiện kết hôn của các bên; hướng dẫn người dân điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ. Thời hạn trả kết quả đăng ký kết hôn lưu động không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

- Trong thời hạn 05 ngày theo quy định, nếu xét thấy các bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn, sau đó tiến hành trao Giấy chứng nhận kết hôn cho các bên tại địa điểm đăng ký lưu động.

**Căn cứ quy định nêu trên, vợ chồng bạn sẽ được Giấy chứng nhận kết hôn cho các bên tại địa điểm đăng ký lưu động – nhà văn hóa xóm.**

**107. Tôi đăng kí khai sinh ở xã X, huyện Y, tỉnh Z. Sau khi lấy chồng đã chuyển khẩu về quận A, thành phố B, tỉnh C. Bây giờ tôi muốn xin trích lục khai sinh thì tôi có phải quay về nơi đã đăng kí khai sinh trước đây xin trích lục không?**

Theo Điều 63 [Luật Hộ tịch năm 2014](https://luatvietnam.vn/tu-phap/luat-ho-tich-2014-91356-d1.html) quy định:

*“Cá nhân****không phụ thuộc vào nơi cư trú****có quyền yêu cầu Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch của mình đã được đăng ký.”*

Tại khoản 5, Điều 4 Luật Hộ tịch 2014 quy định như sau:

*“Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch gồm****cơ quan đăng ký hộ tịch****, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan khác được giao thẩm quyền theo quy định của pháp luật.”*

Tại khoản 1, Điều 4 Luật Hộ tịch 2014 quy định về cơ quan đăng ký hộ tịch như sau:

*“Cơ quan đăng ký hộ tịch là****Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn****(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã),****Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương****(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện)”.*

Như vậy, cá nhân không phụ thuộc vào nơi cư trú có quyền yêu cầu Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch của mình đã được đăng ký. Do đó, bạn có thể xin trích lục khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, UBND cấp huyện, Bộ Tư pháp.

**108. Để thuận lợi trong công việc, anh C muốn đăng ký thay đổi họ tên. Nhưng do công việc khá bận rộn anh C không có thời gian đến nộp hồ sơ tại UBND xã, anh muốn nộp hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu điện có được không?**

**Theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 3** Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch**, người yêu cầu đăng ký kết hôn,nhận cha, mẹ, con, đăng ký lại kết hôn trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hộ tịch; người yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch khác có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hộ tịch, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. Hồ sơ đăng ký hộ tịch chỉ cần lập một (01) bộ.**

**Trường hợp người yêu cầu gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc muốn nhận kết quả qua hệ thống bưu chính thì phải gửi nộp lệ phí đăng ký hộ tịch, lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch nếu không thuộc diện được miễn lệ phí và chi phí trả kết quả qua hệ thống bưu chính. Người tiếp nhận hồ sơ ghi rõ phương thức trả kết quả trong giấy tiếp nhận.**

**Như vậy, Anh C có có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu điện.**

**109. Anh N và chị X kết hôn, chị X mới sinh con được 1 tuần và đã được bệnh viện nơi sinh con cấp giấy chứng sinh. Chị X có hộ khẩu thường trú tại xã X, anh N không có hộ khẩu thường trú tại xã X. Hiện giờ, anh N muốn biết anh có thể đăng ký khai sinh cho con tại UBND xã X được hay không và anh phải nộp, xuất trình những giấy tờ gì khi đi đăng ký khai sinh cho con mình?**

Theo quy định tại Điều 13 Luật Hộ tịch năm 2014 : “Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh”, chị B (là mẹ của em bé) có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Z, do đó anh A có thể đến UBND xã X để làm thủ tục khai sinh cho con trai mình.

Điều 9 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định:

“1. Người yêu cầu đăng ký khai sinh nộp các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch khi đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Luật Hộ tịch khi đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Người yêu cầu đăng ký khai sinh xuất trình giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định này. Trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì còn phải xuất trình giấy chứng nhận kết hôn”

Khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định: “Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật”

Khoản 1 Theo Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định: “Người yêu cầu đăng ký hộ tịch, cấp bản sao trích lục hộ tịch xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân. Trong giai đoạn chuyển tiếp, người yêu cầu đăng ký hộ tịch phải xuất trình giấy tờ chứng minh nơi cư trú”

Theo quy định trên thì anh N phải xuất trình các giấy tờ sau:

- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định

- Giấy chứng sinh

- Bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (gọi là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân.

- Trong giai đoạn chuyển tiếp, anh A phải xuất trình giấy tờ chứng minh nơi cư trú.

- Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng anh.

**110. Hãy cho biết thẩm quyền đăng ký giám hộ? Thủ tục đăng ký giám hộ cử, đăng ký giám hộ đương nhiên được quy định như thế nào?**

- Về thẩm quyền đăng ký giám hộ:

Điều 19 Luật hộ tịch quy định:*“Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ thực hiện đăng ký giám hộ.”*

* Về thủ tục đăng ký giám hộ cử:

Theo quy định tại Điều 20 Luật Hộ tịch thì:

+ Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

-Thủ tục đăng ký giám hộ đương nhiên:

Theo quy định tại Điều 21 Luật Hộ tịch thì

+ Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.

*+* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

**111. T có thai, tuy nhiên, T chưa đăng ký kết hôn với ai. Vì vậy, T rất lo lắng và không biết việc đăng ký khai sinh cho con của mình được thực hiện như thế nào?**

Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định về việc đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.

2. ***Trường hợp chưa xác định được cha*** thì khi đăng ký khai sinh họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ để trống.

3. ***Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con***theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 của Luật Hộ tịch thì Ủy ban nhân dân kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh; nội dung đăng ký khai sinh được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

4. Trường hợp trẻ chưa xác định được mẹ mà khi đăng ký khai sinh cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì giải quyết theo quy định tại Khoản 3 Điều này; phần khai về mẹ trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ em để trống.

5. Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ không thuộc diện bị bỏ rơi, chưa xác định được cha và mẹ được thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Nghị định này; trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”.

T chưa đăng ký kết hôn với ai, con của T thuộc trường hợp chưa xác định được cha. Khi đăng ký khai sinh họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ để trống. Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ không thuộc diện bị bỏ rơi, chưa xác định được cha và mẹ được thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Nghị định này; trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”.

**112. Anh D (dân tộc Kinh) kết hôn với chị C (dân tộc Tày) có 01 người con trai là Y (15 tuổi). Anh D và chị C đã thống nhất đăng ký khai sinh cho Y là dân tộc Tày theo dân tộc của mẹ. Trong lần Anh D uống rượu, bị nhóm bạn đã chế giễu, anh D về nhà yêu cầu vợ ra UBND xã đề nghị xác định lại dân tộc của Y sang dân tộc Kinh theo dân tộc của cha đẻ. Tuy nhiên, chị C và Y không đồng ý.** **Vậy, xin hỏi quyền xác định lại dân tộc của cá nhân được quy định như thế nào? Cơ quan nào có thẩm quyền xác định lại dân tộc của Q? Anh D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định lại dân tộc của Y sang dân tộc Kinh theo dân tộc của mình mặc dù không có sự đồng ý của Y hay không?**

Khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 29 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền xác định lại dân tộc như sau:

“1. Cá nhân có quyền xác định, xác định lại dân tộc của mình.

…

3. Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong trường hợp sau đây:

a) Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau;

b) Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp con nuôi đã xác định được cha đẻ, mẹ đẻ của mình

4. Việc xác định lại dân tộc cho người từ đủ mười lăm tuổi đến dưới mười tám tuổi phải được sự đồng ý của người đó”.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch  cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc”.

Như vậy, Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trongtrường hợp Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau. UBND cấp **huyện**nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của Y có thẩm quyền xác định lại dân tộc cho Y.

Khoản 4 Điều 29 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Việc xác định lại dân tộc cho người từ đủ mười lăm tuổi đến dưới mười tám tuổi phải được sự đồng ý của người đó”.

Trong trường hợp này, Y đã 17 tuổi, do đó nếu không được sự đồng ý của Y thì anh D **không** có quyền yêu cầu xác định lại dân tộc của Y từ dân tộc của mẹ đẻ sang dân tộc của cha đẻ.

**113. Chị K và anh M có 1 đứa con chung 3 tuổi. Sau khi ly hôn, do không muốn con mang theo họ của M, chị K tới UBND xã làm thủ tục thay đổi họ của con từ họ của cha sang họ của mẹ. Tuy nhiên, UBND xã yêu cầu phải có sự đồng ý của anh M thì chị K mới được làm thủ tục thay đổi họ cho con. Xin hỏi, việc UBND xã yêu cầu phải có sự đồng ý của anh M khi chị làm thủ tục thay đổi họ cho con có đúng hay không?**

Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định: “Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Luật Hộ tịch phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thi còn phải có sự đồng ý của người đó”. Con chung của chị K và anh M hiện nay 3 tuổi, do đó việc thay đổi họ cho con chung phải có sự đồng ý của cả cả cha và mẹ. Việc đồng ý này được thể hiện trong Tờ khai đăng ký việc thay đổi hộ tịch. Do đó, việc UBND xã yêu cầu phải có sự đồng ý của anh M khi chị K làm thủ tục thay đổi họ cho con của anh, chị là đúng quy định của pháp luật.

**114. Vừa rồi, anh B được UBND xã X cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân với mục đích để “làm hồ sơ vay vốn ngân hàng”. Tuy nhiên, sau đó do không có nhu cầu vay vốn nữa nên anh B chưa sử dụng đến Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân này. Nay, anh B chuẩn bị làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh B có thể sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã X đã cấp để “làm hồ sơ vay vốn ngân hàng” để làm thủ tục đăng ký kết hôn được không?**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không có giá trị khi sử dụng vào mục đích khác với mục đích ghi trong Giấy xác nhận” thì anh B **không**thể sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã X cấp cho anh B với mục đích “làm hồ sơ vay vốn ngân hàng” để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

**115.** **Chị A là công dân Việt Nam kết hôn với anh B có quốc tịch Hàn Quốc. Vợ chồng anh chị đang cư trú và làm việc tại xã X, huyện Y, tỉnh Z, Việt Nam. Anh B muốn con của anh chị được mang quốc tịch Hàn Quốc, trình tự,** t**hủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em được thực hiện như thế nào? Việc anh B muốn con mang Quốc tịch Hàn Quốc phải có văn bản, giấy tờ gì không?**

Khoản 1 Điều 35 Luật Hộ tịch quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em trong các trường hợp sau đây:

1. Trẻ em được sinh ra tại Việt Nam:

a) ***Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch;***

b) Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

c) Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài;

d) Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch”

UBND huyện Y, tỉnh Z  có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho con của anh B.

Thủ tục đăng ký khai sinh cho con của anh B được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 Luật Hộ tịch như sau:

“1. Người đi đăng ký khai sinh nộp giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc chọn quốc tịch cho con.

Trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con thì văn bản thỏa thuận phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài mà người đó là công dân.

2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định tại Điều 14 của Luật này vào Sổ hộ tịch; trường hợp trẻ em có quốc tịch nước ngoài thì không ghi nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật này*[[8]](#footnote-8)*.

 Công chức làm công tác hộ tịch, người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh”.

Khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch quy định người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.

Trường hợp anh B muốn chọn quốc tịch Hàn Quốc cho con thì trong văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc chọn quốc tịch cho con phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Hàn Quốc.

**116. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị X có thông tin về giấy tờ tuỳ thân là số chứng minh nhân dân do công an tỉnh cấp. Hiện nay, chị X đã được cấp Căn cước công dân. Vậy để thuận tiện cho các giao dịch, chị X muốn làm thủ tục thay đổi thông tin về giấy tờ tuỳ thân trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ số chứng minh nhân dân thành số căn cước công dân có được không?**

Theo quy định tại Điều 26 Luật Hộ tịch thì phạm vi thay đổi hộ tịch bao gồm:

“1. Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự.

2. Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi”.

**Như vậy, phạm vi thay đổi hộ tịch không bao gồm thông tin về giấy tờ tuỳ thân trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị X không thể làm thay đổi thông tin về giấy tờ tuỳ thân trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ số chứng minh thành số căn cước công dân.**

**117. Ba và mẹ của V đăng ký kết hôn năm 1991, nay, Giấy chứng nhận kết hôn của ba mẹ chị bị mất. Bố V mất đã gần một năm. Mẹ V có tới UBND xã xin cấp trích lục kết hôn bản sao, tuy nhiên UBND xã không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1991. Vậy, mẹ V cần giấy chứng nhận kết hôn để bổ sung vào hồ sơ đi Úc thì có xin đăng ký lại kết hôn được hay không?**

Điều 65 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết”.

Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định: “Việc đăng ký lại khai sinh, kết hôn chỉ được thực hiện nếu người yêu cầu đăng ký còn sống vào thời điểm tiếp nhận hồ sơ”.

Như vậy, căn cứ vào các quy định trên, đối chiếu với trường hợp của ba mẹ chị Ngọc, vì bố V đã mất nên mẹ V không thể thực hiện việc đăng ký lại kết hôn.

**118. Xin hỏi, việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ được thực hiện như thế nào?**

Điều 16 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định về việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ như sau:

- Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh. Đồng thời, nộp văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. Phần khai về cha, mẹ của trẻ được xác định theo cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ.

- Thủ tục đăng ký khai sinh:

Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân.

Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

**119. S là người Việt Nam cư trú tại xã biên giới X huyện G tỉnh L có vợ là người Trung quốc. Hai vợ chồng S vừa sinh con trai đầu lòng. Xin hỏi, thủ tục đăng ký khai sinh cho con trai của vợ chồng S được thực hiện như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định về việc đăng ký khai sinh tại khu vực biên giới thì:

- Về thẩm quyền: Ủy ban nhân dân xã ở khu vực biên giới đăng ký khai sinh cho trẻ sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã đó còn mẹ hoặc cha là công dân nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.

- Về hồ sơ: Người yêu cầu đăng ký khai sinh xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng chứng minh về nhân thân và nộp các giấy tờ sau đây:

+ Tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.

+ Văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc chọn quốc tịch cho con;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng giềng.

- Về thủ tục: Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân.Công chức tư pháp -hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

**120. Xin cho biết thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ đăng ký kết hôn tại khu vực biên giới được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch về việc đăng ký kết hôn tại khu vực biên giới thì:

- Về thẩm quyền: Ủy ban nhân dân xã ở khu vực biên giới thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã đó với công dâncủa nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã củaViệt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.

- Về thủ tục: Người yêu cầu đăng ký kết hôn xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân; trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã, hồ sơ đăng ký kết hôn gồm các giấy tờ sau đây:

+ Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định; hai bên nam, nữ có thể sửdụng 01 Tờ khai chung;

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng cấp không quá 6tháng tính đến ngày nhận hồ sơ xác nhận công dân nước láng giềng hiện tại làngười không có vợ hoặc không có chồng;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, chứng minh nơi thường trú ởkhu vực biên giới của công dân nước láng giềng.

- Về thời hạn: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ và báo cáo Chủ tịch.

**13 tiểu phẩm pháp luật**

***Tìm hiểu pháp luật về chứng thực***

**Tiểu phẩm 01: Sao không chứng thực được?**

**Nhân vật:**

Ông Thông: Người bán đất

Anh Nhàn: Con trai ông Thông

Vợ chồng ông Thái, bà Loan: Người mua đất

**Diễn biến:**

Thấy vợ chồng ông Thông giao bán 100 m2 đất ở trong làng, vợ chồng bà Thái muốn sang mua để cho vợ chồng người con út ra ở riêng liền đến nhà ông Thông để hỏi mua đất. Xuống xe máy, bà Loan, vợ ông Thái ngó qua cánh cổng gọi với vào bên trong.

**Bà Loan**: Ông bà Thông có nhà không đó?

Một lát thì thấy anh Nhàn, con ông Thông ra mở cổng.

**Anh Nhàn**: Cháu chào cô chú.

**Bà Loan**: Cô chào cháu, bố mẹ có nhà không cháu.

**Anh Nhàn**: Dạ, bố mẹ cháu có trong nhà ạ. Mời cô chú vào.

Theo chân anh Nhàn, vợ chồng ông Thái vào nhà thì thấy ông Thông đang ngồi rít điếu thuốc lào.

**Ông Thông**: Ông bà vào nhà. Nhàn rót nước mời khách cho bố.

**Anh Nhàn**: Dạ. Cháu mời cô chú uống nước ạ.

**Ông Thái**: Chú xin. (Ông bà Thái lần lượt đưa tay đỡ cốc nước từ anh Nhàn).

**Bà Loan**: Tôi thấy bà Tú Thi nói chuyện, ông bà định bán 100m đất trong làng nên vợ chồng tôi sang hỏi mua.

**Ông Thông**: Đúng rồi, tôi đang định bán bớt 100 m, nhưng không phải miếng ở trong làng mà là miếng ở cạnh nhà ông Tư Hói ấy.

**Ông Thái**: Cạnh nhà ông Tư Hói là chỗ nào nhỉ?

**Ông Thông**: Nó cũ là đất vườn của nhà ông Tư Hói ấy.

**Bà Loan**: Ủa, có phải cái miếng đất đang trồng ổi không ông?

**Ông Thông**: Đúng rồi đó. Tôi mua nó cách đây 5 - 7 năm rồi. Định bụng để cho con Thu khi lấy chồng, nhưng giờ nó lại không ở. Ông bà muốn xem ngay không tôi đưa qua xem.

**Ông Thái**: Vâng, ông đưa chúng tôi xem đất thế nào?

Nói rồi, ông Thông dẫn vợ chồng ông Thái sang xem đất. Mở cổng vườn, ông Thông giời thiệu đất cho khách.

**Ông Thông**: Đây, đất đây ông. Diện tích sổ đỏ chính xác là 102 m2, mặt tiền 6 m, phía sau là 5m8.

**Bà Loan**: Vậy là hơi thót hậu một chút nhỉ.

**Ông Thông**: Vâng. Đây mốc giới của đất. Vừa nói, ông Thông vừa chỉ vào chiếc cọc bê tông phân ranh đất với nhà ông Tư Hói.

**Bà Loan**: Đây là đất ở rồi hay vẫn là đất vườn ao ông?

**Ông Thông**: Đất ở rồi ông bà. Tôi làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đầu năm ngoái.

**Ông Thái**: Vậy, đất này ông định bán giá bao nhiêu tiền mét?

**Ông Thông**: Chỗ người làng, tôi nói luôn giá bán 4 triệu/mét. Tính ra là 408 triệu đồng. thôi tôi ra lộc, lấy đúng 400 triệu.

**Ông Thái**: Phí, thuế thế nào ông?

**Ông Thông**: Phí, thuế theo quy định của Nhà nước thôi ông. Của bên nào, bên đó chịu.

Im lặng một lát, ông bà Thái đi vòng 1 vòng xem kỹ miếng đất, mốc đất. Ông Thái ghé tai vợ nói nhỏ:

**Ông Thái**: Bà thấy thế nào? Tôi trả 350 triệu trước nhé?

**Bà Loan**: Vâng ông. Đất này được ông.

**Ông Thái**: Thôi thế này ông Thông ạ. Đất thì vợ chồng tôi cũng xem rồi. Ngõ vào rộng rãi, mỗi tội hơi thót hậu một chút. Vợ chồng tôi trả 350 triệu. Ý ông thế nào?

**Ông Thông**: Mình thì mua đất cứ quá xem trọng đất nở hậu, chứ tôi thấy có quan điểm của người Trung Quốc lại cho rằng thót hậu như con tỳ hưu ấy (ăn vào nhưng không nhả ra - càng tốt chứ có làm sao đâu).

**Ông Thái**: Thì đó là người Trung Quốc, chứ mình Việt Nam mà ông.

**Ông Thông**: Giá đó thì không được rồi ông bà ạ. Đúng 400, một đồng cũng không bớt được nữa. Người làng với nhau cả, tôi nói thách làm gì.

**Bà Loan**: Thì mua bán phải có mặc cả, trả giá chứ ông.

**Ông Thông**: Giá tôi đưa ra là giá bán rồi ông bà. Người thì càng ngày càng đông, mà đất thì có đẻ ra được đâu. Giá nó càng ngày càng tăng ấy chứ. Chẳng qua là vợ chồng con Thu nhà tôi sắp hoàn thành nhà, mặc dù vợ chồng nhà nó thừa khả năng, không phải vay mượn đâu nhưng chúng tôi vẫn muốn cho cháu chút ít, gọi là lộc của bố mẹ. Cho cháu khỏi tủi thân với gia đình nhà chồng.

**Ông Thái**: Về giá cả, ông để vợ chồng tôi về bàn tiếp.

**Ông Thông**: Vâng, Thuận mua vừa bán. Ông bà cứ về bàn bạc thêm. Nói thế chứ, cả một gia tài chứ ít ỏi đâu.

**Bà Loan**: Ông cho hỏi thêm, nếu chung tôi đồng ý mua đất thì thủ tục công chức, chứng thực thế nào? Trước ông mua mảnh đất này thực hiện ra sao?

**Ông Thông**: Việc đó thì đơn giản mà bà. Hai bên làm hợp đồng mua bán, rồi xuống nhờ Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Cứ ra đó, mình chưa biết, cán bộ tư pháp họ hướng dẫn chi tiết luôn đến khi ông bà nhận được sổ đỏ.

**Ông Thái**: Thế giờ vẫn ông Hoàng Phó Chủ tịch xã ký chứng thực à ông?

**Ông Thông**: Vâng, hôm trước tôi ra xin chứng thực bản sao Bằng tốt nghiệp cho thằng Nhàn thì thấy vẫn ông Hoàng ký ông ạ.

**Bà Loan**: Đó là giấy tờ bình thường. Thế còn hợp đồng mua bán đất cát, nhà cửa có giá trị lớn thì có ký chứng thực được không?

**Ông Thông** ngơ ngác: Sao lại không chứng thực được? Ý bà là sao, tôi không hiểu?

**Bà Loan**: Ý tôi là ông là con nuôi của cụ Dần - mẹ đẻ ông Hoàng, nên ông với ông Hoàng là chỗ anh em trong nhà với nhau. Liệu ông Hoàng chứng thực hợp đồng mua bán có đảm bảo khách quan, đúng quy định pháp luật không?

**Ông Thông**: À, tôi hiểu rồi. Năm trước, khi tôi làm thủ tục đề nghị chuyển mục đích sử dụng mảnh đất này, phải chứng thực một số giấy tờ liên quan. Tôi cũng có thắc mắc vấn đề này với anh Thịnh, công chức Tư pháp xã mình, thì được giải thích là trường hợp của tôi, ông Hoàng ký chứng thực vẫn hợp pháp. Pháp luật công chứng, chứng thực quy định người thực hiện chứng thực (như ông Hoàng nhà tôi ấy) chỉ không được được chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi. Tôi không thuộc các trường hợp bị cấm đó ông bà.

**Bà Loan**: Thật vậy hả ông?

**Ông Thông**: Đúng thế. Ông bà còn nghi ngờ hôm nao xuống xã hỏi anh Thịnh tư pháp là rõ ngay ấy. Hôm đó, anh ấy có chỉ cụ thể tôi xem điều khoản quy định pháp luật đó cơ mà.

**Bà Loan**: Vậy mà tôi cứ tưởng.

**Ông Thông**: Ông bà yên tâm. Về thủ tục mua bán sang tên chắc chắn không có gì vướng mắc đâu.

**Ông Thái**: Vâng, ông cho vợ chồng tôi một hai bữa để trao đổi với nhau thêm về giá cả. Có gì vợ chồng tôi sẽ thông tin sớm lại ông.

**Ông Thông**: Vâng, ông bà cứ bàn bạc thêm. Nhưng tôi cũng nói luôn để ông bà hay, vợ chồng anh Tiến, chị Thanh trả tôi 375 triệu rồi nhưng tôi chưa đồng ý đó.

**Bà Loan**: Vậy hả ông?

**Ông Thông**: Bà có thể hỏi chị Thanh.

**Ông Thái**: Ông để vợ chồng tôi về bàn bạc thêm. Có gì tối chúng tôi sẽ thông tin lại ông bà. Giờ chúng tôi xin phép.

**Ông Thông**: Vâng, ông bà cứ về suy nghĩ thêm.

Mặc dù vợ chồng cần phải bàn bạc, trao đổi thêm về giá đất, nhưng qua trao đổi việc mua bán đất đai, bà đã hiểu biết thêm được quy định pháp luật về các trường hợp không được chứng thực hợp đồng, giao dịch của người thực hiện chứng thực. Điều này khiến bà yên tâm hơn về thủ tục nếu vợ chồng ông bà quyết định nhận chuyển nhượng đất của ông Thông.

**Tiểu phẩm 02. Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ di chúc**

**Nhân vật:**

Bà Cảnh

Anh Sinh: Con trai bà Cảnh

Chị Lan: Vợ anh Cảnh

Chị Hoài: Công chức Tư pháp - hộ tịch phường

**Diễn biến:**

Khi bà Cảnh vừa sinh người con trai thứ 2 được 5 tháng thì ông Phong, chồng bà, bị tai nạn đột ngột chết. Thương các con, bà Cảnh không tái giá mà ở lại nuôi con khôn lớn, trưởng thành. Hai người con trai của bà: anh Sinh lập nghiệp trên thành phố, anh Thành ở quê thuê một cửa hàng nhỏ mở tiệm sửa xe máy. Cách đây hai năm, anh Sinh đón bà Cảnh lên phụng dưỡng, chăm sóc. Gần chục ngày nay, kể từ khi về thăm quê lên, vợ chồng anh Thành thấy tâm trạng bà Cảnh có gì đó khác trước. Buổi chiều đi làm về, chị Lan, vợ anh Sinh xuống xe, mở ví lấy chìa khóa định luồn tay vào bên trong mở cổng thì thấy cửa cổng không khóa. Chị Lan quay lại nói với anh Sinh:

**Chị Lan**: Ủa, sao mẹ không khóa cổng anh này?

**Anh Sinh**: Chắc mẹ quên.

Sau khi anh Sinh cho xe vào, chị Lan đóng cửa cổng đi vào nhà thì thấy cửa nhà cũng đang mở, chị Lan cất tiếng gọi:

**Chị Lan**: Mẹ, mẹ ơi. Vợ chồng con đi làm về ạ.

Ngó nghiêng tầng trên, tầng dưới vẫn không thấy bà Cảnh và hai con, chị Lan về hốt hoảng nói:

**Chị Lan**: Anh à, không thấy mẹ và các con có ở nhà anh ạ. Không biết bà cháu đi đâu.

**Anh Sinh**: Có khi ba bà cháu sang nhà bà Thanh chơi cũng nên.

**Chị Lan**: Dạ, nhưng sao đi chơi mà mẹ lại không khóa cửa nhà, cửa cổng nhỉ. Để em sang bà Thanh xem sao.

Vừa dứt lời ra đến cổng thì thấy bà Cảnh dắt hai cháu về.

**Chị Lan**: Con chào mẹ ạ. Mẹ chào cu Bin, bé Xoài.

**Cu Bin**: Con chào mẹ. Mẹ ơi, hôm nay bà quên đón con mẹ ạ. Lớp còn mỗi con, bạn Châu My và bạn Minh.

**Chị Lan**: Làm sao quên được, chắc bà có chút việc bận đón Bin muộn một chút thôi. Hai con vào nhà đi.

Đóng cửa cổng cẩn thận, chị Lan qua phòng khách ghé tai anh Sinh lên phòng nói chuyện.

Tại phòng ngủ của vợ chồng.

**Chị Lan**: Anh ạ, từ hôm ở quê lên, em thấy mẹ khác khác thế nào ấy. Em đoán là mẹ đang có điều gì bận tâm suy nghĩ. Đấy, hôm nay đi đón cháu muộn còn quên cả khóa cửa nhà, cửa cổng. Lát anh xuống tâm sự với mẹ xem sao.

**Anh Sinh**: Ừ, anh biết rồi. Để ăn cơm tối xong, anh nói chuyện với mẹ. Em xuống cơm nước đi, cũng muộn rồi. Để anh đi tắm cho các con.

**Chị Lan**: Dạ.

Ăn tối xong, bà Cảnh ra ngoài bàn phòng khách uống nước. Anh Sinh tay cầm đĩa cam đi theo.

**Anh Sinh**: Mẹ, con mời mẹ ăn cam.

**Bà Cảnh**: Ừ, mẹ xin.

**Anh Sinh**: Mẹ à… (tỏ vẻ ngập ngừng)

**Bà Cảnh**: Có chuyện gì con?

**Anh Sinh**: Ở quê mọi việc vẫn ổn chứ mẹ?

**Bà Cảnh**: Ừ, khi lên mẹ đã kể các con nghe rồi. Mọi việc ở dưới đó vẫn tốt.

**Anh Sinh**: Không biết vợ chồng con, các cháu có điều gì khiến mẹ phiền lòng?

**Bà Cảnh**: Vợ chồng con, các cháu tốt mà.

**Anh Sinh**: Vậy mà sao mấy hôm nay con thấy mẹ ưu tư lắm? Mẹ nói con nghe được không?

**Bà Cảnh**: Không, không có gì đâu con.

Anh Sinh hiểu rất rõ mẹ là người quê chân chất, thật thà, nên nhìn khuôn mặt, cử chỉ của mẹ, anh biết rõ là mẹ đang bận tâm suy nghĩ điều gì.

**Anh Sinh**: Mẹ, có điều gì khó nói khiến con trai mẹ, mẹ cũng không nói ra được sao? Hay để con nói Lan lên phòng, mẹ nói con nghe.

**Bà Cảnh**: Không, không.

**Anh Sinh**: Kìa mẹ. Có chuyện gì mẹ nói con nghe. Khó mấy con cũng sẽ gắng giải quyết ổn thỏa mà. (Anh Sinh vừa nói, vừa cầm đôi bàn tay thô ráp, bao năm vất vả ruộng đồng nuôi hai anh em)

**Bà Cảnh**: Thôi được. Con gọi cả Lan ra đây.

**Anh Sinh**: Lan ơi, xong việc trong đó chưa em? Ra mẹ có chuyện cần nói với hai vợ chồng.

**Chị Lan**: Dạ, em xong ngay đây ạ.

**Anh Sinh**: Mẹ, có cả vợ con rồi đây mẹ.

**Bà Cảnh**: Ờ. Đúng là mấy hôm nay mẹ có chuyện muốn bàn với các con mà chưa biết phải bắt đầu thế nào để các con, nhất là Lan hiểu và thông cảm, chia sẻ.

**Chị Lan**: Vâng, chúng con nghe mẹ nói đây ạ.

**Bà Cảnh**: Lan cũng biết, bố mất sớm, mẹ một mình nuôi hai anh em Sinh, Thành. Nhờ trời phật thương, tổ tiên phù hộ nên mẹ cũng tích góp được tiền mua mảnh đất ở đầu làng.

**Chị Lan**: Mảnh đất mẹ trồng bưởi mẹ nói cho vợ chồng con ấy ạ?

**Bà Cảnh**: Ừ, ba năm trước bệnh tưởng không qua khỏi, mẹ đã di chúc nó cho vợ chồng con; còn 50 m đất ở trong làng cho vợ chồng em Thành. Hôm rồi, mẹ về quê, thấy chính quyền thông báo dự án mở đường liên huyện. Mảnh đất mẹ cho anh chị lại ra mặt đường, khả năng buôn bán kinh doanh rất tốt.

**Anh Sinh**: Vâng, việc này lần trước nhà mình về con cũng thấy bác Thảo trưởng thôn kể qua. Người dân thôn mình sẽ được hưởng lợi rất nhiều khi con đường được mở, kinh tế rồi sẽ phát triển mạnh ạ.

**Bà Cảnh**: Mẹ biết, trên này vợ chồng anh chị cũng chỉ đủ ăn đủ tiêu, không dư giả là bao, nhà cửa cũng chỉ mới tạm ổn. Nhưng về tổng thể thì mẹ thấy yên tâm với vợ chồng con hơn thằng Thành. Nhà có mình em nó là trụ cột gia đình, vợ thì ốm đau luôn, đi phụ giúp người ta nấu ăn cũng bữa được bữa chăng. Mẹ nói đây không phải là thiên vị gì vợ chồng em nó đâu, nhưng mà…

**Chị Lan**: Kìa mẹ, chúng con biết mà mẹ.

**Bà Cảnh**: Mẹ tính thế này. Đây là ý của mẹ chứ hai em nó ở quê không đưa nào đặt vấn đề này ra đâu con. Trước mẹ bệnh tưởng không qua khỏi nên đã nhờ Ủy ban xã chứng thực di chúc chia tài sản cho hai anh em Sinh, Thành. Diện tích đất thì như nhau, nhưng Thành thì được phần hơn một chút là trên đất đã có nhà sẵn rồi. Tuy nhiên, hoàn cảnh hai em anh chị cũng đã biết rõ. Mẹ muốn anh chị đổi lại đất cho hai em nó. Anh chị vào trong làng, cho hai em nó ra đó, cất nhà ở, thằng Thành cũng có chỗ mở cửa hàng sửa xe, đỡ phải đi thuê. Còn vợ nó, có thể mở cái quán nước nho nhỏ kiếm đồng ra đồng vào đỡ chồng. Mẹ tính như vậy không biết ý hai con thấy sao? Anh Sinh: Lan nghĩ sao em?

**Chị Lan**: Dạ, em thấy mẹ tính thế rất hợp lý đó anh. Em không có ý kiến gì cả.

**Anh Sinh**: Không có ý kiến gì thật chứ?

**Chị Lan**: Dạ, vâng.

**Anh Sinh**: Đó, vợ con còn thấy ý kiến đó của mẹ rất hợp lý thì sao con trai mẹ lại có thể có ý kiến gì khác hơn được nữa. Anh em như thể tay chân là ở những lúc này chứ lúc nào nữa mẹ. Mẹ cứ để chú thím ấy ra đó ở đi ạ.

**Bà Cảnh**: Vậy là các con bằng lòng cả chứ?

**Chị Lan**: Dạ, chúng con theo ý mẹ ạ.

**Bà Cảnh**: Tốt quá, vậy mà mẹ cứ lo các con suy nghĩ mẹ không công bằng, chỉ biết thiên vị cho em nó.

**Chị Lan**: Mẹ yên tâm, chúng con không bao giờ nghĩ vậy đâu ạ.

**Bà Cảnh**: Ừ, mẹ cám ơn các con đã hiểu cho lòng mẹ già. Vậy, mai Sinh đặt xe cho mẹ thứ 7 này về quê nhé.

**Chị Lan**: Ủa, mẹ vừa mới lên được mấy hôm hãy còn mệt, sao lại về tiếp thứ 7 tới ạ?

**Bà Cảnh**: À, cái di chúc mẹ làm trước giờ thay đổi nội dung thì phải ra Ủy ban xã nhờ các bác chứng thực việc sửa đổi nội dung cho chứ. Mẹ già rồi, như ngọn đèn trước gió, làm được cái gì thì phải làm luôn con.

**Anh Sinh**: Có cần thiết phải ngay và luôn vậy không mẹ. Để tuần sau con thu xếp đưa mẹ về.

**Bà Cảnh**: Thôi, con đặt xe cho mẹ. Chứ con nghỉ làm, lại bị trừ lương ra. Mẹ vẫn đi được.

**Anh Sinh**: Nhưng mà việc sửa đổi nội dung di chúc có nhất thiết phải về quê để chứng thực lại không? Trên này có chứng thực được không?

**Bà Cảnh**: Trên này họ biết đất cát của mình thế nào mà chứng thực được?

**Anh Sinh**: Con vẫn thấy có gì đó chưa hợp lý lắm. Lan, em còn lưu số của chị Hoài công chức tư pháp phường chứ?

**Chị Lan**: Dạ, em còn lưu đó anh. (Vừa nói, chị Lan vừa lấy điện thoại đọc số cho chồng bấm máy gọi)

**Chị Hoài**: Alo ạ.

**Anh Sinh**: A lô, chị Hoài tư pháp phường đúng không ạ?

**Chị Hoài**: Vâng, tôi đây.

**Anh Sinh**: Tôi Sinh, ở tổ dân phố 5, cạnh nhà ông Thắng tổ trưởng tổ dân phố đây ạ.

**Chị Hoài**: Dạ vâng, chào anh.

**Anh Sinh**: Xin lỗi chị vì làm phiền chị vào tối muộn thế này. Tôi có chuyện muốn nhờ chị tư vấn giúp.

**Chị Hoài**: Anh cứ nói, giúp được gì tôi luôn sẵn lòng.

**Anh Sinh**: Chả là cách đây ba năm, mẹ tôi có lập di chúc chia đất cho hai anh em tôi. Di chúc đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z chứng thực. Nay, mẹ tôi chia lại đất cho anh em tôi nên muốn sửa đổi di chúc. Tôi muốn hỏi, mẹ tôi phải về Ủy ban nhân dân xã X chứng thực hay có thể thực hiện chứng thực trên này?

**Chị Hoài**: Dạ, vâng. Về vấn đề anh hỏi, theo quy định của pháp luật, trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể chứng thực tại bất kỳ cơ quan có thẩm quyền chứng thực nào. Cơ quan đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã chứng thực trước đây về nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc để ghi chú vào sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch. Vậy nên, để thuận tiện đi lại, bà có thể ra phường mình thực hiện chứng thực anh nhé.

**Anh Sinh**: Vậy thì tốt quá. Tôi cám ơn chị nhiều nhé. Mai tôi sẽ chở bà ra nhờ các chị thực hiện chứng thực giúp ạ.

**Chị Hoài**: Vâng, mai anh cứ chở bà ra ạ.

**Anh Sinh**: Vậy tôi chào chị nhé. Hẹn gặp chị ngày mai.

**Chị Hoài**: Vâng, tôi chào anh.

**Anh Sinh**: Đấy, mẹ nghe rõ nhé. Mẹ không phải về quê nữa. Mai con sẽ chở mẹ ra làm thủ tục. Còn việc thông báo cho chú thím Thành, để nao vợ chồng con thu xếp công việc, con sẽ đưa mẹ về. Còn phải xem chú thìm ấy dự tính dựng quán thế nào nữa chứ.

**Bà Cảnh**: Vậy cũng được.

**Chị Lan**: Giờ thì mẹ yên tâm rồi chứ ạ.

**Bà Cảnh**: Ừ.

**Chị Lan**: Mẹ yên tâm thì ăn thêm miếng cam nữa nhé. Bin và Xoài đang chơi gì đó con. Xuống dưới này xem tivi với cả nhà đi con.

Từ trên gác, hai đứa trẻ con huỳnh huỵch bước xuống cầu thang xem ti vi cùng bà và bố mẹ. Không khí gia đình bà Cảnh tràn ngập yêu thương, chan hòa và hạnh phúc đong đầy.

***Tiểu phẩm tìm hiểu pháp luật về công chứng***

**Tiểu phẩm số 03: CÓ GIỚI HẠN ĐỘ TUỔI LÀM CÔNG CHỨNG VIÊN?**

**Nhân vật:**

Ông Bình

Ông Hải – bạn ông Bình

Anh Huy – con trai ông Bình

Một buổi sáng cuối tuần, tại nhà của ông Bình ở làng quê yên bình, cách Hà Nội hơn 70km. Ông Bình và ông Hải là hai người bạn thân cùng xóm, hai ông đang ngồi câu cá trong ao vườn nhà.

**Ông Hải**: Ông bây giờ là sướng nhất rồi đấy! Con cái thành đạt, hàng ngày được hưởng bầu không khí trong lành, ăn thực phẩm sạch, ung dung, tự tại với đời.

**Ông Bình**: (Cười lớn) Sướng, khổ là do cảm nhận của mỗi người ông ạ. Hiện tại, tôi cũng thấy mình rất vui vẻ, thoải mái, không phải lo nghĩ nhiều về cuộc sống nữa ông ạ.

**Ông Hải**: Thì đó là cuộc sống mơ ước của nhiều người khi nghỉ hưu mà ông.

**Ông Bình**: À mà ông cũng sắp nghỉ hưu rồi còn gì nhỉ? Ông có dự định gì chưa? Hay ông về đây làm trang trại sống với tôi cho vui.

**Ông Hải**: Ừ, tôi cũng còn gần 1 năm nữa thôi. Nhiều lúc tôi cũng muốn được về quê trồng rau, nuôi gà, sống cuộc đời thư thái như ông nhưng bà vợ tôi lại không ủng hộ ông ạ. Bà ấy muốn sống trên đấy cùng các con để còn đỡ đần chúng nó ông ạ.

**Ông Bình**: Ờ, hoàn cảnh của ông thì còn nhiều cái phải lo nghĩ hơn tôi. Mà tôi thấy người như ông vừa có sức khỏe, vừa có trí tuệ, kinh nghiệm mà phải về trồng rau như tôi thì lãng phí tài nguyên quá. Tôi nghĩ là ông nên tiếp tục cống hiến.

**Ông Hải**: Ông cứ đùa tôi chứ già rồi thì phải nghỉ để cho các em, các cháu còn phát triển, chứ ở đó mà án ngữ họ sao được?

**Ông Bình**: Thì ông cũng là tiến sĩ luật, có nhiều năm làm việc ở Bộ Tư pháp, về kiến thức và kinh nghiệm của ông thì lớp trẻ sao bì kịp. À hay tôi có ý này, ông xem được không nhé?

**Ông Hải**: Ý gì vậy? Ông nói tôi nghe xem nào?

**Ông Bình**: Ông về làm công chứng viên ở văn phòng công chứng của thằng Huy nhà tôi đi. Hôm trước, tôi thấy nó bảo đang cần tuyển người làm. Ông mà về đấy làm thì tốt cho nó quá, tôi cũng thấy yên tâm hơn.

**Ông Hải**: Vậy hả? nhưng tôi già thế này rồi thì còn được làm công chứng viên không?

**Ông Bình**: Ông yên tâm, lát cả nhà nó về chơi tôi và ông sẽ trao đổi với nó xem sao. Tôi thấy ý này hay đấy.

Một lát sau, anh Huy và các con từ Hà Nội về chơi. Ông Bình và ông Hải đang ngồi uống nước ngoài sân.

**Anh Huy**: Con chào bố! Cháu chào chú Hải! Tuần này chú cũng về quê ạ?

**Ông Hải**: Ừ, chào cháu! Chú về có việc và sang đây học hỏi kinh nghiệm trồng cây của bố cháu để sau này về hưu không bị buồn cháu ạ.

**Ông Bình**: Con vào nhà cất đồ đi rồi ra đây bố hỏi chuyện.

**Anh Huy**: Dạ vâng! Bố và chú đợi cháu một lát ạ.

Khoảng 5 phút sau, anh Huy ra sân ngồi với ông Bình và ông Hải.

**Ông Bình**: Công việc trên đấy của con vẫn tốt hả? Có còn cần tuyển công chứng viên nữa không?

**Anh Huy**: Dạ! Công việc vẫn rất tốt bố ạ. Con đang dự tính mở rộng quy mô Văn phòng công chứng nên vẫn cần người bố ạ.

**Ông Bình**: Vậy thì tốt quá. Bố sẽ giới thiệu với con một nhân sự, đảm bảo trên cả tuyệt vời.

**Anh Huy**: Ai đấy ạ?

**Ông Bình**: Đây! Ngay trước mặt con đây! Bố xin giới thiệu chú Hải, tiến sỹ luật và cũng sắp nghỉ hưu rồi.

**Anh Huy**: Ô! Nếu chú Hải mà về làm với con thì tốt quá ạ. Vậy mà cháu không nghĩ ra, tại cháu cứ nghĩ chú trẻ như này thì còn lâu mới về hưu ạ.

**Ông Hải**: Trẻ gì nữa đâu cháu. Chú cũng gần 60 tuổi rồi. Mà chú hỏi là liệu tuổi của chú có được làm công chứng viên không? Lâu rồi chú không đọc văn bản về lĩnh vực này.

**Anh Huy**: Dạ! Theo quy định tại Điều 8 Luật Công chứng năm 2014 thì tiêu chuẩn công chứng viên là: *“Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét, bổ nhiệm công chứng viên:*

*1. Có bằng cử nhân luật;*

*2. Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật;*

*3. Tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này;*

*4. Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;*

*5. Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng.”*

Theo các tiêu chuẩn này thì không giới hạn độ tuổi được làm công chứng viên nên chú không lo đâu ạ.

**Ông Bình**: Đấy! Tôi bảo rồi mà. Có ai cấm người già không được làm việc đâu.

**Ông Hải**: Ừ. Nhưng chú thấy có quy định về khóa đào tạo nghề hoặc khóa bồi dưỡng nghề, không biết chú phải tham gia khóa nào và thời gian là bao lâu nhỉ?

**Anh Huy**: À, vì chú đang là tiến sĩ luật rồi nên chú sẽ thuộc trường hợp được miễn đào tạo nghề công chứng theo quy định tại Điều 10 Luật Công chứng năm 2014. Người được miễn đào tạo nghề công chứng phải tham gia khóa bồi dưỡng kỹ năng hành nghề công chứng và quy tắc đạo đức hành nghề công chứng tại cơ sở đào tạo nghề công chứng trước khi đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Thời gian bồi dưỡng nghề công chứng là 03 tháng. Người hoàn thành khóa bồi dưỡng được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng.

**Ông Bình**: Ờ, có 03 tháng thì cũng nhanh thôi ông nhỉ?

**Ông Hải**: Đó là còn chưa kể thời gian tập sự hành nghề công chứng nữa đúng không cháu?

**Anh Huy**: Dạ vâng ạ! Pháp luật hiện hành có quy định Người có giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề công chứng phải tập sự hành nghề tại một tổ chức hành nghề công chứng. Người tập sự có thể tự liên hệ với một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự về việc tập sự tại tổ chức đó; trường hợp không tự liên hệ được thì đề nghị Sở Tư pháp ở địa phương nơi người đó muốn tập sự bố trí tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự.

Người tập sự phải đăng ký tập sự tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

Thời gian tập sự hành nghề công chứng là 12 tháng đối với người có giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng và 06 tháng đối với người có giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề công chứng. Thời gian tập sự hành nghề công chứng được tính từ ngày đăng ký tập sự.

**Ông Bình**: Vậy thì coi như 6 tháng đó, ông đi làm luôn ở văn phòng công chứng chỗ thằng Huy còn gì nữa. (Quay sang Huy) Lúc đó con nhớ phải trả lương đầy đủ cho chú Hải đấy nhé!

**Ông Hải**: Không được! Cứ phải đúng quy trình mà làm chứ. Có thể tôi là chuyên gia về phổ biến, giáo dục pháp luật nhưng lĩnh vực công chứng thì tôi lại phải học hỏi cháu Huy đây nhiều.

**Anh Huy**: Dạ! Vậy là chú đã nhận lời về làm với cháu rồi đúng không ạ? Người vừa có chuyên môn lại có tâm như chú, giờ khó tìm lắm ạ. Bên cháu lúc nào cũng trải thảm đỏ mời chú ạ!

**Ông Hải**: Ừ, vậy đợi chú làm xong các thủ tục nghỉ hưu đã, rồi có gì chưa rõ chú sẽ trao đổi với cháu sau nhé!

**Ông Bình**: (Cười lớn) Hai chú cháu ông mà hợp tác với nhau như này thì tôi mừng và yên tâm quá! (Quay sang nói với Huy) con ra bảo mẹ con ra bắt con gà làm thịt, với mổ con cá bố vừa câu được để bố chiêu đãi bạn bố và ăn mừng việc hợp tác của hai chú cháu nhé!

**Anh Huy**: Vâng ạ! Bố và chú ngồi chơi, để con chạy ra vườn tìm mẹ chuẩn bị cơm trưa ạ!

**Tiểu phẩm số 04: CON GÁI CÓ THỂ LÀM CHỨNG TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐẤT CỦA MẸ?**

**Nhân vật:**

**Chị Vân – người bán đất**

**Anh Khanh – người mua đất**

**Anh Hà – công chứng viên**

**Chị Vân muốn bán mảnh đất thuộc quyền sử dụng của chị cho anh Khánh. Hai bên thống nhất đến tổ chức hành nghề công chứng H để công chứng hợp đồng, giao dịch. Tại đây họ gặp anh Hà – công chứng viên**

**Anh Hà: Chào anh chị! Anh chị muốn làm thủ tục công chứng gì ạ?**

**Chị Vân: Chào anh! Tôi muốn làm thủ tục công chứng mua bán đất.**

**Anh Hà: Vâng! Anh chị đưa giấy tờ tùy thân, hợp đồng đặt cọc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tôi xem ạ.**

**Anh Khánh lấy thẻ căn cước công dân đưa cho anh Hà. Chị Vân (Lấy từ trong túi ra toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc mua bán đất giữa hai bên đưa cho anh Hà) và lắp bắp hỏi: À anh ơi! Tôi không biết chữ nên anh cho con gái tôi vào đây để hỗ trợ tôi các thủ tục được không ạ?**

**Anh Hà: Vâng! Chị bảo cháu vào đây ạ. Tuy nhiên, theo quy định tại** Khoản 2 Điều 47 Luật Công chứng năm 2014 quy định: “*Trường hợp người yêu cầu công chứng không đọc được, không nghe được, không ký, điểm chỉ được hoặc trong những trường hợp khác do pháp luật quy định thì việc công chứng phải có người làm chứng.*

*Người làm chứng phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng.*

*Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu người yêu cầu công chứng không mời được thì công chứng viên chỉ định.”*

**Như vậy, trong trường hợp công chứng này cần phải có người làm chứng.**

**Chị Vân: Vậy để con gái tôi làm chứng luôn được không anh, nó cũng 18 tuổi mấy tháng rồi?**

**Anh Hà: Quy định trên đã nói rất rõ là người làm chứng** không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng. Con gái chị là người có quyền lợi liên quan trực tiếp đến việc mua bán đất nên sẽ không đảm bảo khách quan. Chị có mời được người khác đến đây làm chứng không?

**Chị Vân**: Nhà tôi ở xa, gần đây tôi cũng không quen biết ai mà mời. Hay anh nhờ ai làm chứng giúp tôi được không ạ?

**Anh Hà**: Nếu vậy thì anh chị phải chờ một lát để tôi tìm người làm chứng cho anh chị. Anh chị hãy ra ngoài hành lang đợi, lát có tôi sẽ gọi vào.

**Anh Khánh**: Anh làm các thủ tục nhanh giúp tôi, lát tôi có việc phải đi rồi.

Chị Vân và anh Khánh ra ngoài hành lang ngồi chờ. Ngồi đợi gần 1 giờ đồng hồ mà chưa thấy công chứng viên gọi vào.

**Anh Khánh** vào phòng tìm anh Hà (giọng bức xúc): Anh có làm thủ tục công chứng mua bán đất cho chúng tôi không thì bảo? Chúng tôi đã chờ ngoài kia gần 1 giờ đồng hồ rồi.

**Anh Hà**: Anh bình tĩnh! Và mong anh thông cảm, người làm chứng đang về văn phòng rồi.

**Anh Khánh**: Tôi thấy các anh cứ tự đưa ra quy định về người làm chứng rồi yêu cầu này nọ, có con của chị Vân ấy đi làm chứng là được rồi. Tôi đề nghị các anh để cho cháu nó vào làm chứng. Không thì thôi, trả tôi các giấy tờ để tôi đi sang phòng công chứng khác. Mất thời gian!

**Anh Hà**: Tôi đã giải thích với anh và chị Vân là con chị Vân là người có quyền lợi liên quan nên sẽ không khách quan trong việc làm chứng. Quy định của pháp luật là vậy, chúng tôi không tự ý đưa ra. Giờ anh có đi sang văn phòng công chứng nào thì họ cũng làm như vậy thôi.

**Anh Khánh**: Khách quan hay không thì ai mà biết được. Các anh cứ làm thủ tục đi, có gì tôi sẽ chịu trách nhiệm. Các anh đang tìm cách gây khó khăn cho chúng tôi đúng không?

**Anh Hà**: Anh cứ bình tĩnh, nghe tôi nói. Điểm d khoản 1 Điều 7 Luật Công chứng năm 2014 quy định hành vi *“Từ chối yêu cầu công chứng mà không có lý do chính đáng; sách nhiễu, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng”* là hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên và Điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, quy định hành vi sách nhiễu, gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng thì bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Chúng tôi đã nắm rõ được các quy định này rồi thì không lý gì chúng tôi tự đưa mình vào chỗ vi phạm pháp luật cả. Với chúng tôi, khách hàng là thượng đế nhưng không có nghĩa là mọi yêu cầu của khách hàng, chúng tôi đều đáp ứng được. Vì nếu chúng tôi để con chị Vân là người làm chứng thì chúng tôi đã vi phạm quy định pháp luật và chúng tôi sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính.

**Anh Khánh**: Các anh làm theo yêu cầu của khách mà sao lại bị xử phạt?

**Anh Hà**:Điểm n khoản 3 Điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, quy định hành vi công chứng trong trường hợp biết rõ người làm chứng không đủ điều kiện theo quy định thì bị phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Vì vậy, chúng tôi không thể thực hiện yêu cầu của anh được. Mong anh thông cảm và chờ thêm 05 phút nữa, người làm chứng sắp về đến đây rồi ạ.

**Anh Khánh**: Thôi được rồi. Tôi sẽ ra ngoài ngồi chờ đúng 05 phút nữa thôi nhé!

Vừa lúc đó thì người làm chứng đã về văn phòng công chứng và anh Hà đã gọi chị Vân và anh Khánh vào phòng tiếp tục thực hiện các thủ tục công chứng theo quy định pháp luật./.

**Tiểu phẩm số 05: CÓ THỂ MỜI CÔNG CHỨNG VIÊN ĐẾN NHÀ CÔNG CHỨNG?**

**Nhân vật:**

Bà Giáp

Anh Long – con trai bà Giáp

Chị Ngân – con gái bà Giáp

Chị Liên – cháu họ bà Giáp

Bà Giáp năm nay 68 tuổi, đang sống cùng vợ chồng anh Long – con trai cả của bà. Một buổi sáng mùa đông lạnh giá, bà Giáp bị tai biến, phải đi viện cấp cứu. Sau thời gian chữa trị tích cực tại bệnh viện, bà được đưa về nhà với biến chứng liệt nửa người bên trái.

Hôm nay, bà gọi anh Long và chị Ngân – con gái của bà vào phòng nói chuyện.

**Bà Giáp**: Nay mẹ gọi hai con vào đây là để nói chuyện thừa kế. Mẹ không biết là mẹ sẽ còn được ở lại với hai đứa bao lâu nữa.

**Chị Ngân**: (khóc) Mẹ ơi! Mẹ đừng nói vậy mà. Bác sĩ nói là nếu mẹ kiên trì tập luyện thì khả năng phục hồi là rất cao ạ.

**Anh Long**: Đúng đấy mẹ ạ! Bọn con cũng đã mời những bác sỹ tốt nhất đến chữa trị cho mẹ. Rồi mẹ sẽ khỏe hơn thôi ạ.

**Bà Giáp**: Ờ, ờ. Thì giờ tranh thủ lúc mẹ vẫn còn đang minh mẫn thì mẹ sẽ viết di chúc để lại tài sản cho các con. Cứ phòng ngờ con ạ.

**Chị Ngân**: Vâng ạ! Mẹ định như thế nào bọn con cũng chịu ạ!

**Bà Giáp**: Như 2 con đã biết, lúc bố con mất có để lại toàn bộ tài sản cho mẹ. Nay mẹ có ngôi nhà đang ở này, 01 miếng đất ở chỗ bờ ao bên kia và ít tiền, vàng tiết kiệm được. Mẹ tính sẽ viết di chúc cho Long ngôi nhà này, Ngân miếng đất ở ao kia, còn tiền, vàng thì mẹ sẽ giao cho Long để lo hậu sự cũng như việc cúng bái sau này của gia đình mình. 2 đứa thấy sao?

**Anh Long**: Dạ vâng, vì đây là ngôi nhà được xây trên mảnh đất cha ông, con là trưởng nên con xin nhận ạ. Còn tiền, vàng thì con nghĩ là mẹ cũng nên chia cho cô Ngân ạ, gia đình cô ấy cũng khó khăn hơn, còn vợ chồng con sẽ có trách nhiệm lo mọi sự chu toàn với trách nhiệm của người con trưởng mẹ ạ.

**Chị Ngân**: Con cảm ơn mẹ đã luôn yêu thương và không phân biệt trai gái mà chia đều tài sản cho an hem con. Em cũng cảm ơn anh đã chia sẻ và thông cảm với hoàn cảnh của vợ chồng em nhưng em nghĩ chia như mẹ là hợp lý rồi. Anh là con trưởng thì trách nhiệm cũng sẽ nặng nề hơn, sẽ phải lo nhiều sự kiện hơn em nên phần tiền vàng, mẹ giao anh giữ là hợp lý ạ.

**Bà Giáp**: (rung rung xúc động) Mẹ rất mừng vì hai anh em đã luôn yêu thương, đoàn kết, chia sẻ với nhau như này. Mẹ biết là hoàn cảnh của Ngân có khó khăn hơn Long nhưng sau này trách nhiệm của Long cũng lớn hơn, sự kiện lớn nhỏ nào trong họ cũng phải tham gia. Mà ngay bây giờ thì Long cũng phải chịu chi phí chữa trị, chăm sóc cho mẹ mà đúng không?

**Anh Long**: Dạ! Mẹ đã quyết vậy thì con xin nghe ạ!

**Bà Giáp**: Vậy Long đi lấy giấy bút viết di chúc cho mẹ đi.

**Chị Ngân**: Mẹ ơi! Nhưng theo con được biết thì di chúc viết xong cần phải được công chứng hoặc chứng thực nữa mẹ ạ! Đặc biệt trường hợp này lại không có người làm chứng nữa.

**Anh Long**: Đúng đấy mẹ ạ! Để hạn chế những tranh chấp hay rủi ro thì tốt nhất là phải công chứng bản di chúc đó mẹ ạ. Nhưng mà mẹ như này thì đi sao được, hay mẹ làm giấy ủy quyền cho con đi công chứng chắc cũng được ạ.

Vừa lúc đó thì chị Liên – là cháu gọi bà Giáp là dì đến chơi.

**Anh Long**: Em chào chị! Chị vào chơi với mẹ em!

**Chị Liên**: Con chào dì và 2 em! Dì thấy trong người như thế nào ạ? Con thấy sắc mặt của dì tốt hơn hôm ở viện rồi đấy ạ.

**Bà Giáp**: Con vừa về đấy à? Thì không đâu bằng nhà mình con ạ. Được ở nhà mình, lại được các em chăm sóc chu đáo nên dì cũng đỡ nhiều rồi. Công việc của con dạo này vẫn tốt hả?

**Chị Liên**: Dạ! Con cũng chia sẻ niềm vui với dì là con vừa mở văn phòng công chứng ngoài Hà Nội ạ.

**Chị Ngân**: Ôi! Chị Liên giỏi quá ạ! Nay chị làm bà chủ xịn rồi nhỉ?

(Cả nhà cùng cười vui vẻ)

**Anh Long**: Chị Liên đến đúng lúc quá ạ. Mẹ con em đang có băn khoăn về thủ tục công chứng di chúc chị ạ.

**Chị Liên**: Dì tính viết di chúc ạ?

**Bà Giáp**: Ừ, giờ dì vẫn còn khỏe mạnh, minh mẫn nên muốn viết mấy dòng để lại tài sản cho các em. Nhưng dì như này đi sao được, nên đang tính ủy quyền cho em Long đi làm thủ tục công chứng thay, liệu được không cháu?

**Chị Liên**: Nội dung này được quy định tại Điều 56 Luật Công chứng năm 2014 rồi dì ạ. Theo đó, thì*“Người lập di chúc phải tự mình yêu cầu công chứng di chúc, không ủy quyền cho người khác yêu cầu công chứng di chúc.”*

**Anh Long**: Vậy là em không thể thay mẹ em làm thủ tục công chứng di chúc được ạ? Nhưng mẹ em như này thì sao đến văn phòng công chứng được ạ?

**Chị Liên**: Cái này thì em yên tâm. Điều 44 Luật Công chứng 2014 quy định về địa điểm công chứng như sau: *Việc công chứng phải được thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng, trừ các trường hợp việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu, không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng.*

**Chị Ngân**: Như vậy là mẹ em có thể mời công chứng viên đến nhà làm thủ tục công chứng đúng không chị?

**Chị Liên**: Đúng rồi em à! Long có thể đến văn phòng công chứng nào đó ở thành phố mình và đề nghị họ đến nhà làm thủ tục.

**Anh Long**: Ơ! Mà chị cũng là công chứng viên, có văn phòng công chứng rồi, sao chị không làm thủ tục công chứng di chúc cho mẹ em ạ?

**Chị Liên**: Ờ nhỉ. Theo quy định tại Điều 42 Luật công chứng 2014 về phạm vi [công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản](https://lawkey.vn/cong-chung-hop-dong-giao-dich-ve-bat-dong-san/), “Công chứng viên của tổ chức hành, nghề công chứng chỉ được công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ trường hợp công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất động sản và văn bản ủy quyền liên quan đến việc thực hiện các quyền đối với bất động sản.”

Như vậy, thì công chứng di chúc không phụ thuộc tỉnh, thành phố nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở nên con có thể làm thủ tục công chứng di chúc cho dì được ạ.

**Bà Giáp**: Được vậy thì tốt quá! Vậy làm luôn hôm nay được không con?

**Chị Liên** (cười lớn): Dì làm gì mà vội thế ạ. Với lại hôm nay con sang nhà dì là thăm dì chứ có phải là đi làm việc đâu mà con mang đồ nghề theo ạ. Để tuần sau con về, con sẽ làm các thủ tục cho dì nhé!

**Anh Long**: Vâng! Cần những giấy tờ gì thì chỉ bảo em chuẩn bị ạ. Tuần sau chị về thì chỉ cần đóng dấu là xong nhỉ?

**Chị Liên**: À mà con quên mất. Nội dung di chúc của dì không có chia tài sản nào cho con đúng không ạ? (Cười tủm tỉm) Nếu có là con không công chứng được đâu nhé ạ.

**Bà Giáp**: Cô còn đùa dì được hả? Dì đang có 100 cây vàng để lại cho cô đây này.

**Chị Liên**: Ối! Nặng vậy thì con không vác nổi đâu ạ. Con xin từ chối nhận phần di sản đó ạ. (Cười lớn)

Giờ con chỉ mong dì luôn vui vẻ, chịu khó ăn uống và tập luyện vật lý trị liệu để sớm phục hồi, sống thật lâu với con cháu thì đó là tài sản lớn nhất và quý nhất mà bọn con muốn nhận rồi ạ.

**Anh Long**: Vâng! Chúng con không mong tiền, bạc gì, chỉ mong mẹ luôn mạnh khỏe, sống thật lâu với các con các cháu thôi ạ.

**Chị Ngân**: Con cũng mong mẹ luôn vui vẻ như này, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho bọn con.

**Bà Giáp**: Ờ thôi, mẹ biết rồi. Mấy đứa đỡ mẹ dậy để đi tập nào. Liên ở đây ăn cơm với mẹ con dì nhé! Trong lúc đó còn hướng dẫn em nó viết và làm các thủ tục công chứng nữa chứ.

**Chị Liên**: Con xin phép về bên nhà mẹ con, có gì con sẽ gọi điện cho Long sau, dì yên tâm ạ. Con chào dì!

**Anh Long, chị Ngân**: Em chào chị nhé! Tuần sau chị nhớ về công chứng di chúc cho mẹ em nhé ạ!

***Tiểu phẩm tìm hiểu pháp luật về lý lịch tư pháp***

**Tiểu phẩm 06. Không hề khó**

**Nhân vật:**

- Ông Nam: Cán bộ hưu trí về hưu

- Ông Sang: hàng xóm.

**Nội dung:**

Mấy hôm nay, ông Nam không thấy ông Sang hàng xóm ra sân tập thể chơi cờ vua như mỗi chiều. Nên ông cảm thấy sốt ruột, liền tìm đến nhà ông Sang hỏi thăm sức khỏe.

Vào tới cổng, ông Nam đã gọi to: Ông Sang ơi! Có bạn tới chơi đây!

Gặp ông Nam, ông Sang mừng rỡ: Hôm nay ông rảnh rỗi thế nào mà đến nhà tôi chơi thế! Quý hóa quá! Mời ông vào uống chén nước chè mới pha.

**Ông Nam:** Thế ông dạo này có việc gì mà không thấy ra sân chơi cờ vua như mọi hôm?

**Ông Sang:** Chả là thằng con trai tôi chuẩn bị đi xuất khẩu lao động bên Nhật vào tháng sau. Nên tôi phải chuẩn bị nhiều thứ lắm. Mà đặc biệt, tôi đang tìm hiểu cái Phiếu lý lịch tư pháp vì lần đầu tiên nghe đến phiếu này. Tôi không biết phải xin thế nào, nó thì bận học tiếng Nhật ở trung tâm, cứ bảo bố tìm hiểu trước đi mà tôi chưa rõ gì cả về nó. Không hiểu lý lịch tư pháp là gì?

**Ông Nam:**

Ông chưa biết đấy chứ! Giờ Phiếu lý lịch tư pháp là loại giấy tờ được sử dụng phổ biến khi xin việc, du học hay xuất khẩu lao động. Khoản 1 Điều 2 [Luật Lý lịch tư pháp năm](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=91028) 2009 đã chỉ rõ: Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

Hiện nay, có 02 loại phiếu lý lịch tư pháp phân biệt với nhau rõ ràng dựa theo nội dung thể hiện trên phiếu đó. Cụ thể là Phiếu lý lịch tư pháp số 1 là phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Còn Phiếu lý lịch tư pháp số 2 là phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Ông Sang:** Tôi quên khuấy mất, ông trước là cán bộ tư pháp hộ tịch của xã thế mà không biết để hỏi ông. Thế những đối tượng nào được cấp Phiếu lý lịch tư pháp hả ông?

**Ông Nam:** Cũng theo quy định tại Điều 7 Luật lý lịch tư pháp năm 2009, Lý lịch tư pháp Việt Nam được cấp cho các đối tượng gồm công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình; cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử; cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Ông Sang:** Thế ngoài con trai tôi cần Phiếu này để xuất khẩu lao động, thì mục đích yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp còn để làm gì nữa, ông nhỉ?

**Ông Nam:** Việc yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp có rất nhiều mục đích khác nhau như là để chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không; rồi **g**hi nhận việc xoá án tích, tạo điều kiện cho người đã bị kết án có thể tái hoà nhập cộng đồng; hỗ trợ hoạt động tố tụng hình sự và hoạt động thống kê tư pháp hình sự; hỗ trợ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã…

**Ông Sang:** Thế Phiếu lý lịch tư pháp có thời hạn bao lâu hả ông? Thằng con tôi tháng sau là bay theo lịch của công ty rồi.

**Ông Nam:** Hiện nay, Luật Lý lịch tư pháp 2009 hay các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có bất kỳ quy định nào về thời hạn lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, tùy theo tính chất, lĩnh vực mà thời hạn của lý lịch tư pháp được quy định khác nhau tại các văn bản. Ví dụ, để [xin giấy phép lao động cho người nước ngoài](https://www.vietnam-visa.com/vi/giay-phep-lao-dong-viet-nam/), người lao động nước ngoài bắt buộc phải xin Lý lịch tư pháp và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chỉ nhận các Phiếu lý lịch tư pháp còn thời hạn 06 tháng tính từ ngày nộp hồ sơ. Do đó, khi chuẩn bị hồ sơ tương ứng có yêu cầu lý lịch tư pháp, thì ta cũng cần tìm hiểu về thời hạn lý lịch tư pháp để chuẩn bị cho đúng. Với thời gian bay của cháu nhà mình thì còn nhiều thời gian lắm.

**Ông Sang:** Thế làm Phiếu lý lịch tư pháp mất bao lâu?

**Ông Nam:** Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Thời hạn cấp phiếu lý lịch tư pháp không quá 15 ngày nếu người được cấp là: công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kể từ khi đủ 14 tuổi trở lên. Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

**Ông Sang:** Vâng, giờ tôi hiểu rõ hơn về các quy định về Phiếu lý lịch tư pháp. Để chờ thằng con về cuối tuần này, hai bố con đi làm. Ông nói luôn giúp về thủ tục, hồ sơ phải chuẩn bị những gì, làm ở đâu cho nhanh.

**Ông Nam:** Căn cứ Điều 45, 46 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009, cá nhân nộp hồ sơ làm lý lịch tư pháp tại các cơ quan có thẩm quyền sau: Công dân Việt Nam nộp tại Sở Tư pháp nơi thường trú; trường hợp không có nơi thường trú thì nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh. Còn người nước ngoài cư trú tại Việt Nam nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú; trường hợp đã rời Việt Nam thì nộp tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.

**Ông Sang trầm ngâm:** Tôi cũng đang nhiều việc quá! Mà còn phải đi lên tận Sở Tư pháp trên tỉnh thì cũng xa đấy. Trong khi tôi đang bao việc phải lo, ông ạ!

**Ông Nam cười:** Thì từ từ ông nghe hết tôi nói đã. Chuyện đó ***không có gì khó nhé!***

Vì nhà nước đã hướng dẫn cách làm lý lịch tư pháp rất cụ thể: Có 03 cách làm Lý lịch tư pháp, bao gồm làm lý lịch tư pháp trực tiếp tại cơ quan cấp Lý lịch tư pháp, làm lý lịch tư pháp online và làm Lý lịch tư pháp qua bưu điện.

**Nghe nói thế, ông Sang gật gù:** Hay thật đấy, đúng là có học, có đọc vẫn hơn. Bảo sao ông cái gì cũng biết. Thế làm thủ tục online thì như thế nào, hả ông?

**Ông Nam:** Hiện nay, người dân có thể tiến hành làm [lý lịch tư pháp](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/ly-lich-tu-phap-570-27838-article.html) online để tiết kiệm thời gian, công sức. Thủ tục này được tiến hành khá đơn giản. Tuy nhiên, tôi xin nói rõ, lý lịch tư pháp online không có nghĩa là ông đăng ký online rồi sau đó nhận kết quả lý lịch tư pháp online.

Mà với hình thức này, ông sẽ thực hiện đăng ký xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp online, sau đó nộp hồ sơ và nhận kết quả ngay tại nhà (nhân viên bưu chính sẽ đến địa chỉ ông đăng ký để thu hồ sơ và trả kết quả). Như thế, ông hoàn toàn có thể đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến tại bất kỳ đâu, miễn là bạn có máy tính/điện thoại kết nối internet.

Trước đây, Bộ Tư pháp là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này đã hướng dẫn người dân có thể làm thủ tục xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến tại địa chỉ: <https://lltptructuyen.moj.gov.vn/home>. Còn từ ngày 01/10/2022, việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đã được tỉnh/thành phố chuyển về Cổng Dịch vụ công của địa phương.

**Ông Sang:** Thế thủ tục làm có phức tạp không?

**Ông Nam:** Để làm lý lịch tư pháp online, ông chỉ cần thực hiện 3 bước gồm đăng ký lý lịch tư pháp trực tuyến; nộp hồ sơ yêu cầu qua bưu điện và nhận kết quả cấp Phiếu Lý lịch tư pháp qua bưu điện.

Người dân chúng ta chỉ cần chọn đúng đối tượng nộp hồ sơ, sau đó, hệ thống sẽ yêu cầu khai báo nơi thường trú hoặc tạm trú. Nhấn mũi tên để tiếp tục; sau đó nhấn vào ô Nhập Tờ khai, hệ thống tự động nhảy về trang Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và làm theo hướng dẫn.Tại mục Hồ sơ đính kèm, cần chụp ảnh/scan các giấy tờ để tải lên làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ như Chứng minh nhân dân.. Sau khi tiến hành cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cơ quan có thẩm quyền sẽ gửi kết quả theo địa chỉ đăng ký hoặc người đăng ký đến nhận trực tiếp.

Không những thế, ông có thể không cần trực tiếp đi lấy kết quả. Vì ở mục Dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, người dân lựa chọn đơn vị chuyển phát hoặc không sử dụng.

**Ông Sang:** Thế làm lý lịch tư pháp online thì thời gian mất bao lâu?

**Ông Nam:** Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài hoặc trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích theo quy định thì thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp khẩn cấp theo luật thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

Ngoài thời hạn nêu trên, những người làm lý lịch tư pháp online sẽ phải cộng thêm thời gian nhân viên Bưu chính chuyển hồ sơ đến Sở Tư pháp và chuyển kết quả từ Sở Tư pháp về tay người nhận.

**Ông Sang:** Quy định pháp luật nhà nước chi tiết, cụ thể quá! Mà còn có quy định làm thủ tục online nữa, thật nhanh chóng và tiện lợi cho người dân, ông nhỉ? Đúng là rút ngắn tối đa thời gian tra cứu, xác minh thông tin, rút ngắn thời gian trả kết quả cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp. Quy định này được dư luận và người dân đồng tình, ủng hộ cao, ông nhỉ?

**Ông Nam:** Thời đại công nghệ 4.0 rồi, ông ơi! Nhà nước ta đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa phương thức cấp phiếu lý lịch tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, giảm bớt gánh nặng, chi phí của người dân, chi phí xã hội trong thực hiện thủ tục này.

Ông không nghe báo đài nói công nghệ máy tính xâm nhập toàn diện tất cả cuộc sống của chúng ta. Chả mấy chốc, tôi và ông còn có thể đánh cờ vua online với nhau, chả cần đến tìm nhau như thế này đâu!

**Ông Sang cười:** Chơi cờ online thì được, chứ bắt buộc là thi thoảng ông và tôi phải gặp nhau trò chuyện, thăm hỏi, tuổi già bầu bạn, ông nhé!

Cả hai cùng cười vui vẻ./.

***Tiểu phẩm 7.* Ngày ấy không xa**

**Các nhân vật:**

- Bà Hương (60 tuổi): Bán nước ở đầu làng.

- Anh Gia (35 tuổi): Cán bộ tư pháp - hộ tịch xã X

**Nội dung:**

Chiều về trên làng quê nghèo ven sông. Xa xa, những cánh đồng lúa trải dài một màu xanh mát mắt. Mùa đông năm nay đến sớm, cái rét len lỏi trên những rặng tre làng. Hôm nay sau khi thăm thú một vòng quanh làng, anh Gia vốn là cán bộ tư pháp - hộ tịch xã đã ghé vào quán nước đầu làng của bà Hương.

Thấy bà Hương đang lúi cúi cầm tờ giấy chăm chú đọc, anh Gia chào thật to: Cháu chào bác Hương, bác đang làm gì mà chăm chú thế?

Bà Hương ngẩng đầu chào anh Gia: À, tôi đang đọc cái lá thư của cái Hiền gửi từ Hàn Quốc về.

*(Hiền là con gái duy nhất của bà Hương đã đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc được 02 năm nay. Chồng mất sớm, bà Hương một mình nuôi con lớn khôn. Sau học hết trung cấp nghề, chị Hiền sang Hàn Quốc lao động. Từ ngày Hiền đi sang Hàn, cuộc sống của gia đình bà Hương khấm khá hơn hẳn)*.

**Anh Gia:** Chị ấy sắp về chưa hay ở hẳn bên đấy, hả bác?

Nghe hỏi đến con gái, bà Hương rơm rớm nước mắt:

Nó đang có ý định định cư bên đó, chú ạ! Cháu nó đi làm vốn chăm chỉ, chịu khó, lại may mắn nên được phân làm quản lý xưởng may. Rồi duyên số thế nào, lại gặp người bên đó họ thương yêu. Chúng nó định cuối năm nay cưới, nên đang có ý định cuối tháng này về đón tôi sang định cư.

Tôi đang băn khoăn lắm. Nhất là đang làm hồ sơ xin định cư ở nước ngoài, phía bên đó đang yêu cầu nộp lý lịch tư pháp. Tôi đang tìm hiểu về Phiếu lý lịch tư pháp đây. Mà không hiểu gì chú ạ!

**Anh Gia:** Thế có nội dung gì mà bác không rõ?

**Bà Hương:** Tôi chưa hiểu tại sao phải xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp?

**Anh Gia:** Mục đích yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp là để chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không; rồi ghi nhận việc xoá án tích, tạo điều kiện cho người đã bị kết án có thể tái hoà nhập cộng đồng; cũng như hỗ trợ hoạt động tố tụng hình sự và hoạt động thống kê tư pháp hình sự; hỗ trợ công tác quản lý nhân sự; h oạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã…

**Bà Hương:** Vậy như tôi giờ cần cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì phải chuẩn bị những giấy tờ gì, hả chú?

**Anh Gia:** Để yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp, bác sẽ cần chuẩn bị những giấy tờ gồm: Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu quy định; bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp nộp bản chụp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì nộp bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật); văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1...Số lượng hồ sơ là 01 bộ, bác ạ!

**Bà Hương:** Tôi chuẩn bị đủ hồ sơ, giấy tờ rồi thì cơ quan nào có thẩm quyền cấp Phiếu nhỉ?

**Anh Gia:**

Theo Điều 44 Luật Lý lịch tư pháp quốc gia năm 2009 quy định về thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp, thì: Công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú và Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam sẽ xin cấp Lý lịch tư pháp tại Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.

Còn Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước, và Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, và người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam xin cấp Lý lịch tư pháp tại Sở tư pháp tại tỉnh đang cư trú.

**Bà Hương băn khoăn:** Tôi thấy pháp luật quy định chi tiết cụ thể rồi, nhưng đang thắc mắc: Đối với với công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì giải quyết như thế nào, hả chú?

**Anh Gia:** Về nội dung này, Bộ Tư pháp đã sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính[[9]](#footnote-9) cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền cấp trung ương); thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh).

Đối với thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp tỉnh được thực hiện tại Sở Tư pháp nơi công dân Việt Nam thường trú. Trường hợp không có nơi thường trú thì nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh. Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì nộp tại Sở Tư pháp nơi người đó cư trú.

**Bà Hương tấm tắc:** Đúng là văn bản của nhà nước định liệu được tất cả các khả năng của người dân trên thực tế. Thế thời hạn giải quyết hồ sơ của mình là bao nhiêu lâu, hả chú?

**Anh Gia:** Thời hạn giải quyết hồ sơ là trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài trong một số trường hợp hoặc trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.

**Bà Hương:** Vâng, thế thì tôi yên tâm thời gian kịp sang cưới con rồi chú ạ! Thế để được cấp cái Phiếu này, thì lệ phí người dân phải trả là bao nhiêu hả chú?

**Anh Gia:** Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người. Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người.

Tuy nhiên, nhà nước có quy định về các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật Trẻ em; người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; người khuyết tật theo quy định tại Luật Người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo và người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.

**Bà Hương:** Nhà nước mình cũng quan tâm đến người cao tuổi, người nghèo như chúng tôi, thật là quý hóa! Thế làm lý lịch tư pháp có lâu không chú?

**Anh Gia:** Về thời gian cấp lý lịch tư pháp cũng nhanh lắm, bác ạ!

Theo Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định rõ về thời gian cấp lý lịch tư pháp như sau: Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.

Thời hạn cấp phiếu lý lịch tư pháp không quá 15 ngày nếu người được cấp là: công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài; người nước ngoài đã cư trú ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kể từ khi đủ 14 tuổi trở lên. Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật này thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

**Bà Hương:** À! Giờ tôi mới nhớ cái Sổ hộ khẩu còn đang gửi đi làm thủ tục về đất đai. Tôi định bán lại căn nhà này cho đứa cháu. Thế tôi đi xin cấp Phiếu mà không có Sổ hộ khẩu thì có được không, chú?

**Anh Gia:**

Thực hiện Khoản 4, Điều 37 [Luật Cư trú](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=202609) năm 2020, ngày 23/6/2021, Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1050/QĐ-BTP về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. Theo đó, kể từ ngày 1/7/2021, trong thành phần hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam đã bỏ yêu cầu nộp bản sao Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú.

Bên cạnh đó, ngày 8/9/2022, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06), Bộ Công an đã có văn bản hướng dẫn phương thức sử dụng thông tin trên Căn cước công dân thay cho việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính.Vì vậy, người dân không phải xuất trình sổ hộ khẩu khi xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

**Bà Hương:** Nghe chú giải thích, tôi yên tâm hẳn để chuẩn bị mọi thứ. Lúc nào mà cái Hiền nó về, nó đón là đủ điều kiện sang Hàn Quốc, chú ạ! Thôi thì, giờ con cái ở đâu, cha mẹ theo đó, chứ biết làm sao được. Chỉ mong cuộc sống của nó tốt đẹp hơn tôi.

**Anh Gia:** Đúng rồi bác ạ! Hàn Quốc là đất nước bình yên, điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội phát triển. Người Việt Nam mình sinh sống ở đó cũng nhiều lắm. Nên bác yên tâm, cuộc sống sẽ yên ổn thôi. Cháu chúc bác mọi sự may mắn nhé!

Bà Hương mỉm cười cảm ơn. Ánh mắt rạng rỡ hẳn lên. Ngày đoàn tụ con gái không còn xa nữa… Ngày đó không xa nữa!

**Tiểu phẩm 8. Ủy quyền người thân làm Phiếu lý lịch tư pháp**

**Nhân vật:**

- Bà Hằng: Tổ trưởng tổ dân phố X

- Chị Liên: Hàng xóm

**Nội dung:**

Tổ dân phố X nằm bên con sông đục ngầu của thị trấn nhỏ. Khu phố có nhiều thành phần dân cư, lao động khác nhau. Trong đó gia đình chị Liên thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn nhất. Chồng đi làm xe ôm mãi tận trên thành phố. Cứ tầm hơn tháng, anh chồng chị Liên mới về thăm nhà được hôm trước thì hôm sau đã thấy đi. Chỉ mình chị Liên ở nhà lo cho 03 đứa con nheo nhóc; rồi nhặt nhạnh khắp nơi bán thêm con cá, mớ rau, quả trứng ở chợ cóc gần nhà.

Thương hoàn cảnh của gia đình chị, nhiều hàng xóm thương tình đôi khi cho cân hoa quả hay gói bánh, tấm áo cũ. Trong đó có bà Hằng là tổ trưởng dân phố còn thi thoảng sang nhà chị Liên thăm hỏi, trò chuyện.

Hôm nay, mới sáng sớm, chị Liên đã tìm đến nhà bà Hằng. Vào đến sân, chị Liên hỏi: Bác Hằng có nhà không ạ?

**Bà Hằng:** Hôm nay, cô Liên không phải đi bán hàng hay sao? Mà có thời gian đến thăm hỏi tôi thế này nhỉ?

**Chị Liên:** Vâng, hôm nay con bé út nhà em cũng bị sốt nên em phải nghỉ buổi bán hàng. Với lại em cũng có việc quan trọng chả biết hỏi ai, nên đến xin ý kiến bác ạ!

**Bà Hằng:** Thế có chuyện gì? Cô từ từ uống chén nước rồi nói.

**Chị Liên:** Vâng, bác cũng biết rồi đấy, chồng em làm xe ôm trên thành phố lâu rồi. Thu nhập cũng bấp bênh lắm. Nay anh ấy muốn đăng ký chạy xe ôm công nghệ gọi là Grad gì đấy, cho an toàn, lại tăng thu nhập, bác ạ!

Mà hôm qua, anh ấy mới về, nói em chuẩn bị giấy tờ xin cái Phiếu lý lịch gì...bác ạ! Em quên tên, à, Phiếu lý lịch tư pháp. Mà em không hiểu cần cái Phiếu đó để làm gì, xin làm xe ôm cho công ty thôi mà.

**Bà Hằng:** Đúng rồi, hiện nay, để đảm bảo độ tin cậy và an toàn cho khách hàng mỗi khi sử dụng dịch vụ vận chuyển và đi lại ở nước ta. Nhiều công ty vận tải cũng đã yêu cầu tài xế phải cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp vì nhu cầu để xác định và chứng minh được cá nhân ấy có hay không phạm tội, có hay không có án tích để các cơ quan, tổ chức còn có thể dễ dàng quản lý nhân sự của mình hơn trong quá trình ký kết hợp đồng lao động.

Như vậy, lý lịch tư pháp grab được hiểu là thông tin lý lịch về việc cá nhân đăng ký chạy Grab với công ty công nghệ đã bị kết án hay chưa. Qua đó làm cơ sở để xác nhận có đủ điều kiện làm Grab hay không? Nên chú nhà mình phải làm lý lịch tư pháp để chạy xe công nghệ là đúng!

**Chị Liên:** Thế Phiếu này gồm những thông tin như thế nào, hả bác?

**Bà Hằng:** Hiện nay có 02 loại Phiếu lý lịch tư pháp theo Điều 41 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 gồm Phiếu Lý lịch tư pháp số 1 và số 2.

Nếu Phiếu lý lịch tư pháp số 1 cấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức gồm: Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình; cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Thì Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, phiếu này cũng cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về lý lịch tư pháp của mình.

Trường hợp của chồng cô là phải xin Phiếu lý lịch tư pháp số 1. Phiếu này có nội dung gồm: Họ, tên, giới tính, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp và tình trạng án tích. Đối với người không bị kết án thì ghi “không có án tích”.

**Chị Liên:** Vâng, nhờ bác phân tích, em mới hiểu hơn về Phiếu này. Vậy nhà em phải xin Phiếu này ở đâu ạ!

**Bà Hằng:** Về thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định tại Điều 44 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 thì Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp với Công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam.

Còn lại, Sở Tư pháp thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp đối với Công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước; Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam. Như vậy, Sở tư pháp ở tỉnh/thành phố trên hộ khẩu mà mình xuất trình khi thực hiện yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là cơ quan thực hiện thủ tục cấp Phiếu cho mình đấy!

**Chị Liên:** Thế hồ sơ, giấy tờ, nhà em phải chuẩn bị những gì ạ?

**Bà Hằng:** Để làm lý lịch tư pháp chạy Grab, nhà mình cần chuẩn bị các loại giấy tờ gồm: Tờ khai xin cấp phiếu theo mẫu và bản sao CMND/Căn cước công dân; sau đó nộp tại Sở Tư pháp nơi đang thường trú. Lệ phí cần chuẩn bị là 200.000 đồng. Ngoài ra nếu như thuộc các trường hợp được miễn, giảm theo quy định về chi phí khi thực hiện yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp thì cần chuẩn bị để chứng minh.

**Chị Liên băn khoăn:** Hoàn cảnh nhà em thì bác biết rồi đấy! Chồng đi suốt thì lấy thời gian đâu mà làm cái phiếu này. Anh ấy chân chạy, cứ về rồi lại đi luôn.

**Bà Hằng:** Trường hợp của chú nhà cô có thể ủy quyền cho cô làm nếu chú ấy không thể trực tiếp đến Sở tư pháp đề trên hộ khẩu dùng để xuất trình khi làm lý lịch tư pháp. Khi cô đi làm Phiếu này thì cần phải xuất tờ những giấy tờ gốc để chứng minh về mối quan hệ ví dụ sổ hộ khẩu, trích lục khai sinh,… .

**Chị Liên:** Vậy nhà nước có nghiêm cấm gì liên quan đến lĩnh vực này không bác?

**Bà Hằng:** Có chứ cô, nhà nước có tạo điều kiện cho ủy quyền cho người thân làm phiếu lý lịch tư pháp nhưng không có nghĩa là có kẽ hở để làm sai đâu nhé! Có rất nhiều hành vi bị cấm trong Luật Lý lịch tư pháp như: khai thác, sử dụng trái phép, làm sai lệch, hủy hoại dữ liệu lý lịch tư pháp; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp sai sự thật; giả mạo giấy tờ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Rồi thì hành vi tẩy xoá, sửa chữa, giả mạo Phiếu lý lịch tư pháp; cấp Phiếu lý lịch tư pháp có nội dung sai sự thật, trái thẩm quyền, không đúng đối tượng. Đặc biệt nghiêm cấm, sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp của người khác trái pháp luật, xâm phạm bí mật đời tư của cá nhân.

**Chị Liên:** Luật phải quy định thế, mới chặt chẽ, bác nhỉ? Thế nhà nước có quyền từ chối cấp phiếu này, không bác?

**Bà Hằng:** Có đấy, Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có quyền từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp như việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp không thuộc thẩm quyền. Nười yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người khác mà không đủ điều kiện quy định hay giấy tờ kèm theo Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không đầy đủ hoặc giả mạo.

Trường hợp nào từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

Chị Liên Vâng, may có bác giải thích đầy đủ cặn kẽ nên em hiểu hơn về phiếu này rồi. Thế cuối cùng, em hỏi về kinh phí xin cấp phiếu lý lịch tư pháp mất bao nhiêu tiền?

**Bà Hằng:** Theo Điều 10 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 quy định về lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải nộp lệ phí. Mức lệ phí, việc quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp thực hiện theo quy định của pháp luật. Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hiện nay là 200.000 đồng/lần/người, cô nhé!

Đối với một số trường hợp như phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người. Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu lý lịch tư pháp trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi tổ chức thu phí được thu thêm 5.000 đồng/Phiếu để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.

Chị Liên: Nhà nước có quy định miễn giảm phí này, không bác?

Bà Hằng: Cô hỏi chính xác đấy, nhà nước cũng quy định một số đối tượng được miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật Trẻ em; người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; người khuyết tật theo quy định tại Luật Người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11//2015 của Thủ tướng Chính phủ.

**Chị Liên:** Vâng, đúng là gặp bác đúng người, đúng việc. Vậy em về lo mọi việc cho chồng đi làm xe ôm công nghệ đây. Em cảm ơn bác nhiều!

**Bà Hằng:** Ừ, có vấn đề gì cần tư vấn, cô cứ đến hỏi tôi. Rồi chú ấy sẽ ổn định công việc hơn. Gia đình sẽ bớt vất vả khó khăn cô ạ!

**Tìm hiểu pháp luật về hộ tịch**

**Tiểu phẩm số 9. THAY ĐỔI TÊN**

**Nhân vật:**

K: 22 tuổi

Mẹ K

Cô L: hàng xóm nhà K

K năm nay 22 tuổi. Do tên không hay nên đi đâu K cũng bị mọi người chê cười, trêu chọc. K cảm thấy mặc cảm, tự ti vì cái tên. Nay K xin phép bố mẹ để được đổi tên. Bố mẹ K thì thấy con gái suốt ngày kêu than, tự ti vì cái tên bố mẹ đặt cho từ bé. Vì ngày xưa bố mẹ K cứ theo lời ông cha truyền lại rằng đặt tên xấu cho dễ nuôi nên bố mẹ K đặt tên đấy cho K. Nay con gái đã lớn, đi đâu nghe mọi người trêu chọc cũng thấy thương con. K xin được đổi tên thì bố mẹ K cũng đồng ý nhưng trong nhà không ai biết có được đổi tên hay không và thủ tục như thế nào. May sao, có cô L hàng xóm hiện là công chức Tư pháp – hộ tịch của xã M, nên K gợi ý để bố mẹ sang hỏi cô L.

**Cảnh 1: Tại nhà cô L.**

Ngày chủ nhật cô L được nghỉ nên mẹ K đã đến chơi. Vừa vào nhà thấy cô L đang ngồi đọc sách, mẹ K liền cất tiếng chào hỏi: Cô L hôm nay được nghỉ phải không?

**Cô L**: Dạ vâng. Em tranh thủ mấy đứa đi chơi đọc cuốn sách chị ạ. Em mời chị vào nhà ạ.

**Mẹ K**: Vâng. Tôi sang là có việc nhờ cô tư vấn đây.

**Cô L**: Việc gì đấy à chị?

**Mẹ K**: Cô biết cái K nhà chị rồi đấy, nó đã lớn, đến tuổi yêu đương, bạn bè rồi. Ngày xưa anh, chị cứ nghĩ đặt tên xấu cho dễ nuôi, nào ngờ lại đem lại cho cháu sự tự ti, mặc cảm với bạn bè xung quanh. Khổ thân con bé cứ bị trêu chọc vì cái tên suốt cô ạ. Nên giờ anh, chị muốn cho cháu thay đổi tên thì liệu có được không cô nhỉ?

**Cô L**: Vâng. Chị đợi em lát nhé, em tìm hiểu xem. Nhanh thôi, chị chờ em nhé.

**Mẹ K**: Vâng, chị chờ được mà em.

Khoảng 5 phút sau:

**Cô L**: Theo quy định tại điều 28 Bộ luật Dân sự 2015 thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp sau đây:

- Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó;

- Theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi về việc thay đổi tên cho con nuôi hoặc khi người con nuôi thôi làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại tên mà cha đẻ, mẹ đẻ đã đặt;

- Theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người con khi xác định cha, mẹ cho con;

- Thay đổi tên của người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình;

- Thay đổi tên của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để phù hợp với pháp luật của nước mà vợ, chồng người nước ngoài là công dân hoặc lấy lại tên trước khi thay đổi;

- Thay đổi tên của người đã xác định lại giới tính, người đã chuyển đổi giới tính;

- Trường hợp khác do pháp luật về hộ tịch quy định.

Việc thay đổi tên cho người từ đủ chín tuổi trở lên phải có sự đồng ý của người đó.

Việc thay đổi tên của cá nhân không làm thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự được xác lập theo tên cũ.

Mặt khác, theo Điều 26 Luật hộ tịch 2014 quy định về đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch thì cá nhân có quyền thay đổi họ, chữ đệm và tên trong trường hợp sau:

- Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự.

- Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

Như vậy, với quy định trên thì mọi cá nhân đều có quyền thay đổi, cải chính họ, tên đệm, tên của mình. Tuy nhiên việc cải chính này phải nằm trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Đối với trường hợp của cháu K thì việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của cháu K thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cải chính hộ tịch chị ạ.

**Mẹ K**: Thế bây giờ chúng tôi phải đến đâu để xin đổi tên cho cháu và hồ sơ, trình tự quy định như thế nào hả cô?

**Cô L**: Theo quy định tại Điều 27 Luật hộ tịch thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Vậy, đối với trường hợp cháu K thì đến Ủy ban nhân dân xã mình (nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây: Ủy ban nhân dân xã nơi bố mẹ đã đăng ký khai sinh hoặc Ủy ban nhân dân xã nơi K đăng ký hộ khẩu thường trú) để đăng ký thay đổi tên chị nhé.

Về trình tự, thủ tục được quy định như sau:

- Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định trên, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn.

Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

**Mẹ K**: Cảm cơn cô L nhiều. Để về tôi bảo cháu chuẩn bị giấy tờ rồi lên UBND xã đăng ký thay đổi tên.

**Cảnh 2: Tại nhà K**

**Mẹ K**: Cô L đã hướng dẫn rồi, mẹ đã ghi lại đầy đủ, con xem rồi chuẩn bị giấy tờ để lên UBND xã đăng ký thay đổi tên.

**K:** Vâng. Nhưng mẹ ơi, con còn chưa rõ giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch là gồm giấy tờ gì ạ.

**Mẹ K:** uh nhỉ, để mẹ gọi điện hỏi cô L xem.

**Cảnh 3: Cuộc hội thoại giữa mẹ K và cô L**

Mẹ K nhấc máy gọi ngay cho cô L.

**Cô L**: Alo, chị ạ?

**Mẹ K**: Vâng, tôi quên hỏi cô về giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch bao gồm giấy tờ gì hả cô?

**Cô L**: à vâng, các giấy tờ liên quan ở đây bao gồm: Giấy khai sinh của K, Chứng minh nhân dân của K, Sổ hộ khẩu của gia đình chị, các giấy tờ liên quan để làm căn cứ cho thay đổi hộ tịch của K chị nhé.

**Mẹ K**: Vâng, cảm ơn cô nhé.

Sau khi đã hiểu rõ, K cùng mẹ chuẩn bị đầy đủ giấy tờ. Ngày hôm sau đến UBND xã đăng ký thay đổi tên. Sau thời gian quy định thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng cháu K ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho K.

Bố, mẹ và K cảm ơn cô L rối rít vì đã giúp cháu K thay đổi được tên. Từ sau đấy, cứ có việc gì liên quan đến pháp luật thì gia đình K lại sang nhờ cô L tư vấn.

**Tiểu phẩm 10. CON DẠI CÁI THƯƠNG**

**Nhân vật:**

* Bà Ngọc
* Nga: con gái bà Ngọc
* Nam: bạn trai Nga
* Loan: cháu bà Ngọc

Gia đình bà Ngọc gần đây đang đau đầu chuyện cô con gái út - Nga - đang học đại học năm thứ 2 thì có bầu với bạn trai (Nam) cũng đang học đại học năm thứ 4. Không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, phần vì lo lắng cho con gái, phần vì xấu hổ với họ hàng, xóm giềng. Bầu đến tháng thứ 6 rồi Nga mới kể chuyện với bố mẹ. Thời gian vừa rồi, không thấy con về quê chơi, cứ nghĩ con bận học hành, làm thêm, ngờ đâu con gái vác cái bụng bầu về thông báo với bố mẹ. Qua trao đổi với bố mẹ Nam về sự việc, gia đình Nam lại muốn để Ngọc sinh nở xong, Nam tốt nghiệp rồi mới tổ chức cưới xin. Ông bà Ngọc cũng đành đồng ý, chẳng còn phương án nào khác. Tuy nhiên, việc trước mắt, Nga sắp sinh thì việc khai sinh cho cháu bà sẽ phải xử lý như thế nào khi bố mẹ nó còn chưa tổ chức cưới hỏi gì. Bà Ngọc trầm ngâm suy nghĩ một lúc, rồi bốc máy gọi ngay cho Loan – đứa cháu gái đang làm giảng viên trường Đại học Luật trên Hà Nội.

Vừa nghe tiếng alo từ đầu máy bên kia, bà Ngọc vội vã hỏi han sức khỏe, công việc của Loan, rồi nói thẳng vào chuyện của Nga. Sau khi kể cho Loan nghe về sự việc, bà Ngọc hỏi:

* Theo cháu bây giờ nên xử lý như thế nào, để khi đứa bé sinh ra được khai sinh đầy đủ bố, mẹ.

**Loan**: dạ vâng. Bác cứ bình tĩnh nghe cháu tư vấn ạ. Nếu muốn làm khai sinh cho con theo họ của cha thì cần phải thực hiện thủ tục theo 1 một trong 2 hướng sau:

Phương án thứ nhất: Nếu chưa sinh con thì phải tiến hành đăng ký kết hôn trước khi sinh con. Khi đó thì con bạn sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên được coi là con chung của vợ chồng và có thể khai sinh cho con theo họ của chồng[[10]](#footnote-10).

Phương án thứ hai: Nếu Nga chưa muốn đăng ký kết hôn thì phải tiến hành thủ tục nhận cha cho con và sau đó bạn có thể khai sinh cho con theo họ của cha đã nhận.

**Loan** tiếp tục:

* Nếu gia đình chọn phương án thứ nhất thì tiến hành đăng ký kết hôn trước khi sinh con, thủ tục kết hôn giờ đơn giản lắm bác ạ.
* Nếu gia đình chọn phương án thứ hai thì vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con, người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con theo quy định thì Ủy ban nhân dân kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh[[11]](#footnote-11) luôn bác ạ.

**Bà Ngọc**: cháu có thể nói qua cho bác về hồ sơ, thủ tục đăng ký kết hôn và hồ sơ đăng ký khai sinh kết hợp nhận con để bác cân nhắc được không? Nam – bạn trai Nga là người ở tỉnh khác cháu ạ.

**Loan**: dạ vâng.

1. **Về hồ sơ, thủ tục đăng ký kết hôn**

\*Hồ sơ gồm:

* Tờ khai đăng ký kết hôn;
* Bản chính giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của hai bên nam, nữ do UBND xã nơi thường trú cấp;
* Bản sao công chứng/chứng thực hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của hai bên nam, nữ;
* Bản sao có công chứng, chứng thực sổ hộ khẩu của hai bên nam, nữ.

UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn[[12]](#footnote-12)

Hai bên nam, nữ nộp cùng có mặt khi đăng ký kết hôn. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định, công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

**2. Về hồ sơ, thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, con**

\* Hồ sơ gồm:

– Tờ khai đăng ký khai sinh, Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu quy định;

– Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay thế Giấy chứng sinh[[13]](#footnote-13);

– Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con:

+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.

+ Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con[[14]](#footnote-14).

\*Về thẩm quyền, khi đăng ký khai sinh cho trẻ em mà có người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cha hoặc mẹ kết hợp giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh và thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.

Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân. Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định về việc đề nghị nhận cha, mẹ, con, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người đăng ký nhận cha, mẹ, con ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

**Loan** nói tiếp: quy định về 2 thủ tục trên là như vậy bác ạ. Giờ bác bàn bạc với các em, gia đình bạn trai em Nga xem như thế nào là hợp lý, hợp tính ạ. Còn theo cháu thì hai em nên đăng ký kết hôn trước, để em Nga và gia đình mình yên tâm chăm sóc, dưỡng thai, sinh con xong thì hai em tổ chức lễ cưới cũng được bác ạ.

**Bà Ngọc**: nghe cháu phân tích thì bác thấy phương án đăng ký kết hôn trước là hợp lý và đơn giản hơn.

**Loan**: vâng. Đăng ký kết hôn xong thì hai em đã chính thức là vợ chồng về mặt pháp lý bác ạ.

**Bà Ngọc**: đúng rồi cháu nhỉ. Vậy để bác bảo Nga và Nam trao đổi với gia đình bên đó phải thực hiện đăng ký kết hôn trước đã, sinh con xong một thời gian sẽ tổ chức lễ cưới hỏi đàng hoàng.

**Loan**: vâng.

**Bà Ngọc**: Bác cảm ơn cháu nhiều nhé. Thực sự khi biết sự tình em Nga vậy, bác cũng lo lắng và rối bời lắm. Em còn trẻ người non dạ, dại dột để mang bầu lúc đang đi học. Bây giờ em đã lỡ dại vậy rồi, cũng chẵng còn cách nào khác, đành để em sinh nở mẹ tròn con vuông, em bé lớn chút rồi bác sẽ tính để em tiếp tục học kiếm cái bằng mà xin việc.

**Loan**: dạ vâng, bác cũng đừng trách em Nga nữa. Giờ sự cũng đã rồi, mình cũng khuyên nhủ, động viên để em có tinh thần thoải mái dưỡng thai bác ạ.

**Bà Ngọc**: uh, bác sẽ cố gắng chăm sóc Nga. Bác cảm ơn cháu nhé. Vậy, cháu tranh thủ làm gì thì làm đi. Bác cũng phiền cháu hơi lâu rồi.

**Loan**: dạ không sao bác ạ. Vậy, cháu chào bác nhé.

Bà Ngọc tắt máy, thở dài, thần thờ suy nghĩ một lúc rồi gọi điện nói chuyện với con gái về những việc tiếp theo cần làm. Chẳng có người mẹ nào không khỏi suy nghĩ, lo lắng khi con gái mới tuổi đôi mươi đã sắp phải làm mẹ, làm vợ.

**Tìm hiểu pháp luật về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến**

**Tiểu phẩm 11: BỮA CƠM ẤM ÁP**

**Nhân vật:**

Ông K – Phó Chủ tịch UBND xã.

Bà N: vợ ông A

T: con gái ông A

H: con trai ông A – làm công chức tư pháp hộ tịch xã.

Cũng đã mấy tháng trôi qua, con gái ông K học đại học trên Hà Nội mới về chơi. Nhân dịp cuối tuần, đông đủ các thành viên và đặc biệt đãi cô con gái lâu ngày về thăm nhà, vợ ông K đã chuẩn bị bao nhiêu món ngon. Chỉ chờ mọi người tắm rửa sạch sẽ, cả nhà sum vầy ăn uống, nói chuyện. Trong không khí ấm áp bên nồi lẩu nghi ngút khói, mọi người cười nói vui vẻ. Vừa đúng lúc có chương trình thời sự. Hôm nay lại được nghe tọa đàm trao đổi về Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

**Bà N** (vợ ông K): Hy vọng mọi thủ tục hành chính đều được thực hiện trực tuyến, để người dân đỡ phải đi lại.

**Ông A**: Văn bản này bố cũng đã đọc rồi.

**H**: con cũng đã tìm hiểu để phục vụ công việc rồi ạ.

**T** (con gái ông K)**:** Văn bản này có điểm gì mới vậy à bố và anh?

**H:** Có một số điểm mới như thế này em à.

* Về cách ghi số chứng thực
* Về thu hồi, hủy bỏ văn bản đã chứng thực không đúng pháp luật
* Về chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP
* Về Chứng thực chữ ký trong tờ khai lý lịch cá nhân

**T:** anh có thể nói thêm về điểm mới trong chứng thực chữ ký trong tờ khai lý lịch cá nhân được không ạ?

**H:**  Nghị định 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đều hướng dẫn khi chứng thực lý lịch cá nhân là chứng thực chữ ký và không được phê vào nội dung lý lịch. Tuy nhiên, nhiều cơ quan, doanh nghiệp, trường học đều yêu cầu phải ghi nhận xét về hạnh kiểm, chấp hành pháp luật dẫn đến UBND xã rất lúng túng, nếu ghi vào lý lịch thì không đúng pháp luật, không ghi thì gây khó khăn cho công dân.

 Thông tư 01/2020/TT-BTP đã tháo gỡ được vướng mắc ở trên, cụ thể tại Điều 14 quy định:

- Các quy định về chứng thực chữ ký tại Mục 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP được áp dụng để chứng thực chữ ký trên tờ khai lý lịch cá nhân. Người thực hiện chứng thực không ghi bất kỳ nhận xét gì vào tờ khai lý lịch cá nhân, chỉ ghi lời chứng chứng thực theo mẫu quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về việc ghi nhận xét trên tờ khai lý lịch cá nhân thì tuân theo pháp luật chuyên ngành.

- Người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân của mình. Đối với những mục không có nội dung trong tờ khai lý lịch cá nhân thì phải gạch chéo trước khi yêu cầu chứng thực.

**T:** quy định như vậy đã tháo gỡ được vướng mắc vừa qua cho các anh rồi nhỉ.

**H:** Đúng rồi em.

**Bà N:** Vậy quy định về thu hồi, hủy bỏ văn bản đã chứng thực không đúng pháp luật có gì mới so với các quy định trước đây à con?

Nghị định 23/2015/NĐ-CP cũng như Thông tư 20/2015/TT-BTP chỉ quy định về giá trị pháp lý của bản sao được chứng thực, không quy định việc thu hồi, hủy bỏ văn bản chứng thực không đúng pháp luật đã gây khó khăn cho các cơ quan khi phát hiện chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký không đúng thì thu hồi, hủy bỏ như thế nào.

Thông tư 01/2020/TT-BTP đã quy định cụ thể các vấn đề trên, theo đó tại Điều 7 quy định giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản đã được chứng thực không đúng quy định pháp luật như sau:

- Các giấy tờ, văn bản được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không đúng quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư này thì không có giá trị pháp lý.

- Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực đối với giấy tờ, văn bản do Phòng Tư pháp chứng thực. Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực đối với giấy tờ, văn bản do cơ quan mình chứng thực.

 Sau khi ban hành quyết định hủy bỏ giấy tờ, văn bản chứng thực, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm đăng tải thông tin về giấy tờ, văn bản đã được chứng thực nhưng không có giá trị pháp lý lên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh.

- Người đứng đầu Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và các cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực đối với giấy tờ, văn bản do cơ quan mình chứng thực và đăng tải thông tin về giấy tờ, văn bản đã được chứng thực nhưng không có giá trị pháp lý lên Trang thông tin điện tử của cơ quan mình.

- Việc ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý và đăng tải thông tin thực hiện ngay sau khi phát hiện giấy tờ, văn bản đó được chứng thực không đúng quy định pháp luật.

**T:** Vậy Chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền thì sao ạ?

**H:** Nghị định 23/2015/NĐ-CP cũng như Thông tư 20/2015/TT-BTP không quy định rõ ràng, cụ thể về chứng thực giấy ủy quyền. Tuy nhiên Thông tư 01/2020/TT-BTP đã bổ sung khá cụ thể về chứng thực giấy ủy quyền tại Điều 14, cụ thể như sau:

- Việc ủy quyền theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thỏa mãn đầy đủ các điều kiện như không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản thì được thực hiện dưới hình thức chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền.

- Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này, việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

+ Ủy quyền về việc nộp hộ, nhận hộ hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền;

+ Ủy quyền nhận hộ lương hưu, bưu phẩm, trợ cấp, phụ cấp;

+ Ủy quyền nhờ trông nom nhà cửa;

+ Ủy quyền của thành viên hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

- Đối với việc ủy quyền không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì không được yêu cầu chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền; người yêu cầu chứng thực phải thực hiện các thủ tục theo quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch.

**Ông A**: Ái chà, anh H nhà mình nắm chắc quy định ghê nhỉ, hỏi đến đâu cứ trả lời vanh vách nhỉ.

**H vừa cười vừa nói**: vâng ạ. Con là người thường xuyên áp dụng các quy định này nên phải nghiên cứu kỹ bố ạ.

**Bà N**: phải vậy chứ con nhỉ, không thì sao làm việc đúng pháp luật được.

**T nhanh nhảu**: chuyện, anh trai con mà, làm gì cũng cẩn thận, có trách nhiệm ạ.

Cứ thế hết chuyện này rồi chuyển sang chuyện khác, cả nhà vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ.

Những câu chuyện xung quanh cuộc sống vẫn được chia sẻ cùng nhau trong những bữa ăn hàng ngày của các gia đình nói chung và nhà ông A nói riêng. Pháp luật ngày càng gần gũi, đi sâu vào cuộc sống. Bữa cơm sum vầy với những thông tin hữu ích, mẩu chuyện vui góp thêm tiếng cười cho mỗi gia đình.

## ****Tiểu phẩm số 12.** **HÀNG XÓM SẴN SÀNG GIÚP ĐỠ NHAU****

## ****Nhân vật:****

## **Nam**

## **An: hàng xóm**

## ****An** đang loay chuẩn bị cơm tối trong bếp, thì nghe có tiếng gọi từ ngoài cổng vọng vào:**

## **Chị An ơi, chị có nhà không ạ?**

## **An vội vã chạy ra nhìn xem ai đang tìm mình, trời chập tối, ngó nghiêng mãi mới nhìn ra là Nam – hàng xóm. **An** vội lên tiếng:**

## **Chị đây Nam ơi, làm gì mà hớt hải thế? Vào nhà uống chén nước đã.**

## ****Nam**: Dạ vâng, giờ này em sang mới gặp được chị. Chứ chị đi làm cả ngày.**

## ****Chị An**: uh. Vậy có việc gì thế em, vừa uống nước vừa nói chuyện nhé.**

## ****Nam**: Vâng, em mời chị uống nước.**

## ****Nam** tiếp tục: chả là bé con nhà em vừa sinh được 10 ngày, giờ em muốn đăng ký khai sinh trực tuyến cho con, vì em chỉ về nhà được mỗi chiều nay, không kịp lên Ủy ban đăng ký. Bố mẹ em thì già yếu rồi không đi lại được chị ạ.**

## ****An**: uh, cũng được em à. Giờ thủ tục cũng đơn giản.**

## ****Nam**: Chị hướng dẫn cho em được không.**

## ****An**: được thôi.**

## ****Nam:** Chị cho em mượn giấy bút, em ghi chép lại cho đỡ quên.**

## ****An**: hihi, chú cẩn thận quá, bút giấy đây.**

## ****An** nói:**

## *Đầu tiên*, em truy cập vào **Cổng dịch vụ công**

Cổng dịch vụ công quốc gia: [https://dichvucong.gov.vn](https://dichvucong.gov.vn/) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh: https://dichvucong.gov.vn để đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh online.

Việc truy cập phải bảo đảm việc xác thực định danh online, kết nối với CSDL Quốc gia về dân cư để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDL Quốc gia về dân cư (thực hiện dịch vụ khai thác thông tin công dân từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trên cơ sở số định danh cá nhân, tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công).

- Em cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh. Thực hiện thao tác tải lên (upload) các giấy tờ, hồ sơ theo quy định bao gồm:

+ Bản chụp Giấy chứng sinh/Giấy chứng sinh điện tử (nếu có);

+ Bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn (nếu có)/trường hợp thông tin về Giấy chứng nhận kết hôn đã có trong CSDL Quốc gia về dân cư thì không phải tải lên;

+ Bản chụp Giấy CMND/Thẻ CCCD và Hộ khẩu/trường hợp các thông tin này đã được xác thực và cung cấp bởi CSDL Quốc gia về dân cư thì không phải tải lên;

+ Giấy uỷ quyền trong trường hợp thực hiện việc đăng ký khai sinh theo uỷ quyền;

+ Nộp phí, lệ phí (nếu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí đăng ký khai sinh) thông qua chức năng thanh toán online tích hợp trên Cổng dịch vụ công.

Hoàn tất việc nộp hồ sơ đăng ký khai online.

**Sau đó, công chức Bộ phận một cửa có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.**

(1) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì chuyển hồ sơ đăng ký khai sinh để công chức làm công tác hộ tịch xử lý.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h00 mà không thể giải quyết ngay thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho công dân trong ngày làm việc tiếp theo.

(2) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại trường hợp (1).

(3) Trường hợp người có yêu cầu đăng ký khai sinh không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng bộ phận một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh.

**Tiếp theo, công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ**

Công chức làm công tác hộ tịch thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đính kèm).

- Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước 2 (trường hợp (2), (3)).

- Nếu thấy đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định thì thực hiện việc ghi vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin đăng ký khai sinh trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung, lưu chính thức và chuyển thông tin đến CSDL Quốc gia về dân cư để lấy số định danh cá nhân.

**Cuối cùng, trả kết quả**

Sau khi CSDL Quốc gia về dân cư trả về số định danh cá nhân, công chức làm công tác hộ tịch in Giấy khai sinh, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân.

**Nam**: chị cho em hỏi, thực hiện việc đăng ký khai sinh theo uỷ quyền được quy định như thế nào ạ?

**An**: Việc ủy quyền đăng ký hộ tịch như sau:

*1. Người yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, yêu cầu đăng ký các việc hộ tịch theo quy định tại Điều 3 Luật hộ tịch (sau đây gọi là yêu cầu đăng ký hộ tịch) được uỷ quyền cho người khác thực hiện thay; trừ trường hợp đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con thì không được ủy quyền cho người khác thực hiện, nhưng một bên có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền, không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại.*

*Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.*

*2. Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác theo quy định tại**khoản 1 Điều 15 Luật hộ tịch thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh[[15]](#footnote-15).*

Đăng ký khai sinh cũng là một trong những nội dung của đăng ký hộ tịch, do đó theo quy định trên đây thì em có thể ủy quyền cho người khác đi đăng ký khai sinh, nếu ủy quyền thì phải lập thành văn bản và chứng thực. Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.

**Nam**: ồ vậy ạ. Nhưng thôi, em chọn đăng ký khai sinh online ạ, đỡ phiền hà người khác.

**An**: em có thể cân nhắc phương án đấy.

**Nam**: Chị ơi, có được nhận Giấy khai sinh online không chị?

**An**: được em ạ. Nếu em có yêu cầu cấp Giấy khai sinh online thì công chức làm công tác hộ tịch tham mưu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 [Thông tư 01/2022/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-01-2022-TT-BTP-huong-dan-Nghi-dinh-87-2020-ND-CP-502821.aspx), chuyển trả kết quả là Giấy khai sinh được ký số cho em.

**An** tiếp tục: mà chị cũng lưu ý luôn cho em một số vấn đề sau khi đăng ký khai sinh online.

- Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh online phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng;

Nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh online đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

- Khi tới cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh) người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh, xuất trình Giấy tờ tuỳ thân;

Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn (nếu cha mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn) trừ trường hợp đã tải lên bản điện tử Giấy chứng sinh, Giấy chứng nhận kết hôn.

Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.

**Nam**: Dạ vâng. Vậy, lệ phí đăng ký khai sinh online được quy định như thế nào à chị?

**An:** Theo quy định miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại [Thông tư 281/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-281-2016-TT-BTC-phi-khai-thac-su-dung-thong-tin-ho-tich-phi-xac-nhan-co-quoc-tich-Viet-Nam-322135.aspx)

Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh chưa nộp được lệ phí, phí thông qua chức năng thanh toán trên Cổng dịch vụ công thì nộp tại cơ quan đăng ký hộ tịch khi đến nhận kết quả.

**An** nói tiếp: Theo quy định thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em[[16]](#footnote-16) đấy em.

**Nam.** Vâng, may thế em hỏi đúng người rồi. Em đăng ký khai sinh cho con trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con thì được miễn lệ phí khai sinh.

**An** vừa cười vừa nói: uh, đúng rồi. Lần sau cần hỏi gì có thể nhắn tin, gọi điện cho chị cũng được nhé, khỏi mất công chờ đợi chị.

**Nam**: vâng, em sợ chị bận nên không dám gọi trong giờ làm việc ạ.

**An**: Em cứ nhắn hoặc gọi, lúc nào có thời gian chị trao đổi lại.

**Nam**. Vâng, vậy để e về nghiền ngẫm lại, có gì lại hỏi chị nha.

**An**: ok em.

**An** tiếp tục: chả mấy khi sang nhà chị chơi, ở lại dùng cơm tối với anh chị và các cháu nhé.

**Nam**: em cảm ơn chị, vợ em mới sinh, ông bà thì già yếu rồi, thỉnh thoảng em mới về thăm nhà nên tranh thủ hỗ trợ vợ chị à.

**An**: ông bố đảm đang đây rồi.

**Nam** cười ngượng ngùng: ôi, em không dám nhận danh hiệu đấy đâu. Cảm ơn chị hàng xóm xinh đẹp nhé.

**An**: không có gì đâu, hàng xóm láng giềng chẳng hỗ trợ nhau được cái gì to lớn, mấy cái này đúng chuyên môn của chị nên chị sẵn sàng chia sẻ. Có gì chưa rõ cứ gọi chi nha.

**Nam**. Vâng ạ. Vậy thôi em xin phép về đây ạ, chúc chị ăn tối ngon miệng nhé.

**An**: vậy em về nha.

**Nam**: Dạ vâng. Em chào chị.

**Tiểu phẩm số 13. XIN XÁC NHẬN TRỰC TUYẾN**

**Nhân vật:**

* Hoàng
* Lan: em họ Hoàng

### Hoàng đang cần vay một khoản để đầu tư, sản xuất kinh doanh. Trong thủ tục vay vốn, Ngân hàng yêu cầu Hoàng phải cung cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Được biết, Hoàng đã ly hôn cách đây 01 năm. Thời gian gần đây Hoàng rất bận, không có thời gian đến UBND phường để xin xác nhận. Đang suy nghĩ, không biết hỏi ai thì chợt nhớ ra cô em họ đang làm công chức tư pháp – hộ tịch ở một phường khác trong thành phố Hà Nội. Hoàng cầm máy gọi ngay.

Vừa nghe đầu máy bên kia alo, Hoàng hỏi thăm tình hình sức khỏe, công việc, gia đình của Lan – em họ Hoàng. Rồi hỏi thẳng vào vấn đề:

* Hôm nay, anh gọi muốn hỏi em về việc xin xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến để vay vốn ngân hàng, em hướng dẫn anh các bước nhé.

**Lan**: Dạ vâng, cũng đơn giản thôi anh ạ.

**Hoàng**: Em nói qua cho a nghe xem.

**Lan**: ok anh.

**Hoàng**: để a ghi chép lại, nói nhanh lát lại quên hết.

**Lan** cười và nói tiếp:

**Bước 1:** Đăng nhập trang: **Dichvucong.hanoi.gov.vn (Nếu chưa có tài khoản thì thực hiện đăng ký tài khoản).**

**Bước 2:** Chọn đăng ký trực tuyến.

**Bước 3:** Chọn nộp hồ sơ tại phường sau đó (kéo xuống dưới).

**Bước 4:** Chọn "**Hộ tịch**".

**Bước 5:** Chọn thủ tục cần làm là "**Xác nhận tình trạng hôn nhân**" (Sau đó bấm thực hiện).

**Bước 6:** Chọn UBND quận mà mình có hộ khẩu - Tiếp tục chọn phường mà mình có hộ khẩu.

**Bước 7:** Kê khai các mục theo yêu cầu trong phần mềm.

**Bước 8:** Đính kèm các file ảnh hồ sơ liên quan để chứng minh nhân thân, nơi cư trú, giấy tờ về việc đã ly hôn.

**Bước 9:** Tiếp tục >>> nhập mã hồ sơ >>> Tiếp tục

**Bước 10:** Bấm hoàn tất.

**Hoàng:** đối với trường hợp của anh, hồ sơ đính kèm để xin xác nhận tình trạng hôn nhân gồm những cái gì vậy?

**Lan:** Vâng. Hồ sơ gồm có:

– Thứ nhất: Giấy tờ chứng minh về nhân thân như: Hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc các loại giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp, còn giá trị sử dụng. Anh sẽ chụp từ bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính, riêng đối với chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân thì sẽ cần phải chụp 02 mặt.

– Thứ hai: Giấy tờ chứng minh nơi cư trú anh để nhằm mục đích xác định thẩm quyền cụ thể như: Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú hoặc Giấy xác nhận thông tin cư trú.

**–** Thứ ba: anh chụp từ bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bản án, Quyết định của Tòa án về việc ly hôn.

**Hoàng**: vậy sau bao lâu, anh được nhận kết quả?

**Lan**: Đối với trường hợp của anh, chỉ đăng ký thường trú tại 01 nơi thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Nội dung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi đúng tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu và mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân[[17]](#footnote-17).

**Hoàng**: Vậy, anh có phải đến nhận kết quả trực tiếp không?

**Lan**: Việc xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của anh thuộc trường hợp được lựa chọn nhận kết quả theo một trong các phương thức quy định[[18]](#footnote-18) nhưng phải thực hiện việc nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu theo quy định trước khi nhận kết quả.

Như vậy, sau khi nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu theo quy định trước khi nhận kết quả thì anh có thể nhận giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bằng các phương thức sau:

- Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó;

- Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;

- Nhận kết quả là giấy tờ hộ tịch thông qua hệ thống bưu chính;

- Nhận kết quả là giấy tờ hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

**Lan**: anh có thể cân nhắc chọn các phương thức nhận kết quả sao cho nhanh nhất, thuận lợi nhất cho anh.

**Hoàng**: nếu mà phải mang các giấy tờ, tài liệu đến để đối chiếu thì anh sẽ nhận kết quả trực tiếp hôm đấy luôn em à.

**Lan:** Dạ vâng, vậy cũng được anh ạ.

**Lan** tiếp tục: thủ tục cơ bản là như vậy, anh cứ làm đi, vướng chỗ nào em hướng dẫn tiếp nhé.

**Hoàng**: ok em. Cảm ơn em nhé. Có gì anh hậu tạ sau nhé.

**Lan** vừa cười vừa nói: em chờ anh đầu tư, sản xuất kinh doanh có lãi rồi khao em nhé. Thôi tạm biệt anh nhé. Hẹn hôm nào anh em gặp nhau ạ.

**Hoàng**: Được rồi, được rồi. Thế nhé.

Nhờ sự hướng dẫn tỉ mỉ, cẩn thận của Lan, Hoàng đã hoàn thành việc xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân một cách thuận lợi như mong muốn. Thời đại 4.0, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin hỗ trợ rất tốt cho người dân trong thực hiện các thủ tục hành chính. Mong rằng, từ nay về sau, các thủ tục hành chính sẽ được cải cách, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp./.

1. bao gồm: họ tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê quán, dân tộc, quốc tịch của người được đăng ký khai sinh; họ tên, năm sinh hoặc ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, nơi cư trú của cha, mẹ của người được đăng ký khai sinh; nơi đăng ký khai sinh [↑](#footnote-ref-1)
2. b) Thông tin về tình trạng hôn nhân, bao gồm: thông tin đăng ký kết hôn; thông tin ghi vào sổ việc thay đổi tình trạng hôn nhân theo Bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thông tin ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn, ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

   c) Thông tin về việc thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

   d) Thông tin về đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ;

   đ) Thông tin về việc tuyên bố mất tích, hủy tuyên bố mất tích, tuyên bố chết hoặc hủy tuyên bố chết;

   e) Thông tin đăng ký khai tử. [↑](#footnote-ref-2)
3. a) Số định danh cá nhân ngay tại thời điểm việc đăng ký khai sinh được thực hiện trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung;

   b) Thông tin về: họ tên, số định danh cá nhân, số Chứng minh nhân dân, nơi đăng ký khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, dân tộc, quốc tịch, quê quán, tình trạng hôn nhân, nơi thường trú, nơi ở hiện tại, ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích; họ tên, số định danh cá nhân, số Chứng minh nhân dân, dân tộc, quốc tịch của cha, mẹ, vợ hoặc chồng, người đại diện hợp pháp của cá nhân sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2016, đã được thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đối chiếu, cập nhật thông tin hộ tịch. [↑](#footnote-ref-3)
4. hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 [↑](#footnote-ref-5)
6. **Điều 26. Phạm vi thay đổi hộ tịch**

   1. Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự.

   2. Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

   **Điều 27. Thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch**

   Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

   **Điều 28. Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch**

   1. Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

   2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy việc thay đổi, cải chính hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch ký vào Sổ hộ tịch và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

   Trường hợp thay đổi, cải chính hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn.

   Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

   3. Trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.

   Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch. [↑](#footnote-ref-6)
7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến thay đổi hộ tịch của cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật này, Tòa án nhân dân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án, bản sao quyết định đến Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân để ghi vào Sổ hộ tịch; trường hợp nơi đăng ký hộ tịch là Cơ quan đại diện thì thông báo cho Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.

   Khoản 2 Điều 3 Luật Hộ tịch quy định: “ Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

   a) Thay đổi quốc tịch;

   b) Xác định cha, mẹ, con;

   c) Xác định lại giới tính;

   d) Nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi;

   đ) Ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn;

   e) Công nhận giám hộ;

   g) Tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. [↑](#footnote-ref-7)
8. Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh. [↑](#footnote-ref-8)
9. Ngày 23 tháng 6 năm 2021, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1050/QĐ-BTP về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021. [↑](#footnote-ref-9)
10. theo khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 [↑](#footnote-ref-10)
11. Điều 15 Nghị định 123/2015/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-11)
12. Khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản 1 Điều 16 của Luật hộ tịch [↑](#footnote-ref-13)
14. Điều 14 Thông tư 04/2020/TT-BTP [↑](#footnote-ref-14)
15. Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch. [↑](#footnote-ref-15)
16. [khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch 2014](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Ho-tich-2014-259727.aspx?anchor=dieu_15) [↑](#footnote-ref-16)
17. Khoản 3 Điều 22 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch [↑](#footnote-ref-17)
18. a) Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó;

    b) Nhận bản điện tử giấy tờ hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;

    c) Nhận kết quả là giấy tờ hộ tịch thông qua hệ thống bưu chính;

    d) Nhận kết quả là giấy tờ hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch. [↑](#footnote-ref-18)